

## **Tác Giả và Tác Phẩm**

### **Nguyễn Hiệp**

#### **Tiểu sử**

Sinh quán ở Bình Thuận. Hiện đang ở Phan Thiết.

#### **Tác phẩm**

Huyền nhân ngải – Bông cỏ giêng – Hồn cát – Núi hiện



### **Mục Lục**

Vài hàng về tác giả - 2

Huyền nhân ngải – 3

Bông cỏ giêng – 9

Hồn cát – 13

Núi hiện - 18

#### **Phụ đính:**

Nóc trời và đáy cát – Hơi thở của dòng sông

Bay - Thùng lủng đáy – Cái quẹt tim gòn

Những người đàn bà gánh tro

*(Tim bài đọc: ở “Keyboard”, nhấn nút “F5”, đánh số trang, rồi “Enter”)*

## Vài hàng về tác giả

### da màu phỏng vấn nguyên hiệp

- Kỹ thuật sử dụng của tác giả trong truyện ngắn (chẳng hạn có người áp dụng kỹ thuật điện ảnh, visual art, âm nhạc, v.v.) Có thể giải thích rõ về cấu trúc của mình?
- Tác giả có phương pháp hoặc thủ pháp gì để dẫn dắt câu chuyện dưới một cấu trúc/một nội dung gần như phi lý đó? Có thể gợi mở những thủ pháp “bí mật” mà tác giả sử dụng để dựng lên/giải quyết câu chuyện? Những ý tưởng này đến từ đâu? Cụ thể là truyện mà tác giả tham gia, cảm hứng đến như thế nào?)
- Địa điểm và không gian viết có giữ vị trí quan trọng và ảnh hưởng đến tính mơ hồ, hư cấu, tưởng tượng trong truyện?
- Một truyện ngắn như vậy mất bao lâu để hoàn tất? (sở dĩ hỏi chi tiết như vậy vì với dạng truyện phi cấu trúc, nội dung tưởng như phi lý, không có thật, hoặc đánh lừa giác quan người đọc thì tác giả phải đi theo một hệ thống nào đó, vận dụng cảm tính hay lý tính, hay kết hợp cả hai để giải quyết những tình tiết/nhịp điệu trong truyện một cách trọn vẹn, phải chăng họ có độ tự chủ thật cao mới đi xuyên suốt được những hư cấu (đôi khi rất hỗn loạn hoặc phức tạp của tâm lý nhân vật) do mình tạo ra? Như vậy, mỗi truyện mất bao lâu để hoàn tất?) Trước khi viết thì tác giả có chuẩn bị trước nội dung hoặc kỹ thuật muốn hướng tới không?

#### Trả lời

- Tôi thường viết theo kiểu búp bê Nga, lồng nhau, đồng dạng. Con ngoài cùng/cái vỏ thấy được chỉ là cảm giác “hiện tại”. Tôi luôn cố gắng và ước muốn sao cho người đọc có thể dễ dàng lấy ra bất kỳ con búp bê bên trong nào để ngắm nghía, trò chuyện. Không hẳn là truyện lồng truyện hay lắp ghép hay phân mảnh, thật ra mỗi “con búp bê” là một lớp ý. Tùy thuộc trường nhìn, góc nhìn vấn đề của người đọc.
- Cái mà người ta quen gọi phi cấu trúc thật ra là do mũn tên thời gian lúc ngược lúc xuôi và không gian chủ yếu là không gian tâm tưởng. Nghĩa là khi viết, ta đầu đi cái nhìn trần thuật, cả hình học nhân cách cũng chỉ là ước lệ, có chăng chỉ là cấu trúc tâm lý, cấu trúc của dòng ý thức. Không gian giữa hai con búp bê là không gian tưởng tượng và liên tưởng. Tuy nhiên, cũng có mấy truyện tôi viết xong thì thấy hơi “xấu chuối” hoặc “xương cá”, điều này hơi ngoài ý muốn của tôi. Về truyện ngắn Áo, hình tượng vỏ ngoài cùng là chiếc áo vá và chuyện vá áo, người thợ may biến thành thợ vá do thực tế đời sống dẫn dắt bất buộc. Con búp bê thứ hai là thực trạng “vá víu chẳng đụp” tự phát không nhất quán, một thứ âm tính đang bao phủ xã hội. Con búp bê thứ ba là thói quen “vá víu”, khó dứt bỏ, khó thay mới thâm căn cố đế của người Việt, thái độ duy mỹ không thực tế. Con búp bê thứ tư... Con búp bê thứ năm... Chính cảm hứng từ hình tượng có nhiều lớp nghĩa đó mà tôi viết truyện này tức là xây dựng một hình tượng dựa trên sự truyền đạt cảm giác chứ không mô tả như là cái đã biết. Cũng xin nói thêm, tôi ít khi nào dám “giải quyết câu chuyện”, đưa ra nhận định này nọ, tôi chỉ bày tỏ, trao đổi với độc giả, cùng lắm chỉ là gợi lên, gửi gắm một thông điệp nào đó. Theo tôi, truyện ngắn nhất thiết phải mở. Mở, chứa và lay động đó là ba diện mạo cần có.
- Địa điểm và không gian viết không quan trọng lắm, nó chỉ giữ vai trò gợi tưởng tượng và liên tưởng.
- Tôi có tư truyện, ủ trong đầu một thời gian, cho đến khi nó thôi thúc viết ra thì ngồi vào máy (tôi không bị bất kỳ sức ép nào buộc phải “đẻ non” còn hạt chất hạt lép do cảm xúc của từng thời đoạn). Trong quá trình viết vừa “phiêu lưu” vừa “rười men”, do đó chỉ lâu thời gian ủ, có khi lên đến cả năm, còn viết thì nhanh, có truyện chỉ một tuần, nhuận sắc ba ngày nữa là mười ngày, thường như thế. Kỹ thuật thì như tôi đã nói, tôi chỉ quen kiểu búp bê Nga.

## Huyết nhân ngải

Chị Hạnh dường như đọc được suy nghĩ của tôi, vừa đi chị vừa nói:

-Thầy bắt gặp, chị chẳng biết nói sao, nhưng em đã quyết, chị chẳng ngăn nữa. Dứt khoát không được sợ sệt, hốt hoảng nghe chưa! Vào vườn ngải em phải bình tĩnh, tâm thế giản dị. Công việc luyện ngải không dễ dàng đâu.

Khi quỳ trước cây mai hoa xà vương ngải, chị Hạnh bảo: “Cúi xuống! Đừng nhìn!” Tôi rầm rập làm theo sự chỉ dẫn của chị Hạnh. Được một thoáng, trí tò mò của tôi lại nổi loạn, tôi hé mắt, hình dung như mình đang đứng trước một con người tinh anh, nhãn quang cực mạnh, tay chân tôi tự nhiên lại hơi run run, mồ hôi lạnh rịn ra hai bên thái dương. Tôi ngược nhìn lần nữa rồi không sao cúi xuống được, tôi bị mê hoặc bởi những cánh hoa màu sắc lạ lùng: ngoài hồng thắm, trong tím thắm, lại pha lốm đốm những chấm vàng, giữa các ranh giới chuyển tiếp màu ấy là trăm hồng nghìn tia lung linh. Tia mắt tôi bị hút vào những vùng màu sắc ma quái, tim tôi loạn nhịp, tự dừng cảnh vật chung quanh biến đổi, chao đảo, những cánh hoa như đàn chim phượng đang vỗ cánh bay lên, lượn vòng rồi đậu xuống vai tôi, tóc tôi, môi tôi, mũi tôi. Hương hoa thơm dịu phảng phất. Người tôi lâng lâng, tôi nghĩ chỉ cần mình nhấc đôi cánh tay là có thể bay lên như những cánh phượng hoàng, cánh tôi sẽ chao nhoè, đồng tử tôi sẽ loé những tia sáng bén nhọn. Tôi cảm giác mình đang cháy đến nơi, đang rã ra đến nơi, đang nhỏ bé, triệt tiêu. Tôi bước tới định hít thật sâu cho lồng ngực mình cho ấp đầy làn hương quyến rũ ấy, liền bị chị Hạnh đưa cánh tay nờn nả vòng ngang ngực cản lại. “Em phải tắm rửa sạch sẽ mới đến gần được. Đó là vua ngải.” Tắm rửa sạch sẽ.

Tôi hiểu điều đó có nghĩa là chúng tôi phải qua một nghi lễ kiểu như tẩy trần.

Trong căn nhà lục giác, chị Hạnh hướng dẫn tôi tư thế nằm trên chiếc sạp tre. Chị cũng khoả thân như tôi sau khi đặt một chậu lá giống lá hẹ xum xuê phía dưới sạp, tôi không hiểu đó là loại lá gì nhưng tôi ngửi được mùi hăng hăng nồng nồng. Tôi hỏi “Lá gì vậy?”, chị Hạnh có vẻ bí mật, đưa một ngón tay trước môi, chị trườn mình lên cơ thể tôi rồi ghé môi sát tai tôi khẽ khàng tiếng gió: “Huyết... nhân... ngải”. Tôi hơi giật mình, tôi từng nghe ba nhắc đến loại ngải này, chỉ cần để hai chậu ngải cạnh nhau là gió sẽ nổi lên, người luyện ngải sẽ bị vong mạng, vô phương cứu chữa.

Chị Hạnh lại tiếp tục thì thầm vào tai tôi: Loại ngải quý đó em, ban ngày, lá nó xanh bình thường, nhưng đêm thì ửng đỏ, chi hoa, cuống hoa mảnh như không có thật, hoa đỏ bầm, nhỏ li ti, lửng lơ nở vào những đêm trăng thu. Lúc ấy không gian chậu cây như đang xuất huyết, như đang đẫm lệ. Những ngôi sao máu vừa sa. Những bông hoa máu vừa vỡ. Những túi hương máu nặng mùi tanh tanh nồng nồng vương vãi, đậm đặc trong vòng năm bảy sải tay. Chỉ cần hít một ít hương thơm này cũng đủ cho người khoẻ nhất ngay lập tức rơi vào trạng thái ảo giác mơ hồ... Một loài hổ ở tận rừng sâu ăn hết thịt những người đàn bà tuổi dần nhưng chưa lại quả tim, đúng ngày đúng tháng, đủ khí âm dương quả tim người ấy liền mọc thành loại ngải này... Hạt giống tim người. Tôi chưa từng nghe cái gì ám ảnh hơn thế. Tôi lại rùng mình vì chợt nhớ tôi cũng tuổi dần mà. Chị Hạnh đưa vào miệng tôi một lát củ gì đó làm lưỡi tôi hơi tê tê. “Em cứ ngậm, cứ thư giãn; tắm rửa bằng ngay chính ý nghĩ của mình, tắm rửa bằng ngay chính ý nghĩ của mình, tắm rửa bằng ngay chính... ý... nghĩ... của... mình, ... Tôi chưa kịp nghe hết câu nói cuối cùng của chị Hạnh thì đã trôi đi, nhẹ tênh, bồng bênh, rồi rơi vụt đi như một chiếc lá nhỏ vừa xiên ngang trong gió.

Nơi đó, tôi thấy mình đang bơi trong một không gian mờ ảo, có một cành lá vuốt ve trên thân thể tôi, vuốt ve cả những vùng da nhạy cảm mà từ khi lớn lên, qua tuổi dậy thì, chỉ duy nhất có bàn tay tôi sờ mó, kì cọ trong những lần tắm táp. Tôi cảm nhận có gì đó trơn ướt lướt dọc gang

bàn chân mình, vờn lên cổ mình, lên đỉnh ngực mình. Đôi môi tôi chọt cảm nhận làn hương vị ngọt ngào, rồi cái vị ngọt ấy lan chảy trong răng lưỡi, ứ tràn trong cổ họng tôi. Môi tôi nút chùn chụt theo bản năng như một đứa bé vừa rút rời nhau thai đã biết nút dưỡng chất ngọt thơm từ bầu vú mẹ. Da tôi thức dậy bởi những cơn sóng nhỏ, xương gân tôi rướn duỗi khát khao, thần kinh tôi thức dậy thúc giục, đòi hỏi...

Tôi ưỡn người, cơn rùng mình kéo dài. Đau. Một cảm giác đau nhói ở đâu đó trên cơ thể. Vai tôi từ từ nhú lên đôi cánh nhỏ, đôi cánh khê khàng cử động, rồi nhip lên nhip xuống thật sự. Cơ thể tôi cũng nhip lên nhip xuống. Tôi không làm chủ được đôi cánh ấy, tôi muốn khóc vì bất lực. Tôi thì thầm “Cánh ơi, cánh ơi!” Chợt tôi thấy mình bay lên giữa mênh mang lặng im, càng lên cao sương khói càng dày hơn, xung quanh mịn mờ, rồi tôi bay đến một vùng trời không còn màu sắc ngụy trị, tất cả trong veo, những đám mây trong veo, da trời trong veo, tôi trong veo, không có ranh giới nào ở đây cả. Lạ lùng là ý nghĩ tôi cũng trong veo, không một gợn lo lắng, không một gợn buồn thương, không mảy may hối tiếc, chỉ lâng lâng, choáng ngợp trong cảm giác mới mẻ. Đường như tất cả là hư vô, với hư vô, trong hư vô...

\*\*\*

Tỉnh dậy, tôi thấy mình không còn nằm trên sạp tre, chị Hạnh đã bế tôi vào nhà, tôi chợt thấy thần kinh mình rất nhạy, nhưng lại không còn tập trung vào được bất cứ suy nghĩ hay công việc gì, cơ thể mình có một số thay đổi. Thay đổi rõ rệt nhất là mái tóc đen mượt chấm lưng của tôi bỗng nhiên xù lên, những sợi tóc từ cổ trở xuống phình to, nâu cháy, đùn rối trong nhau. Tôi với tay lấy cây lược, cây lược nhựa dẻo hàng ngày trơn tuột theo mái tóc mượt của tôi mà nay chợt sượng lại, không nhúc nhích thêm được tí nào nữa. Các ngón tay của tôi co lại giật mạnh đến đau nhói da đầu mà móng tóc rối ấy vẫn không thay đổi. Tôi bất lực soi nó trong gương, rồi cứ thế đứng nhìn sững hàng giờ liền, những giọt nước mắt tôi lăn tràn trên má giờ đã se khô, lem luốc làn da. Chị Hạnh ôm tôi vào lòng, áp mặt tôi vào ngực chị, tôi thẫn thức trong tư thế như vậy. Nhớ ngày tôi mới để tóc dài, nhìn mái tóc tôi, ba hay kể chuyện về bà nội:

...Bà nội tôi muốn gội đầu phải đứng trên bộ vạt tre vì mái tóc như suối. Suối tóc thật sự, nếu xoả ra trên bộ ngựa một thì dòng suối ấy sẽ lượn vòng, chảy tràn từ nút này đến đầu kia, phần còn lại tuôn xuống như thác nước bay, như phi tuyến huyền mộng. Má tôi và một người dì nữa nhắc ghé cao đứng hai bên, người thì cẩn thận múc từng gáo dừa nước bỏ kết đồ điệu nghệ, từ từ dọc theo mái tóc sao cho nước bỏ kết thấm đều hết mái tóc mà không vương vãi ra ngoài, người thì dùng các ngón tay vuốt mãi cho sạch tóc rồi dùng chiếc gáo khác múc nước mưa để lâu năm xả cho tóc thật mượt mới thôi. Phải mất cả buổi mới gội xong mái tóc. hong tóc cũng là một kì công mà chỉ có bà tôi mới đủ kiên nhẫn đứng hàng giờ liền, phải đứng ở nơi có gió mà lại không có bụi. Hôm nào trời oi nồng, không gió, má và dì tôi phải thay nhau cầm quạt mo cau quạt liên tục, mà phải quạt sao cho đường quạt lên xuống phải thật dài theo hết chiều dài mái tóc. Chỉ bàn tay dịu dàng khéo léo của má tôi chải tóc cho bà là bà ưng ý nhất. Càng nhớ lại chuyện kể về mái tóc bà nội, nước mắt tôi càng tuôn ràn rụa trên má.

\*\*\*

Người làng tôi vẫn tin rằng ba tôi sinh nghề tử nghiệp: “Ông giáo Thư luyện ngải trúng ngải mà chết.” Có người còn tán như thiệt: “Một cây ngải nâu được ăn trứng gà sống và uống huyết gà nhiều quá quay lại hại ngay chính người luyện. Ông giáo Thư đã trúng độc của cây ngải nâu, thúí hết cả lực phủ ngũ tạng...” Sự qua đời đột ngột của ba tôi làm tâm hồn tôi tê điếng vậy mà cứ qua bên kia sông là tôi lại nghe đầy lỗ tai những lời bàn tán, tôi chỉ còn biết lảng lảng quay đi, tôi sợ người ta phát hiện ra tôi, phát hiện ra tội lỗi của tôi, tôi sợ người ta gọi đến vết thương, nỗi đau vật, ân hận đau xé trong lòng mình. Động Trảng, nơi cha con tôi sinh sống cách làng một dòng sông, nằm tách về phía biển, chỉ qua lại bằng thúng chai, vốn đã xa lạ với những ngư dân, nên mọi chuyện dễ thành đề tài đàm tiếu, thêm thất mắm muối, một đờn trầm, không đồn thành có của thiên hạ. Chỉ người vừa trong nhà vừa tội nhân như chị Hạnh, vừa là

học trò vừa là người giúp việc cho ba và như tôi, đứa con gái ruột rà duy nhất của ba là biết rõ nguyên nhân thật sự...

-Thần chưa suy mà quý đã lộng... Trời ơi! Lũ quý... Ba tôi đứng như trời trồng, làm bầm rồi đột ngột hét lên, ném mạnh cái bay xới đất, chị Hạnh ép sát vào người tôi vừa né tránh vừa bảo vệ cho tôi. Chúng tôi lồm cồm quơ vội đồng áo quần, bò xuống núp dưới chiếc sạp tre. Tôi đưa mắt len lén qua kẽ ngón tay: Ba tôi đã nằm sóng xoài, bất động. Tôi bật dậy xô váy, trông vội chiếc áo thun lên người rồi lao ra...

Chị Hạnh lật đật loay hoay mãi với mái chèo, cuối cùng thì chiếc thúng chai cũng hết xoay tròn, rời khỏi bờ, cà giạt bơi đi trên con nước ròng mỗi lúc một duềnh lên, (không hiểu có phải tại tôi quá sợ không mà trong trí tôi bây giờ vẫn còn như in cái mặt nước sông xanh ngắt dập duềnh chao đảo ấy). Hai đùi tôi mỗi rã rượi lại chịu sức nặng của đầu ba đang nằm ngoẹo trên đùi nên tê cứng, mất cảm giác, thỉnh thoảng tôi sửa lại đầu ba tôi, hết đặt đùi phải lại qua đùi trái, sửa đến lần thứ năm thứ sáu gì đó thì thúng cặp bờ. Tôi làm mọi việc như một chiếc máy, đầu óc trống rỗng, cơn ngầy ngất ban chiều vẫn chưa dứt hẳn. Qua bên kia sông, chị Hạnh một đầu vồng, tôi một đầu, hai đứa lúp xúp chạy qua hết mấy chục đám ruộng muối, lên bờ xuống ruộng mãi rồi cũng đến được trạm xá...

\*\*\*

Dường như có một thứ thời gian nào đó ngấm dày, mọc rễ trong tầng tầng lớp lớp mảnh đất này? Ít ra là với những gì đã trải qua khiến tôi có cảm giác như thế.

Dường như có một thứ nửa bóng tối nửa ánh sáng đang đùa cợt trên những chiếc lá mùa xuân tội nghiệp. Tôi chưa bao giờ tin vào mùa xuân nhưng tôi lại rất thương những chiếc lá non, ít ra nó cũng cho ta cảm giác hy vọng, một loại hy vọng từ trong linh thức, đó là được tái sinh, tôi luôn ước ao được tái sinh tới một vòm trời mới lạ...

Tôi chợt nhớ lại lời ba tôi thường dạy: "Lấy tối hiểu sáng, lấy sáng hiểu tối". Lúc ấy, tôi chưa hiểu ba tôi muốn nói gì, tôi nghĩ có lẽ chỉ là những câu nói kiểu người lớn dùng bít kín ý thức của tôi mà thôi.

Từ ngày Hạnh của tôi vĩnh viễn ra đi, xuân này, tôi mới về lại nhà mình, tôi lại đi lang thang trên con đường lờm chờm đá sau nhà như tôi đã từng đi ngày ngày trong một thời gian dài của đời mình. Đó là sở thích? Không, đó là thói quen, đã là thói quen thì không cưỡng được. Con đường ấy tuy trước đây chỉ là một trong nhiều con đường khác nhau trong vườn, ba tôi không buộc tôi đi con đường đó nhưng ông đã không cho tôi có chọn lựa khác và một khi đã đi thì nó thành con đường của mình, thật khó mà rẽ lối nào nữa, dù điều có được trên con đường ấy chỉ là sự cô đơn tột đỉnh, hoang mang tột độ và nỗi khát khao tột cùng.

"Con gái! Ba cấm con vào vườn ngải! Con đi lối kia!" Ba tôi chỉ tay và tôi tin đó là mệnh lệnh, loại mệnh lệnh có lợi cho tôi, vì tôi, nhưng trí tò mò nông nổi của tôi thì lại lên tiếng mách bảo: Phải vào đường kia bằng mọi cách. Trong suốt thời gian dài chưa lần nào tôi nhận ra, dù chỉ là cảm giác khi đặt những bước chân mình vào trong vườn ngải là đã bước ngược vào chính con người mình. Bao năm qua, tôi đã đi trong ảo giác, cuộn tròn trong những bức vách hoa lá tưởng tượng do mình tạo ra. Nhớ lúc ban đầu, tôi trèo lên hàng rào ngó đăm đăm vào vườn ngải, tìm cách vượt rào, ba phát giác kịp lúc, tôi bị ba mạnh tay quất cho mấy roi và tưng đi tưng lại bài giáo huấn bất tận. Già lớn sợ nhân, trẻ non sợ quả. Có lẽ chính ba tôi cũng đã phần nào sợ rằng thế giới ngải của ông sẽ tạo ra một tấn kịch muôn màu sắc mà nhân vật chính là con gái cưng của mình.

\*\*\*

Tôi đã bị cuốn quá lâu vào một loại trạng thái xoáy tròn, ảo giác về sự trong sáng, về ánh mặt trời, về lẽ sống ngoan ngoãn, tuân phục. Đè nén và xoáy tròn. Chỉ có cuộc bùng nổ chính bên trong mình đang chờ tôi phía trước. Từ lâu tôi không còn tin sự chấp nhận cô đơn của mình

trên con đường đá lờm chờm bên ngoài vườn ngải là một loại ý chí và là thiện chí, những bài giáo huấn bất tận, những ngôn từ đạo đức, tinh tế, cao siêu, lý tưởng đã bị tôi lờn mặt và coi thường, tôi đã trở thành một kẻ thực tế và hoài nghi cao độ, nhưng bề ngoài, tôi vẫn cố giữ những biểu hiện của một con “ngổ rùng” ngây ngô hết thảy, với mọi nơi, mọi lúc, mọi vấn đề. Tôi có một cối riêng là gốc dương già, chiều nào tôi cũng ngồi ở đó nhìn đăm đăm ra bờ sông về phía làng biển. Có lần tôi nhìn thấy rõ ràng đám cưới của mình ngang qua dòng sông, hơn chục chiếc thúng chai dán chữ song hỉ đỏ lờm lờm, tiếng cười nói rôm rả cả khúc sông. Tôi thấy mình là cô dâu áo dài khăn đóng đang ngồi nép mình bên lén bên chàng rể khôi ngô tuấn tú. Bỗng nhiên chiếc thúng chai chở dâu rể rơi vào ao lò, một vòng xoáy dữ dội ngọt xuất hiện giữa dòng. Tôi ú ớ rồi hét lên thảng thốt. Tôi đưa tay dụi mắt lia lịa, té ra nẩy giờ ngủ gục mơ màng. Tôi bàng hoàng nhìn lại, chỉ mang mang con nước màu ve chai nổi với vùng trắng loá bên kia. Đường chân trời không một bóng người, tạnh im, hoang dại.

Ba tôi là một giáo sư dạy môn vạn vật, đã nghỉ việc. Từ Sài Gòn ông về ở hẳn Động Trắng nhiều năm rồi. Ba tôi có nỗi đam mê tốt cùng là nuôi luyện ngải, trước năm 1975, thỉnh thoảng ông đi nước ngoài để săn tìm ngải quý về luyện. Khi về khu vườn của ông bà nội tôi để lại ở Động Trắng này, ông đã mang hết ngải về đây. Trong khu vườn ngải rào lưới kín bưng, dây leo phủ kín, chỉ có ông và người học trò của ông là ra vào được. Ba tôi âm thầm luyện ngải, tuyệt không nói gì với bên ngoài. Khi tới kỳ quan trọng trong quá trình luyện ngải, ông ở luôn trong vườn ngải cả ngày. Đưa cặp mắt lén lút qua bức rào tôi vẫn thấy công việc trồng và luyện ngải: Đầu tiên ông cho các chất tượng trưng ngũ hành như diêm sinh, sắt, gỗ mục, muối và ít đất lấy trên núi cao vào chậu đất nung, trộn đều rồi trồng ngải vào. Xong, ông đem đặt lên một bàn thờ trong căn nhà lục giác, ông nhắm mắt, đọc thần chú. Tôi hỏi, chị Hạnh, học trò của ba giải thích: Đó là công việc truyền phù. Chị Hạnh thường thì thầm giảng qua loa cho tôi về công việc của ba, có lúc bị vạn hỏi vào thế bí, hết đường né tránh, thay vì phải giảng tới nơi chị lại nhe hàm răng trắng như ngọc của mình ra cười huề cả làng.

Chị nói: Khi được luyện, cây ngải sẽ mất rất nhiều thiên năng nhưng bù lại sẽ tăng thiên phù.

Tôi hỏi: Thiên năng là gì? Thiên phù là gì?

Chị phẩy tay cười trừ. Tôi biết chị không được phép, tức quá tôi mạnh dạn hỏi ba. Ba ân cần giảng đó là năng lực tự nhiên và năng lực của người luyện, nhưng giảng xong thì cả tôi và chị Hạnh đều phải trả giá bằng một buổi quý trên xơ mít khô, hai đầu gối thũng lổ chỗ, đau buốt cả tuần vẫn chưa hết. Ba tôi có kiểu phạt lạ đời (ông thường kể cho tôi nghe kiểu phạt này ông thường bị khi ông còn học ở bậc tiểu học). Ba không muốn tôi biết những điều liên quan đến ngải nhưng ông cũng không muốn tôi hiểu ông giấu tôi điều gì đó.

Ngày ba hấp hối ở trạm xá, nghe tiếng khóc của tôi, mí mắt ba khẽ rung rung, tôi nắm bàn tay gầy guộc của ba áp vào má mình hồi lâu. Đôi môi chọt mấp máy, ba thều thào yếu ớt “Mai...rồng...” Ba tôi chỉ nói được vậy rồi xuôi tay. Đám tang ba tôi đã qua hơn ba tháng, ngồi trước mộ ông trong ngày giỗ Bách nhật, tôi mới giật mình hiểu được mấy tiếng ú ớ tưởng như vô nghĩa ấy. Ba muốn nhắc đến cây ngải quý mà ba chăm chú, khổ công luyện nhiều năm nay, nó là cây mai hoa xà vương ngải, vua ngải, có lẽ cây ngải này đã hoá ngải rồng. Theo lời ba tôi, nếu quả thật ba tôi đã tinh luyện thành cây ngải rồng thì cực kì quý giá, ngậm ngải rồng dao chặt không đứt, rắn độc cắn cũng chữa trị được. Tội nghiệp ba, luyện được ngải rồng là tâm huyết một đời của ba, vậy mà vừa chớm thành công ông đã từ giã cõi đời.

Nhớ lại ngày tôi bị lạc trong cơn mê đắm ảo giác, đó là lần thứ hai tôi về quê và cũng là lần nghỉ hè cuối trong quãng đời áo trắng, tôi về Động Trắng nghỉ hè. Phần vì thèm muốn điều bị ngăn cấm nên chạng vạng tối rồi mà tôi vẫn quyết định kéo cánh cổng vào khu vườn ngải. Bước qua bao nhiêu là ngải, chậu cao, chậu thấp, chậu nhỏ, chậu to, chợt tôi sựng lại. Đôi chân tôi rụt rè, chậm dần rồi dừng hẳn. Tôi không thảng được nỗi sợ hãi. Tôi phải quay lại nhà kéo thêm chị

Hạnh, học trò của ba đi cùng. Để rồi sau đó tôi thường xuyên bước vào đó để “tắm rửa” cùng chị Hạnh như có một ma lực nào đó đẩy đôi bàn chân của tôi, dường như con người tôi không còn chút can thiệp nào của ý thức.

Chị Hạnh “tắm rửa” cho tôi bằng chính ngay thân xác mình, đôi lần tôi cũng chủ động “tắm rửa” lại cho chị. Tuy nhiên khi dẫn thân xác vào “vùng” ấy, chúng tôi lại nghĩ mình đang tắm rửa bằng chính ý nghĩ của mình. Có một hoặc hai nhân cách khác tồn tại cùng lúc với chính con người bản năng của chúng tôi. Sự cọ sát thân thể của hai chúng tôi được che đậy bởi những ý nghĩ thanh sạch, những ảo giác bay bổng và chúng tôi luôn tin như vậy. Cả tôi và chị Hạnh đều biết sự thật nhưng không ai nói ra hoặc là chúng tôi đang bị cuốn đi, không còn điều kiện để quay trở lại, để nhìn nhận mọi sự việc một cách thấu đáo và bình tĩnh. Chị Hạnh cũng không tỏ tình với tôi, những lúc lọt thỏm mềm nhũn người trong vòng tay âu yếm của chị, những lúc nằm trên chiếc sạp tre cuồng mê ấy, chúng tôi chỉ im lặng, có lẽ mọi lời nói trong cái gọi là “tình yêu tha thiết” giữa một đứa con gái mới lớn như tôi và chị Hạnh là thừa. Chỉ cần một buổi thiếu thốn da thịt chị Hạnh, thiếu thốn những lời kêu gọi tắm rửa bằng ý nghĩ là mái tóc rối của tôi vàng chạch hẳn ra, những sợi tóc phình to hơn, xù rối hơn, đầu tôi đau như búa bổ. Có lúc tôi còn thấy cả bà nội tôi hiện về đang đứng gội đầu trên bộ vạt tre và dòng suối tóc lượn chảy bất tận. Những lúc ấy, dù là nửa đêm tôi cũng lọ mọ đi qua buồng của chị như ma dẫn, tôi vạch mùng chui vào áp mình vào cơ thể chị như một kẻ khao khát đến ngây dại.

\*\*\*

Sau khi ba tôi qua đời, một người đàn ông khác thường tấp thúng chai vào Động Trắng lấy nước ngọt trước khi ra khơi. Tôi không hiểu tại sao anh ấy không lấy nước ngọt ở làng mà lại ra đây. Nhưng rồi sự có mặt của anh ấy đúng lúc và cần thiết đến nỗi tôi và chị Hạnh không ai bảo ai, công khai coi anh như một người thân đã từ lâu. Có những buổi tối trời động, anh lồi ghe lên thẳng gốc dương già, ở lại tham gia những buổi uống trà bánh ngọt với chúng tôi. Câu chuyện của anh bao giờ cũng xoay quanh những ngọn gió Nam Lửa thổi từ núi Ông ra, ngọn gió này có tên là gió Treo Xoong vì không đánh bắt được gì mà biển lại rất nguy hiểm hoặc cái cách nương theo ngọn gió Dọc để “bắt giọt” bở chà. Anh ấy cứ thế lặp đi lặp lại hàng chục lần, nhưng vẫn say sưa, vẫn cười hề hề khi bắt gặp những cái bụm tay ngáp dài của tôi và chị Hạnh. Thân hơn, anh ấy đã tự do vào ra trong nhà, có khi tôi và chị Hạnh đang “tắm” trong vườn ngải, anh ấy đã đứng nhìn ngây dại cả buổi trời, sau này nghe chị Hạnh kể lại tôi mới biết. Những ngày biển động, anh ta ở lại giúp chúng tôi những việc nặng nhọc. Anh ta lúc nào cũng chỉ một chiếc quần đùi trên người, bắp thịt cuộn cuộn, da thì sạm đen, đôi lúc tôi thèm đứng gần cơ thể anh ta để ngửi cái mùi nắng gió hấp dẫn ấy, để nhìn những tay chân ghồ ghề to tê của anh, ánh mắt tôi chờ đợi, ngây dại.

Nhìn thấy ánh mắt của tôi, chị Hạnh giả lơ quay đi, nhưng cả ngày hôm đó, tôi hỏi gì chị cũng không trả lời. Khi đám mây đen trong căn nhà tôi nặng trĩu đen kịt, không khí nặng nề đến không chịu nổi thì chị Hạnh lên tiếng: “Khoái lạc nhỏ phát sinh từ độc ác lớn”. Chị bồi thêm: “buồn cho người bở gốc theo ngọn”. Tôi đã chạy đi và úp mặt khóc sụt sướt. Vết rạn đầu tiên trong quan hệ của hai chúng tôi đã tượng, đã thành. Vết rạn trong tâm hồn nhanh chóng nói ra lớn hơn đôi khi chỉ vì một nguyên cớ chẳng ra sao, một câu nói vô tình, một tiếng khua đầu đó lở hơi mạnh tay cũng thành đám mây đen mới trong mắt nhau. Chị Hạnh lớn hơn tôi năm tuổi, giống tôi như hai giọt nước. Tôi không biết chị có mặt ở nhà tôi từ lúc nào, chỉ biết rằng chị là học trò của ba. Chị theo ba học luyện ngải và là phụ tá đắc lực cho ba.

Nhiều lần tôi tự hỏi mình: Có phải tôi đã yêu chị Hạnh rồi không? Yêu một người nhưng lại thèm muốn một người? Hay tôi chỉ nghiện ngập những buổi lễ “tẩy trần” mây mưa cùng với chị Hạnh bên cạnh chậu huyết nhân ngải? Chị Hạnh là người thích nói những câu chữ sách vở làm

cho tôi chẳng biết ra sao. Chị hay lí sự: Ngay lúc nói “chị Hạnh yêu em” thì oái oăm là tình yêu không có mặt, nhưng khi chị Hạnh có tình yêu, em có tình yêu, nhận biết tình yêu của mình thì ngã không có mặt.

Sau này thì sự thật diễn ra theo đúng như vậy. Một lần chị Hạnh qua bên sông mua thức ăn, anh ấy đã ép tôi vào gốc cây dương già (chính tôi chủ động dẫn anh ấy tới cội riêng của mình, nơi mà tôi không thể nhớ hết mình đã bao nhiêu lần ngủ gục mơ màng có một đám cưới trên sông) và tôi cũng choàng tay, đu người cố gắng thuận theo, cố gắng chứng tỏ mình là người đàn bà trăm phần trăm. Mặc dù những lần quan hệ ấy chỉ làm cho tôi thấy đau đớn, ê mình ê mẩy, không một chút cảm giác sung sướng hay mê mẩn, nhưng tôi an tâm, nhẹ lòng vì như vậy là thuận theo tự nhiên, thuận theo quy luật âm dương, đàn bà cần đàn ông. Ngược lại, với chị Hạnh tôi có tất cả những thứ khao khát kia nhưng sau đó, trong lòng lại ngập tràn cơn sợ hãi. Tôi không sao hiểu nổi mình nữa. Rồi chuyện sẽ xảy ra đã phải xảy ra...

Chiếc thùng lớt thật êm làm cho cả tôi lẫn anh chàng ngư phủ không hề biết là chị Hạnh đã đứng sững ở đó từ lâu. Khi tôi quay đầu lại thì chỉ còn thấy tà áo chị đang vụt vào nhà. Tôi dừng lại vừa túm váy kéo lên vừa chạy theo. Chiến tranh lạnh kéo dài ba ngày đêm. Sáng hôm đó, sau một đêm thao thức, tôi ngủ dậy muộn. Vừa dụi mắt tự dưng người tôi lạnh toát, tôi vừa linh cảm có điều chẳng hay xảy ra, tôi xộc vào phòng chị, trống trơn, tôi lao ra ngoài réo gọi. Ngoài bến, chiếc thùng chai đã biến mất. Bàng hoàng, tôi gục xuống, chuôi hai chân trong cát. Chợt tôi phát hiện chiếc thùng chai lấp ló trong một lùm cây phía dưới. Từ tư thế tuyệt vọng rã rời trên bãi cát, tôi bật dậy như một chiếc lò xo. Tôi chạy vào vườn ngải, tôi thở ra mừng thầm trong bụng khi thấy dáng chị trắng nõn trên chiếc sạp tre. Nhưng hơi ôi cơ thể chị đã lạnh ngắt từ lúc nào. Hạnh của tôi đã cứng lạnh từ lâu, đôi mắt mở trừng trừng nhìn nóc nhà lục giác. Dưới sạp tre, hai chậu huyết nhân ngải đặt cạnh nhau rào rào khua động, khi mà ngoài kia gió lộng đến rợn người. Một ý nghĩ đen tối nhất, lạnh lẽo nhất vừa chạy xuyên qua đầu tôi, trườn dọc sống lưng tôi.

Tôi vung mạnh tay hất đổ, tróc gốc hết những cây huyết nhân ngải đang khua động, bằng một sức mạnh tiềm tàng được huy động nhanh chóng, tôi bưng cả những cây ngải khác ném vào lùm dây leo. Cả số phận cây ngải vua- hoa mai và vương ngải cũng vậy, tôi nhắm mắt ào tới hất phăng bằng toàn lực như hất đổ một ngai vàng trong chốn hoàng cung. Tôi hả người được đôi chút rồi lại bụm mặt khóc nức nở. Mới đây, tôi và chị Hạnh vừa vui vẻ nâng niu trồng, nhân thật nhiều chậu huyết nhân ngải, cả vườn đầy tràn huyết nhân ngải, chậu lớn, chậu nhỏ đều trồng huyết nhân ngải, có điều khi ấy, chúng tôi khéo léo để chúng cách xa nhau... Thoáng cái, tôi đã biến chúng thành một đồng hầm bà lẩn, lộn nhào vào nhau, chẳng còn giá trị gì. Những bụi ngải ấy bỗng nhiên quơ qua quơ lại, rồi gió lạnh mang đầy âm khí cuộn lên, rít lên từ cái đồng hầm bà lẩn ấy. Tôi mệt mỏi ngồi bệt xuống, nước mắt tuôn ra ràn rụa, tôi nhớ lại những cuộc hoan lạc thể xác đầu tiên của chúng tôi, một dòng nhiệt luyến sôi lên, rung lên, trào lên khi hai cơ thể của chúng tôi đụng vào nhau và thế giới ảo giác thực sự là thế giới sống của tôi và chị Hạnh. Hạnh ơi! tội nghiệp cho Hạnh quá. Chúng ta đã dựa vào quy luật nhưng có được đâu, em hại chết Hạnh rồi... Em sẽ chết theo Hạnh, sẽ chết!... Những chậu huyết nhân ngải đã ở gần nhau. Gió đã nổi. Em sợ quá Hạnh ơi...

Tôi sợ hãi cái chết, một thứ mà tôi không biết, nhưng rõ ràng là tôi đang sợ, tôi sợ cái chết trong sự tưởng tượng của tôi, trong cái gánh lo lắng, lo toan, lo hãi về sự cắt đứt các mối liên hệ mà tôi tưởng tượng là thuộc về mình. Tôi sợ mất chị Hạnh, sợ mất những nghi thức tẩy trần đầy lạc thú, sợ mất đi mái tóc dài mượt mà, sợ nỗi đau sẽ ngập tràn tâm hồn mình, sợ dần xé, sợ xáo trộn. Không! Tôi thật sự không muốn đánh đổi những gì đang có, dù nó có là bóng tối đi nữa, dù nó có là bi kịch đi nữa, dù nó có là chiếc lồng bùa ngải giam giữ tôi đi nữa (xét cho cùng không ở trong cái lồng này tôi lại ở trong cái lồng khác thôi, tự do tuyệt đối là một ảo tưởng). Chung cục, tôi chỉ muốn nói một điều: tôi sợ. Bất cứ nơi đâu có một dực vọng muốn tự



vệ thì nơi đó có sự sợ hãi. Tôi muốn thoát khỏi sự sợ hãi này thì lại gây ra một nỗi sợ hãi khác. Nỗi sợ hãi như một cơn mưa xối xiên vào tâm hồn tôi làm tôi hỗn hển nghệt thờ. Tôi dấy dựa thêm được chút nữa rồi gục xuống, gục xuống, bẹp người trên bãi cát mơ hồ. Tôi đã trúng độc huyết nhân ngải. Tôi chỉ kịp biết như vậy rồi thoát nhanh ra khỏi thân xác tôi, một thân xác tội nghiệp quá đỗi. Tôi hiểu tất cả chúng tôi đều qua đời vì cuộc sống trái khuấy, ngược đời của mình. Động Tráng giờ đây vắng lạnh, hoang phế, người làng biển nhắc tới nó như một nơi bị ma ám, quá ghê. Tôi không hiểu vì lời dạy của cha tôi: “Lấy sáng để hiểu tối, lấy tối để hiểu sáng” hay vì thiên năng, thiên phù gì đó của huyết nhân ngải mà tôi không bao giờ được siêu thoát. Tôi luôn bay đi bay về quần quanh ở Động Tráng với sợi tóc mượt mà đen huyền như của nội tôi, nó không còn rối xù, vàng chạch như lúc sinh thời mê muội của mình. Dường như luôn có một thứ nửa bóng tối nửa ánh sáng đang đùa cợt trên những chiếc lá.

Dưới chân núi Tà Cú, tháng 6/ 2008

## Bông cỏ giêng

Năm Cỏ Giêng là tên tôi từ tuổi thiếu niên, ai đó đã gọi một lần như thế, sau thì chết tên, vì cả làng cho tôi là thằng quái gỡ khi tết đến người ta đua nhau mang về nhà các bình mai vàng sáng rực, tôi lại chỉ chưng độc trong nhà loại bông sắc tím, thứ sắc mà ai cũng sợ, con gái lậm vào thì chỉ có chờ chờ đợi đợi vô vọng không hoá đá cũng lỡ thì, con trai dính tới thì lụy tình lụy đời đến danh vọng tiêu tan, đến thân tàn ma dại.

Tôi mê bông cỏ giêng kì lạ thật, giống như mỗi con người sinh ra đã có duyên kiếp gì đó với một loài hoa, chỉ người đó mới nghe loài hoa kia ca hát, trò chuyện, chia sẻ buồn vui, chỉ có người đó mới ngất ngây hoặc điếng dại khi đứng trước nó. Bông của loài cỏ dại này nở rộ trong dịp Tết mà lại có khuôn mặt mang mang, nhè nhẹ, đài hoa như chiếc áo ngoài rách tươm, cũ rích mà cánh hoa, lưỡi hoa như một kiệt tác vô tình mà hoàn mỹ của tạo hoá: đây là bản pha các tông của màu tím phong phú nhất mà tôi biết được: từ sắc tím tím nhàn nhạt tưởng như nõn trắng, chút mơ hồ ấu thơ của thanh thiên bạch nhật, đến phớt tím mơ mơ cuối chiều lay động hồn người xế tuổi, đến tím hoa cà trong câu hát huê tình đau nhói tim can trần tục... và cuối cùng là tím than huyền bí, thẳm sâu, màu của phương Đông, màu của những quyển sách triết lí cuộc đời vốn bị đánh mất trang đầu, trang cuối.

Sự hợp nhãn ấy, cái giao tình ấy như là tín hiệu báo trước một đời tu của tôi. Thích Giác Giêng cũng là cách gọi theo pháp danh, chữ “Giác” trong thứ bậc một dòng kệ ở đất Nam Trung bộ này, chữ “Giêng” là do lúc lên núi quy y, thầy tôi vừa cười vừa hỏi: con thích tên gì? Tôi nói ngay: -Thưa, Giêng! Nếu không có tính thì chẳng bao giờ tới mệnh, con người vốn như thế mà!

Thầy tôi bảo đó là tính! Sau này, khi qua thời sa-di, rồi thọ Cụ Túc Giới, tôi cũng chẳng nghĩ gì đến tên mình, nhưng quả thật loài bông dại ấy có gắn với đời tôi một câu chuyện, tất nhiên theo cách nghĩ của tôi là chẳng buồn, chẳng vui. Do Tết năm nay gặp lại người ở quê, lời vô tình mà động đến tim can nên tôi chợt nhớ lại.

\*\*\*

Khi đã trở thành đại đức trụ trì một ngôi chùa nhỏ dưới chân núi, tôi có người bạn trẻ hay ghé thăm chơi, anh ta là nhà thơ quanh năm suốt tháng đạp chiếc xe đạp lọc cọc đi bán thơ mình rồi tá túc khắp các chùa trong nước. Có lần thấy trên sườn xe đạp của anh ta có dất cục đá, biết là để đạp vào lốp mỗi khi xe trật cóc, tôi nói với anh ta: -Mình còn bị trói sao mơ đi mở trói cho người khác? Anh ta đánh lễ rồi nhỏ nhẹ, trịnh trọng: -Bạch thầy Năm Cỏ Giêng! Thơ con

chỉ mong diu ba đào về chân trời khác chứ không có ý đó. Tôi bỗng xao động trong lòng không chỉ vì lời đối đáp rất sáng của con người hoà nhan ái ngữ này (các nhà thơ khi đã trở nên “tận kỳ tính” thì đáng yêu biết bao) mà còn vì người trai này, nhà thơ lang thang này gọi đúng tên tôi hồi còn ở làng quê, hồi mẹ con tôi rau cháo trong mái tranh sập sệ ở dốc Cây Cầy, hồi mà Tết của tôi mênh mông một màu tím ngắt, tím đến héo hắt lòng người, chỉ có người đồng hương với tôi mới biết.

Một ngọn gió từ trong sâu thẳm con người tôi, mịn màng như mây lụa trên cao, không xuân hạ nóng bỏng, không thu đông lạnh lẽo nhẹ nhàng thoát ra. Lần đầu tiên tôi thấu cảm: Ngoài tâm người không có hiện thực nào khác. Anh chàng đi bán thơ chợt nói tiếp: -Bạch thầy! Con như giếng khô trên gò cao, giờ chỉ biết ứa ra những giọt mồ hôi, như cách làm của cát, của cuội, gọi là đối bát cơm cũng được, gọi là gội rửa mình cũng xong, làm gì dám mong đi cõi trối cho tha nhân. Tôi nghĩ anh ta cũng còn chỗ lém lỏm, đa ngôn nên tùm tùm cười vụn lại lần nữa: -Sao lại lấy thơ làm kế sinh nhai, đem cái tính của biển cả chứa trong lỗ chân trâu sao đặng? -Bạch thầy! Chán con lắm! Con cũng thật hết cách, nhưng mà lỗ chân trâu có gì hay không còn tùy người, tùy cảnh, ngay trong giới được mọi người kính trọng, bất khả tư nghị như giới tu hành thiếu gì kẻ sống bằng nghề tu, chắc là đau đớn cũng như con.

Thoạt đầu, tôi nghĩ anh chàng này cà khịa, mượn hơi hướng câu nói của tôi đem cho cái mà tôi không nhận, vì tôi không thể có nó, nhưng định tâm tôi thấy đúng một phần. Không trụ ở đó, tôi còn liên tưởng ngay đến thầy tôi, người tôi chịu ơn quy y rồi cả thọ Cụ Túc Giới... Người ấy có một thời mông muội phạm giới, một ni sư mà đem lòng yêu thương một vị đại đức ở chùa khác, yêu đến độ nửa khuya xuống núi, vượt mưa gió, gánh hơn ba chục quyển Đại Tạng kinh quý giá của thầy mình đem tặng người tình. Hứng trọn cơn mưa đêm như trút nước, vừa run lạnh, vừa đi trong trạng thái như mộng du nên bị một chiếc xe khách từ Hàm Tân ngược chiều tung phải, thể xác không trọng thương, chỉ trầy xước sơ sơ nhưng Sư đau xót nhìn những quyển kinh trộm vụng tung bay tứ tán trong buổi mai vừa hé rạng. Sư cô mất ăn mất ngủ gần nửa năm trời, vết thương lòng chẳng biết bao giờ mới lành. Đức Bổn Sư ấy bây giờ lại xuống núi lấy tiền thập phương cúng dường mở trại trồng mười lăm ngàn trụ thanh long, mở trên chục đại lý mua bán thanh long lớn nhỏ, mở trại nuôi heo, nuôi bò, dụng cả chục tăng trẻ như một đội quân của dịch vụ tụng cúng phục vụ lễ lạc... rồi cười gọi là làm kinh tế chùa, tu theo lối trưởng giả Duy Ma Cật. Nhưng hãy khoan, gì thì gì chứ anh chàng đi bán dạo thơ vẫn đang trước mặt tôi, hãy lắng nghe câu chuyện riêng tư này chút đã!

-“Bạch thầy! Chán con lắm! Trước đây con chưa bao giờ dừng lại nhìn một khung trời sắp tắt nắng, một nắm mồ bên đường nói chi đến một bông hoa xem có lung linh hay sắp rữa nát. Chưa bao giờ! Con luôn bị quỹ đạo công việc cuốn đi, cuốn đi như chiếc lá nhỏ trong dòng bão lớn. Chưa biết ngày sau thân này ra sao đây? Con luôn lằm bằm như vậy. Con quần quật với công việc, tối mắt tối mũi với công việc. Chẳng ai khiến nổi con, chỉ có sự lo lắng thái quá hành hạ con, thật sự lúc ấy con chưa phân biệt các cung bậc của sự lo lắng. Sự lo lắng không đâu hành hạ con người đến mê, đến muội mà không biết. Lúc ấy, con muốn bứt phá, muốn vượt lên thân phận của một dòng họ trồng lúa, nghèo kiệt xác quá ba đời. Chẳng ai khó ba đời, vậy mà bốn đời nhà con đều rách nát, đều nhục nhã, đều hèn hạ. Trong phả hệ nhà con, đàn bà thì bán lưng cho trời, bán mặt cho đất như thân cò từ sáng đến tối vục mỏ vào vũng bùn khổ ải. Đàn ông cả đời như con cút de thụt thụt thò thò vón đất cho khô đến chai vàng cả tay, chai trắng cả hồn.

“Đến ngày kia, sau một ngày mồ hôi đầm áo, con ngã lưng trên bãi cỏ ngủ ngon lành. Giật mình dậy thấy bông cỏ giềng nở tím cả khu đồi. Ngày cùng tháng tận rồi đây! Thoạt đầu con chỉ nghĩ thế. Con ngồi dậy sau cái duỗi mình, chợt bàng hoàng thấy bao nhiêu là bông cỏ giềng dưới lưng con cũng đang duỗi mình, ngửa mặt bùng nở. Lần đầu tiên con phát hiện đó cũng là

những sinh linh sống động. Con hít một hơi thật sâu, một hơi thở đầy hương hoa đồng nội, trời đất chợt bao phủ một màu tím đến ngút ngát huyền niệm. Chính sự huyền niệm vừa nhận biết cho con thêm hiểu cái mênh mông, không cùng của con người. Chán con lắm! Con chợt đọc lên vài câu rời rạt và có duyên với thơ từ đó, người làng chưa hiểu cứ cho là con bị ám. Họ cũng kể về thầy như một trường hợp bị ám khác bởi bông của loài cỏ dại ấy.”

Con người khác nhau là do đối tượng người đó chú ý tới. Nếu bị ám bởi loài bông, loài hoa, bị ám bởi cái đẹp con người sẽ trở nên rất người. Duyên lành nên tôi được gặp anh ở đây, màu tím ấy cũng chỉ là chút bê bối dễ thương của tiểu ngã... Tôi tùm tùm cười. Anh chàng nhà thơ trẻ cười theo ý tứ. Anh chàng nhà thơ lang thang này gọi tôi chợt nhớ chút bê bối dễ thương trong đời mình, hình như cái gì đã đi qua đời ta dù như thế nào cũng mang một giá trị nhất định, ai cố bỏ đi, quên đi là tự đánh mất mình vậy. Hồi ở làng, nhóm bạn thân từ ngày còn cời trường tấm mưa của tôi có ba đứa: Vân, Lập và tôi. Vân là con gái út của ông chủ một cơ sở xay lúa lớn nhất vùng, được cưng chiều không ai bằng. Lập là con nhà tiệm vàng, gia đình này phát lên từ lúc khai phá một vùng đất ven sông. Cái ngày anh của Lập đào được một hũ vàng Hồi (một quày cau và nhiều lá trâu, tất cả đều là vàng ròng) cũng là cái ngày định mệnh của gia đình Lập. Anh của Lập ngay lập tức hoá cuồng, cuối cùng là tự sát bằng một quả lựu đạn. Hai người chị, cũng là những người đầu tiên mở chiếc nắp hũ, trở nên tâm thần, mở miệng là ú ớ những câu chú quái gỡ, không ai hiểu gì, sau phải nhốt ở dưới vườn chuối như hai nữ tượng giữ cửa, sáng trưa chiều tối có người mang cơm, mang nước bón, chăm. Nhưng sau đó, ba Lập từ một người ngày ngày ,với đôi gánh trên lưng, rao bán đậu hũ khắp làng trên xóm dưới trở thành một chủ tiệm vàng bệ thế của khu quận lỵ. Giữa hai căn nhà lớn ấy là túp lều bé nhỏ, rách nát của mẹ con tôi. Thời gian trôi, chúng tôi nhiều tuổi dần, rời rời khỏi làng đi học xa, chúng tôi vẫn liên lạc đều đặn với nhau. Những dịp lễ, Tết, ba đứa đều hẹn về rồi quỵện lấy nhau như hình với bóng. Vân càng lớn càng thanh thoát từ hình dáng bên ngoài đến lời ăn tiếng nói, tôi thường hình dung tâm hồn Vân trong xanh như một viên ngọc bích, trong Vân không có sự phân biệt giàu nghèo, sang hèn. Tôi cảm thấy cuộc sống của mình không thể thiếu Vân được nữa nên nhiều lần định ngỏ lời, nhưng ngại ngùng rồi lại thôi. Tôi tặng Vân thật nhiều bông cỏ giêng. Vân bảo thích loài bông cỏ này thế là tôi lên đồi bứng cả gốc rễ về trồng kín quanh mảnh sân nhà. Lạ lùng! Lúc ấy, duy lúc ấy, mỗi cánh tím rung rinh nở là tâm hồn tôi như vừa nhận được giọt mật lịm ngọt hạnh phúc, cả vườn tím rộ là tâm hồn tôi thắm đẫm cả mùa màng ngọt ngào, nhạc ru đến đê mê, lời lay đến ngất ngư khờ dại, tình vun lên đến như sóng như núi, náo nhiệt nóng bỏng.

Tôi đang học giữa năm cuối cùng thì nhận được giấy mời đám cưới của Lập với Vân. Đắt trời quanh tôi chao đảo. Ngày đó, tôi thất thểu đội cái nắng Sài Gòn đi bộ gần hai chục cây số ra ngoại vi thành phố tìm một người bạn cùng lớp để... uống rượu. Rượu càng nhiều tâm hồn tôi càng bị thiêu đốt, làm như nổi buồn đã nhân lên hàng trăm ngàn lần. Tôi không lí giải được điều gì với chính mình. Sau thời gian lang thang khắp đất Sài Gòn, tôi về lại quê, đứng nhìn khu vườn cỏ giêng nở tím giữa hai căn nhà lớn, người tôi tê tái, rã rời. Tôi quỳ xuống đám bông dại ấy hồi lâu. Sắc tím chiếm ngự mắt tôi. Người tôi ngợp tê bởi sự lan truyền, run rẩy của từng cánh hoa. Từng mảnh sắc sạm dần ảo diệu, chỗ mơn trớn, chỗ thu mình như trong sắc có hương, trong hương có sắc. Phải chăng linh hồn hoa bé mọn mà đau nặng nỗi đời. Cũng từ ấy, một suối nhạc dâng lên khúc cao trào, mô phỏng những đầu gai tím tím, li ti liên tục châm chích vào trái tim chết điếng của tôi, càng lúc càng nhanh dần cho tới khi hồn tôi với hồn bông cỏ giêng thành một, bỗng ham muốn gục xuống, cuộn vào bên trong, ham muốn chui vào một lớp kén ảo giác để tìm cứu cánh cuối cùng. Tôi từ từ ra đứng bên lề đường, rồi đứng suốt đêm ấy, mắt tôi tròn căng, tôi nhìn mà không nhìn, chân tôi mất dần cảm giác, tôi đứng mà đảo chao nghiêng ngã. Tôi đi thẳng lên núi xin quy y rồi ở lại chùa luôn, tôi vác đá đi lên dốc đá, tôi vác mình vượt khỏi nỗi đau chính mình. Tiếng chuông chùa kia thoát đầu cũng vác mình nặng lắm, đâu chứa được những điệu âm thức tình phải không?

Anh chàng nhà thơ lang thang bảo chính gia đình anh mua lại khu vườn có căn lều của mẹ con tôi. Khi mẹ tôi qua đời, tôi có về rước vong mẹ lên chùa, nhưng việc bán nhà lại giao cho một người bà con, nên tôi không hề biết người mua. Nhà thơ trẻ kể rằng: Khi đám cỏ giềng quanh nhà bị đẩy sạch, tới lúc un đống đốt, có người đàn bà nhà bên ôm con đứng nhìn sang. Cái nhìn lạ lẫm, hình như là thần thờ, hình như là dại đi!...Nghe đến đó, chuổi hạt bồ đề trên tay tôi chợt rơi xuống đất. Anh chàng nhà thơ lúng túng nhặt giúp. Mắt anh ta như vàng trắng hạ huyền chợt sáng lên lúc về khuya.

...“Nghe đâu chồng của người đàn bà này, sau chuyến thoát chết trên một chiếc tàu chở gạch ra đảo bị sóng lớn phủ qua, gạch ướt, tàu chìm, ông ta bám trên tấm gỗ bị trôi dạt mãi tận vịnh Thái Lan, tưởng đã chết, chợt trở về nhưng hoá thành một kẻ tạp ăn, tạp uống, bị ám ảnh bệnh hoạn về miếng ăn. Ông ta bắt được con chuột đưa ngay lên miệng cắn nhai rao ráo, còn nửa con bỏ túi để dành. Người ta còn kể: có lần ông ta ăn bọ cạp bị con vật này chích sưng vù cả miệng, ông ta hét lên: -Mày cắn, tao cũng để dành! Cả ngày, đi đâu cũng có con bọ cạp trên vành môi sưng to, đỏ mọng, thỉnh thoảng, ông ta chóp chép thêm thuồng nhưng lại cứ để dành, chốc chốc cứ khóc hu hu như trẻ nít. Có lần ông ta đào được con heo con ai đó chôn đã vài ngày, ngồi xé thịt ăn ngon lành, mùi thúi nồng nặc mà ông ta cứ hít lấy hít để rồi lảm nhảm: -Để dành! Để dành! Ông ta lại chống khu cào đất lấp phần thịt thúi ấy lại. Những màn để dành của ông ta làm rợn tóc gáy, làm lợm bựa ăn của những người dân trong làng, có người thấy ông ta là không thể ăn gì được. Ông ta uống rượu say vác cái mạng hôi thối về đòi ngủ với vợ, không cho là rượt đánh cô vợ náo động canh khuya làm mất ngủ cả làng. Công an xã bắt nhốt, ông ta quỳ xuống, ngược mặt nhìn tấm lịch người mẫu treo trên tường, hét lên: \_ Đẹp quá! Xấu như tôi bị nhốt đã đành, đẹp như cô sao cũng ở đây...Ha ha. Công an bức mình cho ông ta là cố tình gây rối trật tự trị an nên đưa đi Huy Khiêm cải tạo. Từ đó, con chẳng có tin tức gì về ông ta nữa cả.”

...“ Người đàn bà ấy, ngày ngày, tay xách cái cân đòn, tay xách giỏ tôm mua lại ở làng biển bên kia sông, đi rao bán khắp làng trên xóm dưới. Con Tôm, ai cũng gọi bà ta như thế, người ta gọi, người ta bình nhất nhất đều chỉ là cái tên ấy: “Con Tôm đến kìa!”, “Con Tôm trông tiều tụy nhưng vẫn còn nét quý phái”, “ Con Tôm đẹp gái lại là dân có học đó, cứ nhìn mắt nó thì biết”... Cứ tiếng rao tôm của “Con Tôm” cất lên là đúng năm giờ sáng, lâu thành quen, đều đặn thành lệ. Cả làng ai cũng xem đó như cái đồng hồ. Người vào rú, vào rẫy nghe tiếng Con Tôm thì lục đục dậy nhóm bếp, xới cơm, học trò nghe tiếng rao của Con Tôm thì tỉnh thức ôn lại bài chuẩn bị đi học... Đến một ngày, cả làng dậy muộn, học trò trễ học, chân nam đá chân chiêu. Người làng bàng hoàng nhìn nhau khi hay tin Con Tôm đã qua đời vì bệnh ung thư. “Bệnh phát cả tháng nay mà cô ấy ráng đi bán tôm”, “ Buồn vậy hỏi sao không bệnh ung thư?”, “ Trước khi trút hơi thở cuối cùng, nghe đâu cô ấy dặn con trai: -Nhớ trồng bông cỏ giềng chỗ mẹ nằm, nghe con...!”

Anh chàng nhà thơ lang thang kể cho tôi nghe hết mọi chuyện rồi đột ngột hỏi: -Bạch thầy! Đạo là gì? Tôi định mượn câu của Nam Tuyền Phổ Nguyễn để trả lời “ Bình thường tâm là đạo”, nhưng sáo quá nên thôi. Cuối cùng tôi nói: “Với hoa, vũ trụ nở! Ai bảo xuân không có màu tím? Thỉnh thoảng nên lắng tâm, anh trở về với đôi cỏ giềng của anh, tôi trở về với mộ cỏ giềng của tôi, ấy là đạo vậy”. Thật sự lúc ấy, tôi nghĩ mọi nỗi buồn của nhân gian đã hoá thân thành bông cỏ màu tím gắn bó với cuộc đời tôi kia, để mùa xuân được sạch trơn, trong ngần đến rục rĩ. Chẳng biết ghé thăm chùa từ lúc nào, ngay lúc ấy, sư thầy tôi xuất hiện: “Nghĩ xanh là xanh, nghĩ tím là tím. Mô Phật! Buông xả! Niệm như sóng của nước có gì lạ đâu. Sao không đi chuẩn bị Tết nhứt đi! Bộ tu là không ăn Tết à? Nhân giả nhân dã!!! Lúc ấy, tôi chợt ngộ, hình như anh chàng nhà thơ cũng ngộ nên tiếp ý của tôi mà cất giọng:

Chúa xuân lau ưu phiền  
Đồi xuân nở cỏ giêng  
Nhìn hoa, vũ trụ sáng.

## Hồn cát

Ngọn lửa. Sóng. Khỏa thân. Đường cong của đồi vú. Đường lượn của vũng eo... Hơn mười năm ôm máy chụp hình, đứng kiếm sống ở khu Mái Nhà Cát Bay này, tôi thường nghe khách du lịch, những người mang “cái túi tiền” của tôi, hay huơ chân múa tay, suýt xoa về những hình ảnh gọi từ cát, họ nói nhiều đến mức tôi cảm thấy nhàm chán. Vấn đề của tôi là khách chụp bao nhiêu hình, có chịu chơi và thanh toán sòng phẳng không. Tôi có những kiểu ảnh thuộc loại “độc chiêu” về những ngọn cát bay, về những đường lượn sóng trong mùa bắc thổi (không đẹp không lấy tiền) để khi khách không còn muốn chụp nữa thì tung ra kiếm thêm ít đồng.

Một vị khách đặc biệt, người đầu tiên sau hơn mười năm tôi cầm máy, đã làm tôi lúng túng vì phải dùng đến chiêu cuối cùng mà vẫn chưa thỏa mãn. -Cháu còn kiểu nào hay hay nữa không? Câu hỏi là một lời thách thức đối với một tay máy kì cựu của tụ điểm du lịch này là tôi. Nhưng chỉ như vậy không thì cũng chưa đủ lí do để tôi phải lẻo đẻo mang máy mang giỏ theo ông suốt ngày trên những đồi cát, bởi vấn đề của tôi là kiếm sống, dù trước đây, tôi đã từng đứng trên bục giảng, một nghề lãng mạn trên hết những nghề lãng mạn, dù chính tôi là người đầu tiên gọi tụ điểm đồi cát này là Mái Nhà Cát Bay, sau, ai cũng gọi theo như vậy.

Ông khách tóc trắng như mây ấy làm tôi hơi rùng mình khi trong buổi chiều vắng, tự dưng ông hỏi: -Cháu tin cát có hồn không?

Rồi ông tiếp: -Lắng nghe đi! Cát đang nói đó, đang kể chuyện đó, đang ca hát đó đó... Cháu có nghe không?

Chiều sụp xuống rất nhanh, tôi vội vàng cho hai tay vào túi đen để cất sổ phim chụp dở dang trong máy đem đi tráng rửa, chợt tôi thấy ông khách tóc trắng như mây ấy đứng lặng giây lâu trên đồi cát, dường như hai má ông lấp lánh ánh hoàng hôn, nhìn kỹ, tôi biết đó là nước mắt. Tôi bước lại đứng bên ông, cố chia sẻ nỗi niềm gì đó đang trào dâng trong lòng ông già tội nghiệp. -Cát dịch chuyển thân phận kia, cháu thấy không? Tôi nhìn vào đôi mắt ướt ướt của ông, một đôi mắt mang nhiều đường nét thời gian, đang chìm đắm xa xăm với những câu hỏi mộng du, tôi biết tôi chỉ là cái cớ để ông tìm chút vui nhẹ nỗi niềm trong cái hồ thăm sâu là tâm hồn ông, đang dần chìm lút bởi quá khứ sống dậy. Và tôi cũng biết người có ánh mắt đôn hậu cùng cái kiểu nói mộng du như vậy chắc là người cao thượng. Tôi nói với ông ý nghĩ của mình, tôi nói thật lòng chứ không dẻo miệng nịnh khách như bình thường. Khi hai người ngồi xuôi xuống dốc cát, ông lặng yên một hồi rồi băng quơ: -Thật ra, tôi là người vô tình bạc nghĩa, chẳng cao thượng gì đâu. Rồi ông bắt đầu kể, kể miên man, như chỉ để cho mình mình nghe...

Sóng biển bạc đầu trắng xoá, ấy là mùa “bắc cầu tài, nam giã bãi”, gió giật điên cuồng, gió giật dây mơ, thổi mờ con mắt, tôi và anh giao liên rời ghe men theo bờ dương vào một cơ sở dưới chân động cát, định rời từ đó sẽ vượt cát, men theo đường Tám- liên tỉnh tiến về khu Tam Giác Sắt, một chiến trường ám ảnh kẻ thù, một biểu tượng về ý chí kiên cường của nhân dân ta. (Tôi nhận lệnh chuyển về bổ sung cho mũi công tác ở đây, hồi đó tôi còn rất trẻ, chỉ hai lăm, hai sáu). Một ngư phủ nước da đen nhem vòng từ cửa sau ra cào đồng cát đang lấp gần quá nửa cánh cửa trước làm bằng những thân tre đập dập, vừa hỏi chúng tôi vào nhà, ông vừa nói cái

câu đã nhập vào tim tôi ấy “bác cầu tài, nam giả bái”, thay cho lời chào chúng tôi. Lão ngư phủ cơ sở cách mạng ấy bưng lên một nồi cơm trắng, đĩa mắm cá cơm dầm ớt hiểm, cùng mấy con đối kho, (tôi còn nhớ như in nồi cơm đó: chiếc nồi đồng tròn ỉm thắt eo gần miệng, cơm gạo lúa mới dẻo nhẹ, chấy vàng ươm đầy nồi). Vừa mời chúng tôi ăn cơm, ông vừa lật đặt bưng lên thau nước sạch cho chúng tôi rửa miệng. -Trời! Tội chết! Bác để tui con xuống bếp rửa miệng tự nhiên, con cháu không mà bác làm gì vậy!? Tôi áy náy đứng dậy dành bưng thau nước trở xuống bếp. -Coi! Để đó, mấy anh đi đường xa mệt lắm... Tôi nhất quyết không chịu, cứ bưng thau nước ào xuống bếp. Khi đường đột bước xuống bếp, tôi mới rưng rưng hiểu mọi chuyện. Trước mắt tôi là bữa ăn dở dang của ông và người con gái: Trên cái mề rách lột lá chuối, một mớ khoai lang luộc và một đĩa mắm kho quẹt, tôi còn nói gì được nữa chỉ còn biết bần thần quay lên.

Lão ngư phủ ấy, thật ra chẳng phải là dân ở đây, ông là người dân tộc Biêt, theo cơn loạn ly thời cuộc mà trôi dạt từ cao nguyên xuống tận nơi đầu sóng ngọn gió này. Người ta gọi ông là Bơ Ry Kha, có nghĩa là cha của Ry tên Kha, không hiểu sao ông thật sự không có họ, có lẽ do cách tính nguồn gốc của dân tộc ông vừa ở đoạn nhập nhằng chuyển tiếp giữa mẫu hệ và phụ hệ. Chữ Ry là tên con gái ông, cô gái có khuôn mặt như tiên sa, với cặp mắt đen láy, thanh my xanh rậm nhưng lại bị câm, câm mà nghe được. Trước đây, họ cũng ở trong vùng dừa xanh um rợp mát quanh năm ở khu làng dọc theo đường cái quan, (là con đường quan đi hồi xưa). Cũng vì sắc đẹp thanh cao lạ lùng của cô con gái mà bao nhiêu chuyện rắc rối xảy ra. Ông kể:

... “Hắn rút gói thuốc Mélia, đánh xạch cái “zippo” màu xanh rêu bằng một nhát chặt tay điệu nghệ, khói thuốc phì phụt bay thành những vòng tròn lơ lửng trước mặt con gái tôi, chỉ rít đúng ba hơi, hắn dụi điếu thuốc thơm xuống chân. Hai bàn tay hắn xếp thành hình tam giác, đỉnh hướng lên trên như vậy (ông Kha vừa kể vừa ra bộ tịch), dân tôi là hay để ý bàn tay mà. Đầu hắn ngước cao ngạo nghệ trên hai cái cổ áo, mỗi bên sáng một bông mai vàng (thiếu úy chớ giống sao). Thằng này sẽ đeo như đĩa doi và sẵn sàng đe dọa nếu trò gạ gẫm tán tỉnh thất bại chứ không rút êm như bọn lính “chim khướu” gắm ghé, khúm na khúm núm, củ ri củ ri, hót dở như mắm thúi, từ trước giờ. Tôi thầm nhận định tình thế nên cố vắt óc nghĩ ra cách ứng phó. Tội nghiệp con nhỏ bị buộc ngồi như đóng đinh xuống chiếc ghế băng phía bên kia bàn nước, chẳng buồn gọ gay hướng là dùng ánh mắt bàn tay mà chuyện trò; tôi cũng thật khó nghĩ, mình có con gái mà.

Chợt đầu tôi sáng lên, tôi vừa nhớ đến lon kẹo mạch nha, tôi đằng hắng một tiếng rồi đứng dậy ngọt ngào giả lá: -Anh là người làng này? Tôi lấy trong kệ lon mạch nha và mấy chiếc đĩa, vừa quán vào đầu đĩa quét kẹo lớn dẻo nhẹ vừa ngồi vào bàn bên cạnh con gái tôi. -Ba tui là hàm hộ nổi tiếng nhứt ở đây, hông biết sao? -Là ai vậy anh? -Trời, hông biết danh Hai Kiêng thiệt hả? Nguyên dãy thùng lều chạy mút biển là của ba tui hết đó. Hắn lắc lắc đầu cười hí hửng. Tôi chồm người đưa cho hắn đĩa kẹo mạch nha: - An đi cháu! Loại kẹo này chính hiệu nấu bằng mằm nếp thơm ngon lắm. Tình huống chẳng đáng dừng, khi hắn cắn ngập hai hàm răng vào khối kẹo mạch nha, tôi đứng dậy biết cái bẫy đã sập, chẳng ác gì, tôi chỉ muốn cứu con gái khỏi tình huống khó xử. Những lời lẽ huyền thuyên khoe khoang rở tiền của thằng sĩ quan con nhà giàu bị chặn đứng. Mặt hắn đỏ rựng. Tay hắn đổi tư thế: cái hình tam giác ngạo nghệ lúc nãy đã chúc xuống đất. Cuối cùng, hai bàn tay ấy xếp xuống đặt lên bàn, các ngón tay múp míp của thằng đều cán hàn chặt lại với nhau, chỗ đỏ bầm, chỗ tái trắng. Hắn không nói gì được nữa, ngồi đực mặt ra mãi cũng kỳ đành cúi đầu hậm hực chào về. Lúc ấy, cái nhân trung phẳng lì trên miệng hắn khê giật giật, tự nhiên tôi thấy gai gai trong người, tôi linh cảm tai họa sẽ ập xuống con gái mình từ thằng trời đánh thánh đâm có cặp mắt gườm gườm cay cú này chứ chẳng chơi. Vậy mà thật, nó thù tôi rồi trút mưa bão xuống cuộc đời con gái tôi.

Ac ôn! Ngay hôm sau, nó cho người tung tin khắp làng trên xóm dưới: Con Ry câm là ó ma lai, đêm đêm rút đầu bay đi ăn xú ối, đến gần gà gáy thì bay về ráp lại với thân mình, không tin thì đến gần mà nhìn sẽ thấy cổ nó có ba ngấn rất đặc biệt. Trời đất quỷ thần! Người ta nườm nượp kéo nhau đến nhìn chăm chăm vào cổ con bé rồi hốt vãi quanh nhà tôi gọi là trù ó ma lai. Tội nghiệp! Con Ry nghe hết mà nói lại không được, cứ quay mặt vô vách, nước mắt ràn rụa từ ngày này qua tháng nọ. Cha con tôi bỏ nhà, bỏ làng vô che túp lều trong động cát này ở mà cũng chưa yên đó, nhà nào cũng lo lấy vạc mấy dầu cộng màu trắng trước cửa; con Ry ra chợ là bị ném gạch, ném cây, có bữa nó bị thương, tóc tai rũ rượi, áo sổng rách bươm, máu me đầy người, bò về tới nhà là xỉu luôn. Tôi thương con quá mà chẳng biết làm sao.”...

Tuyến đường Tám bị kẹt, cả chục chiếc tăng hùng hổ kéo về, bọn lính Mỹ rần rí “con cộp” thay cho bọn Địa phương quân tảo thanh ngày đêm tận các hang cùng ngõ hẻm, không ngờ tôi buộc phải nằm lại căn hầm bí mật của ông Kha hơn hai tháng trời. Quanh nhà là động cát mênh mông trùng điệp, lại cái tin đồn ó ma lai làm nổi gai óc mọi người, chẳng ai dám héo lánh, nên tình hình nhìn chung là an toàn. Ry là người thường đưa cơm xuống hầm cho tôi. Căn hầm tấp bap cát chặt hẹp nên sự tinh cờ va chạm với cơ thể mềm mại nóng ấm của người con gái ấy thường làm tôi thân người ra, đầu óc mụ mị hẳn đi. Tôi nhìn lên nóc hầm trong những lúc như vậy để cố kìm chế. Nhưng thật tình cơ thể cũng không bằng tia mắt nhìn, rất nhiều lần tôi bắt gặp tia mắt ướt rượt lạ lùng của Ry trong ánh sáng tù mù của căn hầm, khi Ry ngồi nhìn tôi ăn, khi ấy, tôi nghe cả mùi hương cơ thể Ry toát ra ngào ngạt căn hầm, tia mắt và cái mùi ấy không có ngôn ngữ để diễn tả nhưng nó làm cho người đàn ông nào nhìn thấy, hít phải thì không còn làm chủ được mình nữa. Và tôi là một người như vậy, ngay khi tôi vừa đưa tay vuốt mái tóc em, tay em đã run run giật hàng nút bóp của chiếc áo bà ba. Trong căn hầm quá chật, vậy mà em đã nhanh chóng tạo được tư thế thuận lợi nhất cho cả hai đều lên “tới đỉnh”.

...Đêm trăng mười bốn, gió nam non se lạnh, tình hình yên ắng, tôi rời hầm lên trên để tắm rửa, chuẩn bị cho chuyến đi dài của mình. Ry dùng gáo dừa múc từng gáo nước xối cho tôi gội đầu. Tắm xong, tôi còn đang dụi dụi tóc vào chiếc khăn lau thì bất thần em nắm tay tôi chạy thẳng lên đồi cát. Hàng tỉ tỉ hạt cát lấp lánh ánh trăng vàng tạo ra một không gian ảo mộng thật sự. Tôi bị choáng ngợp trước vẻ lộng lẫy của đêm trăng, choáng ngợp trước hạnh phúc bất ngờ. Chúng tôi ngã dụi vào trong cát, em vứt cả quần áo, quần quện lấy tôi, cứ thế hai đứa cuốn mình lăn tròn từ trên đồi cát xuống, chúng tôi ôm ghì lấy nhau từng hồi mê mẩn, khi vừa qua một lần mê mê hoan lạc, tôi chợt nhận thấy cơ thể em, da thịt em chỗ nào cũng dát vàng, dát bạc lung linh, lung linh. Tôi cắn nhẹ vào môi em, môi đầy cát, đầy ánh trăng, tôi cắn nhẹ vào ngực em, ngực đầy cát, đầy ánh trăng, chúng tôi chạm vào tận tâm hồn, thể xác của nhau bằng hương mật ngọt ngào đầu đời của mình. Em gối đầu lên ngực tôi, nằm sấp lên người tôi, bàn tay mơn man, mơn man hạnh phúc.

Am! Am! Am! Ba quả đạn M.72 xé nát đêm trăng, ánh vàng lộng lẫy trùm khắp thoáng chốc biến thành chói loà. Tôi và Ry vùi sâu người xuống cát, lắng tai nghe, lại im lặng. Tôi trườn người lên trên đồi tìm quần áo cho Ry. Tạch tạch tạch... Tạch tạch tạch... Một tràng R.16 giạt giòn, đạn xé cát roẹt đi. Tôi lăn qua bên kia đồi, áp tai vào cát nghe ngóng. Bỗng một tiếng nổ nhức óc hất tôi bay đi... Tiếng gà eo óc gáy làm tôi tỉnh lại, mở mắt thì trời đã hưng đông. Tôi quỳnh quít bò đi tìm Ry, tôi thấy quần áo của Ry, vội cuộn lại bên nách rồi bò tiếp, trời sáng mờ mờ rất dễ bị lộ, nhưng tôi lúc này không biết sợ là gì, tôi bò cho đến khi lộn nhào xuống sườn đồi. Ry đang ở trước mặt tôi, khuôn mặt bất động lòi ra trên cát, cặp mắt em bất động trợn trừng, quanh em, cát quánh lại một màu sậm đỏ. Tôi nhìn khối “bê- tông” máu ấy mà thất kinh. Một lúc lâu sau, tôi mới định thần đưa tay vuốt mắt cho em, đôi mày xanh rậm của em khép lại vĩnh viễn, tôi vội vàng moi cát, tách từng khối “bê- tông” máu ấy ra khỏi người em, nửa phần trên cơ thể em vẫn lạnh lặn nhưng hai chân em đã dập nát, thịt xơ ra từng múi đỏ. Tôi loáng thoáng hình dung lại phút hấp hối của em, chỉ còn khuôn mặt đau đớn lác lư trong khối bê-tông

máu và cát càng lúc càng đông cứng mà rùng mình. Tôi trách tôi sao bỏ em lại một mình, nếu lúc đó, em cùng trườn đi với tôi thì đã tránh được phút giây đau đớn này. Tôi mặc áo quần cho em, cào một vạt cát cho phẳng, đặt em nằm lại ngay ngắn, tôi thì thăm lờ vĩnh biệt Tình Yêu đầu đời của tôi, rồi cứ thế người tôi rung lên không gì cưỡng lại được nữa...

Mãi tháng sau, khi đã nổi liên lạc, đã an toàn ở khu Tam Giác Sắt, tôi mới nắm được tình hình: Không phải chúng tôi bị lộ mà là anh giao liên đến để đưa tôi đi bị lộ, anh đã lọt vào vùng phục kích. Chúng bắn điên cuồng, anh giao liên bị thương, chúng lần theo đường máu, đoán là anh chạy thoát về hướng túp lều của già Kha, thẳng thiếu úy chỉ huy, con tay hàm họ, vẫn còn tức ói máu vì khối kẹo mạch nha ngày nào, nên mượn cớ ra lệnh bằm vằm túp lều “con ó ma lai” và khu vực quanh động cát.

Thật ra, anh giao liên không chạy vào túp lều và Bơ Ry Kha chỉ bị thương nhẹ, ông đã kịp nhảy xuống hầm bí mật nơi tôi vừa bước lên, ông lết đi tìm được xác con gái đưa về góc lều còn lại. Ông ngồi nhìn con cho tới khi cát lộng lên, phủ lên chìm ngập tất cả.

Sau giải phóng- 1975, ông từ địa ngục trần gian- nhà tù Côn Đảo trở về, được phân công làm chủ tịch xã rồi bước vào hồi thử thách cuối cùng. Mọi người gọi Bơ Ry Kha là người tù hai chế độ. Vào những năm bi đát của cuộc kháng chiến, số người trong mật khu hao đến mức cạn cùng. Trước khi tấn công vào chi khu, họ phải tự đào lỗ cho mình, phòng khi chẳng còn người để làm việc đó, trong lần công đồn cuối cùng, ông không được về nằm vào chính cái lỗ mình tự tay đào, ông bị thương lần nữa và bị bắt sống. Ông bị đày đi Côn Đảo (Trước đó, ông đã có tên trong danh sách tầm nã của cái gọi là Ủy ban Phụng Hoàng). Tường tù chính trị là rục xương, nhưng thời cuộc thay đổi, cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc đã thành công, ông trở về quỳ xuống động cát, mở mày mở mặt với vong hồn con gái. Niềm vui chưa bao lâu thì tai họa ập xuống đầu ông: Vị Bí thư xã trên đường làm về ngang thửa ruộng bưng chạy dọc theo chân động thì thấy có một thân cây chuối to ai đó vứt dè lên lúa, vị Bí thư vội vã xắn quần lội xuống, vừa nhắc cây chuối thì một tiếng nổ chát chúa vang lên. Trái lựu đạn gài sẵn bên dưới đã cướp đi mạng sống của người đứng đầu xã. Mặc dù chỉ vin vào sự bất đồng dẫn tới vài tiếng to qua lại giữa ông với vị Bí thư, công an đã bắt ông cùng với bốn cán bộ khác, họ buộc ông tội giết người để tranh giành quyền chức. Tám năm sau, ông mới được một chiếc xe U- oát chở về trong đêm, đến đầu làng, chiếc xe dừng lại mở cửa, anh công an bước xuống xin lỗi ông vì đã bắt nhầm người. Chuyện thật khó tin nổi, nhưng đó là sự thật của cuộc đời ông. Ông Kha tái tê lúi thủi bước về khu động cát mà chưa kịp hiểu tại sao mình lại ra nông nỗi này. Vá vúi dựng lại túp lều cạnh chỗ nằm của con gái, ông thoi thóp sống những ngày cuối đời. Thỉnh thoảng ông đi qua bà đi lại chửi xéo quân giết người này, quân giết người nọ, mỗi lần nghe như vậy, mấy chân tóc muối tiêu còn sót lại bạc trắng đi, ông gục quy theo từng ngày.

Mùa “bắc cầu tài, nam giả bãi” năm đó, cát lại vùi thêm một thân phận cô đơn cô độc. Người ta moi cát ra đem ông đi an táng, họ đã lục thấy hàng chục lá đơn kêu đòi trả lại danh dự. Bốn cán bộ bị bắt cùng ông chỉ còn ba người sống sót. Vị trưởng công an huyện mới đã thực hiện được ước nguyện của lão ngư phủ Bơ Ry Kha khi đứng trước dân chúng xin lỗi về việc làm hồ đồ của đồng nghiệp, ông hứa sẽ truy tố những người liên can đến vụ việc. Ngày hôm đó, chuyện hiếm hoi ở cái làng cát này, gió thật lặng đến mấy tàu lá dừa cũng không hề nhúch nhích...”  
... Cháu biết đó, vậy mà đến hôm nay, tôi mới về lại nơi này, hỏi tôi có phải là người cao thượng như cháu nghĩ không?...

Tôi đang ngồi soạn từng sấp hình bỏ vào bịch ni-lon và cắt phim kẹp theo cho từng người khách để chuẩn bị đi giao hình thì thấy người ta bu đen bu đỏ trước khách sạn Cát Bay. Người ta đang khiên ông khách tóc trắng của tôi lên xe. Một chiếc Mercedes hộc tốc lên đường. Tôi lao theo ý ới với tay giao bọc hình nặng trĩch của ông khách tóc trắng cho mấy người trên xe.



Chiếc xe nhanh chóng mất hút, tôi lưỡng thững ngã người lên cát. Tôi bần thần nhìn mấy ngọn cát bay, nhìn những đồi cát dịch chuyển. Cát có hồn không? Tôi nhớ lại câu hỏi của ông khách tóc trắng. Tôi thật sự không trả lời được, nhưng tôi biết kể từ nghe câu chuyện của ông, tôi nhìn đồi cát bằng cái nhìn khác trước và vấn đề của tôi không chỉ còn là chuyện kiếm sống.

Tháng năm âm lịch, mùa “bắc cầu tài, nam giả bãi”, gió giật dây mơ, thổi mờ con mắt, trong lúc mơ màng gà gặt đợi khách, thỉnh thoảng tôi đưa máy lên ngắm, kiểu ngắm theo quán tính không mục đích của thợ hình. Chợt tôi rùng mình, trước ống kính tôi, trong ánh nhiệt lực hùng hực gọn sóng, trong mù trời cát bay, cô gái cầm ấy rõ ràng đang lướt dọc đỉnh cát có hình mái nhà, rồi từ từ nhắm hướng tôi trực tiến. Tôi bỏ máy xuống, dụi mắt, không thấy gì. Bần thần một lúc, tôi lại đưa máy lên ngắm. -Chào anh! Cô gái cầm đã ở sát ống kính. Tôi giật thót người lùi nhanh về phía sau. -Chào cô Ry! Cô nói được ư?

- Sao anh biết tôi?

- Linh tính... Tôi trả lời nhát gừng nhưng đã bình tĩnh trở lại. Tôi không có lựa chọn nào khác là phải đối mặt, đối thoại. Tôi, một công dân bình thường, một giáo viên vì đời sống quá cơ cực của một thời bao cấp mà lăn chài trở thành một thợ hình ôm máy kiếm sống qua ngày đoạn tháng ở nơi Mái Nhà Cát Bay này xin lược trích lại cuộc đối thoại ảo của tôi với cô gái cầm ngày xưa (có thể do tôi bị ám ảnh mà cũng có thể vì một lẽ gì đó mà thật sự có cuộc đối thoại này):

-Tôi có nghe kể về chuyện tình của cô và người Việt cộng năm vùng. Người ấy vừa quay lại đây trong ray rức, luôn trách mình bạc tình bạc nghĩa. Cô có trách người ấy không?

-Thương nhau là cho nhau, sao lại trách?!

-Tôi còn biết cả máu cô đã đổ ra vón khối trên vùng cát này và cô đã chết ngay lúc đang yêu say đắm.

- Không riêng gì tôi, trên vùng cát này còn có bà mẹ trần truồng điên dại chạy tìm con. Bà chạy đến ôm xác con và cùng bị bắn, đưa bé bị bắn hai ba lần... Ở đằng kia, có em trai chăn bò bị chúng bắt trời gô lại làm bia để chúng tập bắn, nghe bảo thử loại vũ khí mới gì đó (trò thể thao của chiến tranh mà)... Trên ngọn dương tít đằng kia...

- Chỗ nào cũng thấm đẫm máu đào.

- Anh có biết câu chuyện tháng ba, Mậu Thân, ở Mỹ Lai không?

- Cô gặp họ ư?

- Có thể nói như vậy. Gần năm trăm nhân mạng bị thảm sát, già trẻ gái trai nằm chất chồng lên nhau. Mà này, người vạch trần chuyện đó là một người mang máy giống anh đó.

- Cô gặp tôi để nói điều đó sao?

- Tôi muốn anh kể lại!

Khi tôi ngược lên thì cô gái cầm ngày xưa ấy đã biến mất từ lúc nào.

Còn với già Bơ Ry Kha, tôi chỉ mơ màng thấy, mơ màng nghe duy nhất một lần. Trốt xoáy, cát đang bay mù trời bỗng dừng ngừng tụ, cuộn lên, tôi đang lụi hụi cát máy vào giỏ, vừa ngược lên thì thấy cát quần tụ thành khối lớn trên bầu trời, khuôn mặt già Kha lần hồi hiện ra, rõ dần, rõ dần. Chỉ một câu duy nhất ông nói rền động cả vùng đồi Mái Nhà Cát Bay:

- Cát có hồn, quá khứ có hồn... muốn thay đổi thực trạng, phải biết, phải biết, phải biết!

## Núi hiện

Quá mười một giờ đêm còn có người gõ cửa, tôi cứ tưởng ai gọi đi chụp hình liệm người chết. Tôi hành nghề chụp hình gần hai mươi năm nay nên quen những ánh đèn pin loáng thoáng trước cửa và tiếng gọi giật nửa đêm. Tôi rất ngạc nhiên thấy đại đức Minh Lạc, người đàn ông tu trên núi Voi, tay cầm đèn pin, đầu bịt chiếc mũ len màu huyết dụ phủ xuống tận cổ.

-Thầy! Khuya rồi, thầy xuống núi có chuyện gì à? Ánh mắt vị đại đức có vẻ căng thẳng nhưng lời vẫn nhỏ nhẹ chậm rãi:

-Không ngủ được, xuống chỗ ông uống trà chơi chớ có gì đâu, mà có sao cũng chẳng làm sao, có như thế nào cũng chẳng làm chi. Tôi cười tùm tùm với cách nói ra vẻ phớt tỉnh của thầy Minh Lạc vì biết thừa “Đó là nói”.

Từ ngày núi có cáp treo, có dịch vụ du lịch, tôi thường có những bữa cà phê sang trọng nhất nước: ban ngày làm nghề hình, ban đêm viết văn, cả hai loại thu nhập cộng lại cũng chẳng mấy đồng mấy cọc, vậy mà dành dụm chút túi quần, cứ khoảng tháng, tôi chọn một cuối tuần hứng thú nhất, khoảng bốn giờ chiều là tôi mua vé cáp treo năm chục ngàn lên núi, gọi ly cà phê không đường ba ngàn rưỡi, ngồi một mình nhâm nhi thưởng thức rồi thả hồn vô không gian mịt mờ thoả sức tưởng tượng, suy tưởng, xâu chuỗi chuyện trên trời dưới đất, cố đúc kết chuyện mình chuyện người, cho đời, cho xứng giá trị của ly cà- phê năm mươi ba ngàn năm trăm mồ hôi nước mắt. Nơi ga trên cáp treo độ giờ này sương bắt đầu dày, sương trườn trên đỉnh xuống từng luồng bàng bạc như khói, thoáng chốc mà ly cà phê trên bàn đã như cái hồ ánh sáng chứa lưng thuốc tiên sánh nâu, trong nhỏ bé, ít oi, quý giá, dường như ly cà phê đang được cất giữ giữa bông bành cõi ảo, chẳng phải trần gian.

Cả bàn cà-phê cũng bông bành, ướt dầm, sương trắng vốc được trên tay, sương lườn cả vào trong áo thấm dẫm, sương buốt lạnh như đã từng buốt lạnh triệu triệu năm. Lạ lùng, trong sương khói mờ mịt ấy, tôi thường thấy đôi bàn chân phụ nữ thon dài trắng lạnh lướt qua trước mặt bàn cà phê của tôi. Lần đầu, tôi đỡ dẫn vì sợ, chân tay cứng lạnh, sau quen dần, tôi hay tiếc là đôi bàn chân ấy không phải để đi trên mặt đất. Và nghĩ lung: Không phải bàn chân nào cũng để đi, có những bàn chân chỉ lướt trong sương khói, những bàn chân không có con đường, chắc chắn khi có những tia sáng mặt trời rọi đến thì đôi bàn chân ấy tự khắc tan biến, chẳng còn gì. Nhưng giờ thì đôi bàn chân ấy đang lướt trước mặt tôi, nõn trắng, ròn rợn....

Sau nhiều lần xuất hiện, đôi bàn chân đã trở nên quen, tôi còn thấy thêm một chi tiết nữa là chiếc vòng đồ au, có đính hai cái chuông nhỏ xíu, tôi nghe được tiếng chuông lanh canh vắng xa, tôi còn đọc được ngôn ngữ của đôi chân lướt qua lướt lại, lúc nhẹ nhàng lúc giật nhịp, nói rất nhiều điều, thậm chí lúc còn tỏ ra cố quyến rũ tôi, nhưng đặc biệt là đôi chân ấy luôn quắp lại, thủ thế. Tôi thân mật gọi đôi chân sương khói ấy là “chị bồ” trong những lần cà phê trên núi. Tuy có nhiều lý do để tôi thường xuyên lên núi uống cà- phê, nhưng khi mấy cô gái trên quầy phục vụ hỏi: “Anh ghiền núi quá hén?”, tôi chỉ trả lời qua loa: “Ừ, à... Anh lên “sạc điện” ấy mà.

Mấy cô nghe tôi trả lời lạ quá cứ há miệng không thành tiếng, cười ngỏn ngoẽn, lần sau lại láu lỉnh: “Chào anh sạc điện!” Tôi uống xong ly cà- phê là chuông reo báo hiệu chiếc ca- bin cuối cùng xuống núi, tôi nháy phóc lên, hạ sơn cùng những nhân viên du lịch thay ca cuối ngày. Trong một lần như thế tôi đã quen được với vị đại đức trụ trì ngôi chùa có mái cong không xa khu du lịch là mấy. Ông thầy ấy mến tôi bởi cuộc trò chuyện ngắn trên ca- bin cáp treo: Ông tỏ ý bất bình với việc người ta dựng cáp treo để kinh doanh nơi đất Phật linh thiêng, tay lần chuỗi hạt bồ đề, ông nói:

- Con người bây giờ chỉ còn biết tin vào tiền bạc.

- Bạch thầy! Con cũng nghĩ như thầy... Xin thầy đừng nghĩ con mồm năm miệng mười nhưng con nghĩ mọi người cũng nên rộng lòng một chút. Xét cho cùng: Núi linh là do người linh. Mọi người đang cứu lửa gần mà. Ông cố đáp lại cứng rắn:

- Người ta xả rác, người ta thu tiền, người ta làm những việc đòi bại ô uế, bắt cháp, miễn sao đầy túi, núi có linh cũng không còn linh nữa.

Tôi nhìn ra ngoài cửa sổ ca- bin nói thêm:

- Nó sao thì nó vậy! Chim cứ ăn trái, cứ mổ rửa, cây cứ nảy lộc đơm hoa. Thầy như cây cỏ thụ thì “mang” làm gì cho nặng. Ông nghĩ lung lăm rồi buông mấy lời thì thảo nhưng kéo dài giọng, gần như nói để mình mình nghe:

- Đó là nói! Mà được vậy thì phước ba đời.

\*\*\*

Không hiểu sao, sau đó, tôi thấy ông thường xuống núi thăm tôi, biết tôi là người theo nghiệp văn ông càng thường xuyên lên xuống cả đêm hôm, cùng chia sẻ những chén trà thân tình, những lo lắng, bế tắc nhất thời. Ông nói vui với tôi: "Chính ông đã "đánh" một cú võ Judo tâm lí vào tôi. Thông thường Ma vương có cái sướng là được lên thăm Phật, Phật không đi thăm Ma vương được, còn mình lại không bị cái ranh giới ấy ngăn cản". Tôi hơi có ý "chợt cù lét" ông: - Không hiểu thầy thì sao, con thấy làm người khó thiệt đó, nhưng quả tình tách khỏi thế giới này còn khó khăn hơn. Ông gật gật đầu rồi cúi xuống lần chuỗi hạt bồ đề. Sau này, thân tình, chuyện gì ông cũng kể tôi nghe. Có lần ông còn kể chuyện ông đi Đà Lạt lạnh quá phải ghé chỗ người bán áo lạnh cũ mua một cái đỡ lúc đi đường. Về tới Thiền viện, mặc áo đã hai ngày, vô tình cho tay vào túi áo đựng một cái ca- pốt mềm xèo, cảm giác lách nháp, tay chân ông run lẩy bẩy, mặt tái đi, toàn thân ông như lên cơn sốt, ông ném bung cái của nợ ấy ra xa, rồi dường như vẫn còn bất an, ông đi tìm lại, đào lỗ thật sâu, chôn rồi còn đập nện lưởi cuộc xuống năm lần bảy lượt, mồ hôi lạnh tuôn ra như tắm. Tôi được một bữa cười no.

... Tráng đổ nước đầu rồi chế nước mới vào bình, tôi ngồi chờ trà ra, còn vị đại đức không đợi được lâu, giọng mê sảng, liền kể tôi nghe về một người đàn bà trẻ đã đánh cắp giấc ngủ của ông, không phải bằng nhan sắc quyến rũ, hay xác thịt lẳng lơ mà bằng một câu chuyện đời người. Người đàn bà ấy lên núi làm công quả và trong lúc ngồi nghỉ đã nói về cuộc đời đau khổ và tội lỗi của mẹ mình và quả quyết xác mẹ cô còn nằm đâu đây quanh khu chùa này. Cô tên là Bột, đứa em nhỏ của cô đã chết khi mới năm tháng tuổi là Bơ. Ba cô lấy lại bánh tiêu của một người người Tàu ở khu quận lỵ rồi gánh đi bán dạo. Có lẽ khi đặt cho con những cái tên Bột, Bơ, ông đã gửi gắm những khao khát được no đủ của mình, có bột mới gột nên hồ mà. Cô ấy nói ba cô là người chồng gia trưởng và hung bạo. "Đàn bà không được mang cái mùi ấy ngang bàn thờ!", "Mày ở cái lỗ nẻ nào chui lên mà ngu vậy?", "Đàn bà..."

Đó là những câu nói cửa miệng của ba cô. Ngay cái hôm đám cưới, má chân ướt chân ráo bước vào nhà chồng, vừa vô tới cửa buồng đã bị ba dang tay hết cỡ cho một bốp tai, đập đầu vô vách, nổ đom đóm mắt, thấy cả chín ông trời. Má bàng hoàng không khóc được ngay, mắt ráo khô, thoáng sau mới vừa méu máo vừa hỏi: "Sao đánh em?" Ba chỉ cúi đầu, mặt mày đỏ tía, hai bàn tay bóp bóp vào nhau: Có gì đâu... Người lớn thường dặn *Dạy vợ từ thuở ban sơ mới về... ấy mà*. Má bị chồng đè nén ức hiếp, hờ tị là la mắng, bốp tai, đến mức trong những lúc không chịu nổi nữa thì bà lấm lét nhìn trước ngó sau, rón rén thật xa về cuối vườn, níu nhánh lá mít xuống mà chửi, chửi "dạ mặt" những chiếc lá: - Đồ khốn nạn ! Đồ khốn nạn! Mày ức hiếp tao. Mày ức hiếp tao. Bà chửi thật to đến khi nào khan cổ, nhẹ lòng thì lại te te vào lại nhà, lại mình mình nhà nhà với người chồng gia trưởng bất nhân của mình.

Một ngày chủ nhật, chồng bà và con Bột đi bán bánh, vì mãi chửi... nhánh lá mít bà đã quên đứa con mới sinh năm tháng tuổi của mình. Sực nhớ bà chạy băng vào nhà dáo dạt tìm con. Bà chợt chết đứng như trời trồng, mắt nhìn trần trần bày kiến lửa đang bu đầy trên khuôn mặt bất động của đứa bé. Nó ngủ dậy, đói, khóc và bò lét ra khỏi mảnh chiếu, bò đến tận mép sân rồi té lộn đầu xuống mép đất sâu bên hông nhà. Nó chết khi bà đang mãi chửi chiếc lá mít. Lòng bà như bị đồ chì đông cứng. Bà ngồi ôm thật chặt đứa con, bà ân hận, thương con, thấy mình mang tội giết con bà vật mình vật mảy ra đất vừa gọi: "Bơ ơi là Bơ! Sống khôn thác thiêng, tha tội cho mẹ Bơ ơi!" Cũng tại bà nghiện ngập, mê mẩn cái con đường ngoằn ngoèo trong cỏ đi ra cuối vườn, nghiện cái nhánh lá mít giúp bà nhẹ lòng suốt những năm tháng bị ức hiếp. Mắt bà dại đi, bà rú lên từng chập thất kinh. Hàng xóm xúm lại nói gì bà cũng không chịu bỏ đứa con ra, vài người đoán già đoán non về nguyên nhân, người ta nghĩ ra một cái tên bệnh trẻ con nào đó để nói đỡ khi chồng bà và đứa con gái lớn trở về. Một số người kinh nghiệm rí

vào tai nhau những ảnh hưởng của chứng hậu sản làm bà lúc nào cũng lo lắng và quan trọng hoá bất cứ chuyện gì.

Sau khi mất con Bơ, có lần bà lại thất thểu đưa chân ra cuối vườn, níu nhánh mít xuống chọt sượng lại, mắt đã dại càng thêm dại, nhánh mít đã chết trơ tự lúc nào, cành vẫn giữ màu xanh mà lá lại đỏ bầm như màu máu, mà hình như bà nhìn thấy máu thật, máu khô, những nốt đỏ bầm như bị xuất huyết vì nghe bà trút nỗi uất hận hàng ngày, những nốt xuất huyết như bị kiến cắn. Bà dụi mắt mấy lần, cứ ngỡ ngẩn thắc mắc: -Chết hồi nào cà? -Chết hồi nào cà? Không biết nhánh mít cành xanh lá đỏ ấy chết trong lần chửi thứ bao nhiêu của bà. Lúc nào cũng cuồng quýt, lo sợ một điều gì đó, mơ hồ, thật sự mơ hồ, nhưng oái oăm là chính như vậy mà nỗi sợ hãi càng lúc càng lớn, càng phình to thành những chiếc bóng chập chờn sau lưng, bà mang bệnh sợ bóng sợ vía kinh niên. Sau, bà chọn cách khác, cứ đi trên đường (bà thường men theo các hàng rào hái lá miễng bát, chùm bao, dền cơm mọc dại về nấu canh tập tàng), nhìn quanh, lựa chỗ thật trống vắng, tiết không thấy bóng người nào là bà gồng cổ chửi toáng lên: “Đồ khốn nạn! Đồ khốn nạn!”... Lúc nào bà cũng thấy mình như tấm bia bằng giấy mà người chồng cứ nhắm vào bắn những loạt đạn rửa xả vô cớ. Bà luôn miệng lầm bầm một mình: “Làm việc đâu tất mệt tối... cũng bị mắng, ngồi ru con... cũng bị mắng, đang đi đứng bình thường... bỗng chịu một trận mắng nhiếc... như tát nước sôi vào mặt”...

Trước đây, chồng bà là người ở trông coi việc đồng áng cho nhà bà. Bà đã thương người đàn ông đó bất chấp sự phản đối dữ dội của gia đình. “Lấy thằng bán than phải lên núi suốt đời nghen con!” Người cha của bà đã nói với bà rạch ròi như vậy trong đám cưới bắt đắc dĩ, cả gia đình và gia tộc đều bằng mặt mà không bằng lòng. Chồng bà sống với bà như một cuộc trả thù mà nguyên nhân thù oán ấy bà không hề biết. Chưa bao giờ bà trả lời được câu hỏi mình đã làm gì nên tội?

Một tiếng sập cửa, một tiếng gió giật phen cũng làm bà run lập cập, sợ đến thun cả người lại. Bà thường xuyên mất ngủ. Đêm, bà thì thầm với con mắt mình: “Êm giấc! Êm giấc!” Bà gõ vào óc não bà từng nhịp đếm: “Một hai ba bốn năm...” Bà vỗ về tai bà: “Gió, chớ có gì đâu”... Vậy mà tất cả cứ phản lại bà, những thứ tưởng thuộc về mình là chúa phản mình nhất, bà thường nghĩ như vậy, bà nằm mà mắt cứ thao láo, hốt hoảng, sợ sệt, giật mình cả đêm. Bà quần trí rồi cũng tìm lên núi để chạy trốn thực tại. Nhưng chính vì bị đè nén lâu ngày như vậy bà sinh ra thù hận đàn ông, thù hận cuộc đời để bây giờ con gái bà phải mang nặng và xác bà bây giờ vẫn chưa tìm ra...

Sau khi chặt đoạn thân dây ruột nước, mỗi người ngựa cổ hừng vài giọt cho đỡ khát, đại đức Minh Lạc và Bột tiếp tục đi tìm xác. Trèo qua một tảng đá lớn, cách xa tượng Phật nằm một quãng không xa, nhưng bị tảng đá chắn lối nên ít có dấu tích con người, họ lọt vào một khu rừng thâm u mi mịt chưa có bàn tay chặt phá của con người. Ông chỉ cho Bột một chùm dây leo hình chiếc võng mắc lưng chừng giữa hai cây cam se thẳng đuột, không biết loại dây leo gì mà nở bông trắng muốt. Ông đưa tay vẫy Bột: - Nhìn kia! Một chiếc võng hoa màu trắng, lạ quá! Ngay lúc ấy, hết sức bất ngờ, bên tai ông thì thào một tiếng nói lạ: - Võng thật chớ võng hoa gì! Ông nhìn quanh, sờn gai ốc, chẳng thấy bóng dáng ai ngoài người đàn bà đang đi phía trước, tự dưng xương sống ông dợn lạnh như có luồng điện mạnh nhập vào người.

Sau một phút bàng hoàng, chao rạo trong lòng, ông biết chắc đó tiếng nói của một người khuất mặt nào đó. Ông gọi Bột lại, kể cho nghe có một giọng nói lạ báo cho biết bí mật của chiếc võng hoa. “Võng thật chớ võng hoa gì!” Thật ra câu nói ấy nghĩa là gì ông cũng chưa kịp nhận biết, chưa thể nào đoán ra, nhưng lòng ông đã quyết phải nhìn tận mắt chiếc võng hoa trên cao kia là gì. Ông bảo Bột đứng chờ rồi túm tà áo nâu thật gọn gàng, ông leo lên cây cam se có nhiều nhánh nhóc hơn. Sau mấy lần trụt xuống trèo lên cây cả ngực, cuối cùng ông cũng đặt chân lên

được một chạc nhánh trên cao. Ông giật mình đến suýt rơi xuống đất, mồ hôi lạnh rịn ướt hai bên thái dương, tay chân dường như cứng đờ. Đập vào mắt ông là một bộ xương người co rúm lép ló trong lá xanh hoa trắng, giữa những sợi dây leo chằng chịt. Bộ xương khoanh theo kiểu số bốn, đầu lâu gục xuống trước ngực, xương sống cong vòng, có vẻ oằn oại trước khi trút hơi thở cuối cùng. Ông nghĩ: Đây là một người sống trong cô đơn và chết cũng trong cô đơn.

Ông thấy chiếc võng dù đã mục rã, chỉ còn ít mụn vải ni-lon xanh và hai sợi dây dù buộc siết vào hai thân cây cắm se, phần thân cây chỗ buộc võng đã phình lên thành vết sẹo vòng quanh thân cây, che lấp sợi dây. Dây leo bện chặt thành chiếc võng thô vừa bó rọ vừa đâm xuyên qua bộ xương. Ông tụt xuống ngồi thờ đốc. Bọt nhào tới, nghe ông kể, vội hỏi: -Thầy nhìn thấy chiếc vòng có dính hai cái chuông nhỏ không? Ông phải leo lên lại lần nữa để tìm chiếc vòng nhưng đành phải trả lời là không có. Người đàn bà đi tìm mẹ lại thở ra buồn bã. Ngay lúc tưởng chừng tuyệt vọng, ông tình cờ nhìn dưới bãi lá mục trước mặt vừa loé lên một tia sáng ánh sáng, ông nhào tới, vén đám lá mục, cầm lên chiếc vòng, đúng là có hai cái chuông bé xíu, ngay lúc ấy, ông cũng thấy có những mẫu xương nhỏ vàng ó lẩn lẩn. Ông nhìn trân, môi chỉ mấp máy điều gì đó, hình như là bằng quơ, hình như là không có nghĩa gì cả. Người đàn bà vỗ vấp cầm chiếc vòng: "Đúng là mẹ rồi thầy ơi!"... "Mẹ ơi! Sống quê cha, ma quê chồng; mẹ chẳng có quê nào sao mẹ? Sao mẹ tôi lại ra nông nỗi này? Trời ơi!..."

Sau khi hạ được bộ xương rệu rã của mẹ xuống an táng, Bọt luôn bám theo thầy Minh Lạc mà hỏi: - Có thể nào hai cái cây ấy cùng lớn lên và mang theo mẹ cùng chiếc võng lên tận trên cao như vậy? - Mô Phật! Mọi chuyện đều có thể xảy ra. Thầy biết nói sao bây giờ.

Hết thắc mắc lại huyền thuyên kể chuyện mẹ mình, trong những ngày ấy, Bọt đã làm cho vị đại đức sinh ra chứng mệt mỏi, ngao ngán. Biết tâm trạng của người vừa tìm được xác mẹ nhưng ông đang cố gắng tìm sự bình an trong lòng nên không chịu nỗi sự quẩn quấy của bất kì ai. Thấy Bọt lên chánh điện, ông lại dừng kinh, đi xuống vườn cây. Bọt bươn theo, ông chịu trận một hồi lại tỏ ra mắt bình tĩnh, lại đi tụng kinh niệm Phật, cứ thế... Đang kể chuyện của mẹ, thỉnh thoảng Bọt dừng lại rên rầm thiếu não rồi đột ngột nhìn xoáy vào mắt vị đại đức mà hỏi: "Bach thầy! Thầy có đủ khăn lau nước mắt cho con không?". Câu hỏi ám ảnh vị đại đức như một thứ dây nhợ vô hình buộc ám, như một mớ bong bóng độc thoại, đối thoại âm vọng: ... "Sau đó, rơi vào trạng thái nửa tỉnh nửa mê: "Hắn" thường bật mình dậy nhìn quanh quất giữa khuya. "Hồn là hồn", hắn lẩm nhẩm một mình. Nước mắt khắc tan vào biển cả, có chiếc khăn nào lau khô nước mắt trần gian được đâu. Hắn trách hắn đã tu hành bao nhiêu năm rồi mà vẫn ghi lầy những ám ảnh. Nếu không thì hắn về đâu? Tâm linh tận cùng bằng vô cùng, vũ trụ tận cùng bằng vô cùng. "Hắn" nhớ lại những ngày đầu còn lại trong mái chùa cong này, "hắn" đã từng say đắm một bóng ma mờ ảo, một bóng ma hay hiện hình bằng đôi chân, như là biểu hiện của một oan hồn không thể siêu thoát. Có những đêm, "hắn" quờ quạng đi theo tiếng chuông đồng lạnh canh nhẹ thoảng trong làn sương khuya mờ đục suýt hụt chân ngã xuống vực sâu. Về đẹp chết chóc ấy làm lắng dịu lòng "hắn"..."

"Hắn" chợt se lòng. "Hắn" thấy lại nàng trong sương núi mang mang, nàng đã hoá thân thành chiếc lá mít mà nàng từng níu xuống chửi tạt mặt bao nhiêu trận. "Hắn" đưa tay quơ ngang mặt xua đi nỗi ám ảnh, cố nắm bắt một điều gì đó vừa thoáng qua để thay thế hình ảnh kia..."

Vị đại đức kể chuyện mình mà như nói về một nhân vật "hắn" nào đó, chuyện cứ man man mê tỉnh, thoạt đầu tôi tưởng vị đại đức cô đơn quá hoá cuồng, sau nghe kỹ tôi mới biết đó một người kể chuyện nhập thần, câu chuyện hoà trộn những ý tưởng tôn giáo và phong tình của đại đức đã giúp tôi và vị đại đức ấy có một đêm thức trắng. Tưởng vậy là xong, không ngờ tối hôm sau, tôi lại thấy ông lọ mọ đèn pin xuống núi, lần này thì ông mang theo một túm trà ngon và phần cuối câu chuyện về người mẹ của người phụ nữ làm công quả tên Bọt.

... Tôi vừa chế trà vừa kể cho đại đức Minh Lạc nghe những buổi cà- phê trên núi, tôi cũng thường thấy “chị bồ” tức là đôi bàn chân, chân bên phải mang chiếc vòng có hai cái chuông nhỏ. Ông nhìn tôi một thôi một hồi rồi nói: - Con người nhạy cảm như ông thấy gặp hồn ma thì không lạ, nhưng thấy được người đàn bà ấy quả là điều trùng hợp lạ lùng. Nhấp chén trà tôi vừa rót, ông lại kể:

... Ông còn nhớ ngọn lửa thầy Thích Quảng Đức và biển cổ Phật giáo 1963 không? Tình hình của Phật giáo lúc đó bi đát lắm. Hồi ấy, tượng Phật mới làm xong, tôi chỉ là chú tiểu, tóc còn để chớm, đầu ba vá trái đào. Người đàn bà ấy lên làm công quả rồi xin Hoà thượng trụ trì cho được ở lại nương thân và cũng là giúp chùa cơm nước. Tên cuộc trường Cuộc cảnh sát dưới quận lỵ muốn lập công với cấp trên nên móc nối với người đàn bà hận đàn ông đến điên dại này để bắt quả tang một cuộc họp mặt của tám vị đại đức và một Hoà thượng, đúng ra là các thầy về dự trai tăng nhân giỗ của Hoà thượng khai sơn Thượng Minh Hạ Đạo, chứ không phải cái gọi là hội họp theo như lệnh cấm. Chính người đàn bà ấy đã báo chính xác giờ các thầy lên núi. Tên cuộc trường nhận được tin đã cùng ba cảnh sát khác phục kích ập vào giữa ban ngày, trói ké các thầy rồi lừa vào bên trong tượng Phật, qua một lỗ trống phía sau. Lạ lùng mặc dù tên cuộc trường cảnh sát đã cho xây đá bịt kín tượng Phật nhưng tiếng kinh của các thầy vẫn vọng ra ngoài, theo sương trắng mà âm vang cả một góc núi. Sợ bị lộ, bọn chúng bàn nhau định giết luôn người đàn bà chỉ điểm, nhưng bà ta nghe lén được nên chạy trốn mất tích. Sục sạo mãi không được bọn cảnh sát đành ra về. Nghe tin dữ, Phật tử quanh vùng ùn ùn kéo lên núi. Mỗi năm trước họ cũng đã từng ùn ùn mỗi người một túm xi- măng trên vai, họ đi nối đuôi chặt kín cả đường núi để góp phần xây tượng Phật, còn bây giờ, con đường núi ngoằn ngoèo dựng đứng ấy cũng chặt cứng như nêm, nhưng dòng người nước mắt chan hoà, vừa đi nước mắt vừa ràn rụa, những giọt nước mắt nặng hơn sự mang vác ngày nào rất nhiều, họ lên núi để đập vách đá phía sau tượng Phật, an táng cho thể xác còn lại của các thầy. Họ làm lễ cấm nhang nghi ngút khắp núi, cầu siêu ba ngày ba đêm. Rồi thời gian qua, tượng vùi lấp đi tất cả trong sương khói...

\*\*\*

- Em ơi! Cho ly cà phê đá, đừng bỏ đường nha em!

- Dạ! Chào anh “sạc điện”!

Băng đi cả năm, nay tôi mới lại có cuộc cà- phê núi sang nhất nước. Chẳng biết vì bây giờ là tháng tư hay vì điều gì mà chờ mãi tôi chẳng thấy một sợi sương khói nào, núi cứ hiện ra chông chênh, lờ mờ những tảng đá xám xịt. Những bụi gai móc dính đầy rác, túi ny-lon, vỏ chai nhựa, lon bia...đập vào mắt tôi. Tôi nhìn mà thật sự là không dám nhìn, tất cả sao cứ lơ lửng, lơ lửng hốc hác, góc khuất. Những góc khuất của núi thật đáng sợ. Có lẽ nhìn núi ẩn mình trong sương khói vẫn tốt hơn là lộ ra ánh sáng tuồn tuột hết mọi thứ... Tôi hớp một ngụm cà- phê, lần đầu tiên tôi biết vị đắng đến điếng lưỡi của ly cà phê không đường. Tôi chợt nhớ đôi chân ảo mờ, trắng nuột của “chị bồ”, cũng mong sao cho người đàn bà ấy được siêu thoát. Nhận được lời nhắn của tôi, đại đức Minh Lạc ra khỏi chùa đến ngồi xuống bàn cà- phê với tôi, thay cho lời chào, ông nói:

- Nhà văn! Trong tiếng Việt của ta, từ nào gây ấn tượng mạnh nhất trong ông?

- Bạch thầy! Đàn bà! Tôi đáp khe khẽ, quả thật tôi cũng không tin lắm vào mình. Thầy Minh Lạc nhìn xoáy vào tôi và cũng nói thật khẽ nhưng dài giọng:

- Đó là nói! Tôi muốn ông bật ra cái từ ruột gan mình kia!

- Bạch thầy! Đạo.

- Đó là nói! Nghĩ thật sâu xem! Nhân thân tiểu vũ trụ, những gì có trong ta đều có trong trời đất. Tôi hớp thêm ngụm cà- phê đắng:

- Bạch thầy! Núi!

Ông gật gật đầu rồi đi về phía những tảng đá.

Núi trơ mình, núi hiện ra trước mắt tôi là một hình hài của sự thật, có tính lặng mênh mang và cũng có cả những góc khuất, những góc... khuất ... u... tối ghê hồn.

Dưới chân núi Tà Cú, 6/ 2007

\*\*\*

**Phụ đính :**

## Nóc trời và đáy cát

*Chẳng có ánh sáng, chẳng có tia lửa nào được thắp lên từ những câu chuyện của ba tôi. Trong cái túi tâm trí tôi, nó chỉ thuần là những lời thì thào của những con sóng, hay cao hơn một chút chỉ là lời nhắc nhở: Con người có linh hồn đấy! Đương nhiên tôi chưa tin và lại buồn cười nữa, vì một người vô thần lại đi nhắc nhở điều ấy.*

Trong lần về nhà, ngồi trên chiếc ghế bành, người thụt sâu vào đệm thâu, ba tôi thì thào kể chuyện, (thì thào, ba luôn như vậy). Đó là những ẩn dụ, những ám chỉ nhảm chán, đại loại, tôi chỉ nghĩ “mọi chuyện lại trút hết vào mình”. Tôi nhớ như in thái độ hoài nghi, bất mãn của mình: Bàn tay tôi đặt trước mặt, một ngón trở tựa gò má hơi nhú chút lên thái dương, ngón giữa che ngang miệng, ngón cái đỡ lấy cằm. Chân và tay tôi gập lại, khuỷu tay chạm gối, trán gần đụng vào cạnh bàn trà. Gió bão xoay quần trong tôi: phần muốn mạo xưng đưa con ngoan biết vâng lời “bề trên”, cho vị “bố già giỏi nghề đánh giặc” của mình yên lòng, phần khác lại muốn bùng phát chống lại, muốn nói lên sự thật trong lòng mình cho “bề trên” hiểu một điều đơn giản, có phần nào đó sự nhận thức khác biệt giữa các thế hệ, ở góc kín có sự “đồng sàng dị mộng” của các thế hệ cận kề, điều chất chứa trong lòng những đứa con, đơn giản mà chưa bao giờ được soi tỏ, thấu đáo. Tôi nhảy dầm, tôi giao lưu với những người đàn bà tiếng tăm bất hảo, tôi tiếp khách bằng rượu Tây hằng đêm, tôi mưu tính, tôi thực dụng, tôi xem mọi chuyện thuộc “phạm trù sinh hoạt”, tôi đi về giữa đêm hôm khuya khoắt... nghĩa là tôi thoảng rộng, tôi văn minh, tôi tự tin, tôi thức thời chứ không có nghĩa là tôi “Tây hoá”, tôi bê tha, tôi xâm hại đến gia phong, tôi làm cho đời bại cái gọi là đạo đức hoặc những thứ quy định truyền thống khác... Không biết giờ này là mấy giờ, Chắc là khuya lắm rồi, nhưng giọng ba vẫn còn rất khỏe:

*...Thùng gì to lắm bà con ơi!” Từ ngoài khơi xa, từ đâu đó bên bờ kia của biển, một thùng gỗ to trôi lừng lững vào gần bờ. Họ, những khuôn mặt hốc hác, những bàn tay chai sần, vàng chạch, những đôi vai u xoắn vì cả đời chèo, kéo, chính họ đã bơi ra, đẩy cái thùng gỗ ấy vào bờ. Chính tay họ đã cạy nạy từng mảnh gỗ thông để phát hiện đó là một thùng đường cát trắng đầy nhóc. Đàn ông, đàn bà, nam phụ lão ấu ùn đẩy nhau, giành giật chỗ của nhau để vốc từng bùm đường lớn cho vào miệng, ăn như chưa bao giờ được ăn, ngón ngấu, ực vội, ực vàng...*

Trước ngày ba ngã bệnh nặng rồi mất, ba chỉ mặc độc bộ pyjama, luôn đứng vịn tay và nhìn vào bức tường trắng, ba không phải là thiền sư, trong hồ sơ, ba là một vị tướng vô thần nhưng hình ảnh ba cứ mãi chập chờn trong tôi như hình ảnh “cửu niên diện bích” để tìm sự chứng ngộ từng ghi vào lịch sử Phật giáo trên con đường hoàng dương Phật pháp của tổ sư Đạt Ma. Mất ba thâm tím thành quầng sâu vì mất ngủ, những giấc chợp mắt mơ màng thoảng chốc của ba tràn ngập ác mộng, trong đó, cả bầu trời bay đầy đường cát trắng như những ngọn cát bay ven biển trong ngày biển động, tháng giêng động dài, tháng hai động tó, cả mặt đất nhày nhựa mặt vàng, những xoáy vòng nâu nâu, hôi hám, cuộn, gợn, rút sâu, lồi đi, cuốn theo tất cả. Ba biến

thành một nòng súng khét cháy, những viên đạn lửa đỏ rực nhưng vừa ra khỏi nòng đã rơi ngay xuống đất, rồi ba lại là đám mây bay lên xoay vòng, ngưng trệ bên trên đời sống xum xuê lá cây và những cánh chim. Nóc trời xuống thật thấp, ba vói tay là đụng phải cái ánh sặc sỡ bóng nhẫy trên đầu. Ba nghi ngờ thứ nóc trời ấy nhưng lại phải thừa nhận nó thật mê hoặc, đến mức có lúc ba tiếc mình không là thi sĩ để ca ngợi nó bằng dòng suối ngôn ngữ trác tuyệt... (Khi bác ba lô về ở hẳn nhà với mẹ con tôi, ba thì thầm kể với tôi như vậy).

Những ngày cuối đời, ba cứ mãi nhìn tôi như muốn gửi gắm điều gì đó, rồi lại thờ ra như muốn nói "Con chưa đủ sự chuẩn bị", rồi lại chăm chăm nhìn tôi lo lắng, sự lo lắng ấy tôi đọc thấy trong ánh mắt quắc lại, chỉ còn loé sáng đôi ánh tinh anh rực mạnh nơi đôi đồng tử, ba ú ớ đòi gặp tôi, ba muốn nói với tôi... nhưng cuối cùng khi đã tỉnh táo, ba chỉ cầm tay tôi, siết thật chặt, ba lại chậm rãi, có lúc lơ mơ, lúc vụn rạc, lúc chậm rãi, nhấn giọng, ba lại tiếp tục kể tôi nghe câu chuyện đã kể hàng chục lần, tôi cũng bị lây từ lúc nào không biết cái ám ảnh ghê rợn của câu chuyện. Nhiều lúc tôi muốn năn nỉ ba thôi đừng kể nữa, nhưng lại sợ mình rơi vào cái thói "lạt non buộc tre già" của những thằng con được ăn học chút đỉnh liền ngạo mạn chẳng coi cha mẹ ra gì. Kinh nghiệm đôi lúc cũng thật nguy hiểm nhưng cũng không nên xem thường.

... *"Một thanh niên trần trùng trực, hai vòng ngực đen bóng, hai tay dài gân đung chân, trèo lên ngã gập trên miệng thùng gỗ, cứ một bụm đường đẩy tọng vào mồm, anh ta lại ấn mạnh bàn tay lên ngực mà vuốt, "trái khế" trên cổ giật một cái thật mạnh về phía cằm, đầu gật xuống, mắt trợn lên, râu mép dính đầy những hạt đường li ti, trắng tinh, anh ta cứ độc chiếm ngất nghe trên mép thùng mà hít hà xuýt xoa ực ậm quên hết sự đời. Người đàn bà tóc tai xỏ tung, giở cả áo xống lên để lùa, hứng dòng thác đường trắng xoá chảy ra từ mảnh gỗ bẽ bên hong thùng, rồi buộc túm tà áo lại thành một khối, một núi chắt nụi to bè trước cổ, quên cả sự mắc cỡ, ngưng ngừng, quên để ý cả đôi vú nòng nống xà ra, quên cả hai cái núm vú xơ đen như ruột cau khô dính trên hai trái vú mướp nhão nhọt vì cả đời "rút ruột" làm mẹ làm vợ ấy, hai quả núi chúc xuống lác qua lác lại trước mặt mọi người như biểu hiện sự hy sinh cuối cùng, tận cùng cho con, cho chồng. Đàn bà miền biển vốn mang cái bệnh lo âu mãn tính, nay được dịp trở tài giành giật, vốc chứa, tom góp, dành để những hạt đường trắng tinh quý hoá, phòng khi chồng con mình bị trúng độc củ nân, củ mài, rau dại trong mùa đói rã mắt, đói teo xương. Múc đường trong thùng đã hạ xuống hơn gang tay. Người trong làng vẫn tiếp tục đổ ra, đổ vào, vết chân chồng nhau, xói tung, rạch hằn một luống sâu nối từ cái thùng gỗ vào làng với cát trắng và đường cát trắng lẫn lộn, tung toé trên nhau; nào nôi đồng, chảo gang, nào mo cau, thùng thiếc... họ lôi hết các vật đựng được trong làng ra để chứa đường cát trắng, họ tối mặt tối mũi vì đường cát trắng. "Để dành ăn quanh năm và để giải độc củ nân, củ mài", họ chỉ bảo nhau như thế, họ há hê với nhau như thế, họ cười với nhau ngầm ý như thế. Ai đó thốt lên: "Đường bắt đầu có màu vàng". Người ta nhón nháo phản ứng: "Vàng cũng là đường cát" ...*

Phải chăng, phải chăng? Tôi luôn tự hỏi, cố tình giải mã một giấc mơ buồn thương, cố tình muốn chạm tới, thấu hiểu các góc khuất của thế hệ đi trước, thế hệ anh hùng, thế hệ sản sinh ra chúng tôi. Tôi ước ao ba mình biết chia sẻ những vướng bận trong tâm trí mình về những vấn đề hiện đại, về giấc mộng tham gia vào cuộc cách mạng "xanh lam" mà tôi đang dồn tâm dồn trí làm sao để mở ra hướng đi mới về du lịch nghỉ dưỡng ở vùng biển, làm sao để khai thác được tiềm năng về biển, về bờ biển một cách hiệu quả nhất, làm sao để giàu thật nhanh chóng. Tôi về quê ngoại lần này cũng chính vì cuộc cách mạng "xanh lam" ấy, hơn là một cuộc "về chơi quê ngoại" như trong câu chuyện học trò. Tôi biết cái làng biển dài ngoằng nhỏ thó trước khi dân bị dồn Áp chiến lược ấy chính là quê ngoại của tôi. Ông bà ngoại tôi từng là địa chủ ở đây, toàn bộ dãy ruộng bưng chạy mút mắt ven chân động cát là sở hữu của ông bà, chính điều này từng là trở lực rất lớn trong quá trình vun đắp tình yêu của ba má tôi, tổ chức cương quyết không chịu, bắt ba làm kiểm điểm gửi cấp trên, ba cương quyết xây dựng gia đình với "con gái nhà địa chủ", kiểm điểm vẫn viết nhưng cuối cùng thông một câu tuyên bố "xanh rờn": "Tôi không yêu địch, tôi yêu dân, quân với dân như cá với nước, cô ấy là một trí thức giác ngộ Cách



mạng, tôi không thấy vấn đề tội lỗi ở đây. Các đồng chí nghĩ sao tùy các đồng chí!” May là lúc ấy tên tuổi của ba đã quá lừng lẫy, ba đã tận lực, tận tâm cho cuộc kháng chiến đầy máu và nước mắt, một phần má cũng quyết định thoát ly theo ba chứ không cùng ở nơi thê lương mầu quán nên cũng không ảnh hưởng mấy. Khi đó, người dân quanh vùng đã quen gọi đại đội bằng cái tên triu mến: Đại đội Năm Ngọc, cấp trên cũng thừa biết đó là cái tên ghép tên ba và má tôi... Má tôi đúng là viên ngọc được trời đất nơi này hun đúc mà nên, nhưng là viên ngọc buồn, viên ngọc hy sinh một đời, nếu không có tình yêu có lẽ viên ngọc ấy đã trở nên mờ đục khuất lấp trong cát bụi sinh lây.

Từ ngày ba tôi qua đời, tôi thực sự bước vào cuộc khởi hành nội tâm mới, tôi muốn làm điều gì đó thật lớn lao cho má, bởi vậy tôi mới tính toán triển khai dự án “khai thác bờ biển bằng du lịch- nghỉ dưỡng” đầu tiên của mình trên quê ngoại. Dự án của tôi táo bạo, nặng tính “đón đầu”, nặng tính “cách mạng” nên khả năng thất bại cũng rất cao, may mà Ban lãnh đạo công ty Du lịch hiểu tôi và có sự đồng cảm quý báu.

Cũng như ba, tôi sợ cô đơn, bởi bên trong sự cô đơn là tình trạng thực, là hình ảnh phản chiếu con người thực của mỗi cá nhân. Mỗi khi suy tư, tôi không dám phán xét ba, nhưng tôi suy mọi điều từ ruột gan mình, tuy nhiên cho tới giờ này, tôi cũng chưa biết ba hay chính mình là kẻ cố đào thoát ra khỏi thực tại, một thực tại trong tâm trí lịch sử, trong tâm trí của từng con người đã sống, đang sống. Cha con tôi đã trở nên quá đổi bất an. Vì lẽ gì? Đây là lý do trong tất cả các lý do? Tôi có nên xem ba tôi như một ngôi đền thờ mà ở đó chỉ có những kinh kệ, những bài học suông? Tôi đã từng chỉ cho ba thấy những nhà cách mạng hoặc những nhà nã cách mạng đang xây biệt thự, vợ con họ đang dùng xe hơi đời mới của cơ quan để đi dạo chơi, cúng bái chùa chiền; mỗi “nhà” như thế đang là chủ sở hữu của hàng chục sổ đỏ đất đai, vườn tược, tiền vàng của họ gửi cả ra ngân hàng Thụy Sĩ... Chẳng lẽ họ đã tự quên lãng? Chẳng lẽ cuộc Cách mạng vĩ đại này đang tự quên lãng? Chẳng lẽ cả đất nước này đang lao vào cuộc chạy trốn chính mình? Chẳng lẽ giàu có, thêm nhiều điều kiện phục vụ cho đời sống con người là tình trạng tệ hại đáng bị lên án hay sao?... Cuộc sống mỗi giai đoạn đều có lý lẽ của riêng nó chớ ba... Và lần tranh luận này tôi thấy rõ ràng chất lính của ba tôi đã bộc phát: mắt ông hằn đỏ, ông lớn tiếng: “Khốn nạn! Lý lẽ nào? Phẫn lại dân tộc mà là lý lẽ sao? Con sâu làm rầu nồi canh lại có lý lẽ con sâu hay sao? Con ơi là con! Tại sao lại một kẻ có ăn có học lại chúi đầu vào cát để né tránh như thế? Giàu là tốt, phương Tây cũng nhờ giàu có mà văn minh. Sao ba lại không biết điều đó? Nhưng cũng có những xác chết giàu có... Đó, cái mà con gọi là nã nã đó chính là những vết thương trong óc não Cách mạng, trong lục phủ ngũ tạng của dân tộc này. Tại sao có bệnh tật? Tại sao có vết thương? Tại sao rồi mù rồi tung lên như thế? Con cười mỉa ai vậy? Cười vì quá buồn? Hay buồn quá mà cười? Khuôn mặt của một người gai góc thường được gắn hoa. Con bị lừa bởi chính mình sao? Ba má cho con ăn học để làm gì? Trả lời đi! Đó, con trưởng thành rồi đó, trả lời đi! Học cao mà còn nhập nhằng sáng tối như thế chi bằng không sách không vở, chi bằng đốt nát mà biết dùng lương tâm để phân định rạch ròi sáng tối. Học nhìn bằng con mắt của mình đi con!” Ba tôi nói tới đó liền quay mặt đi. Đó là lần duy nhất cha con tôi nói chuyện to tiếng với nhau, cũng là lần duy nhất ba nói với tôi nhiều như vậy.

Trong lần về quê này, người đầu tiên tôi đến chào là một vị lão thành cách mạng địa phương, là ông giáo làng nổi tiếng, câu đầu tiên cụ hỏi tôi cũng là hỏi về ba tôi, nhưng tôi không còn thấy buồn hay dị ứng như xưa. Ông cụ giảng giải cho tôi nghe bức hoành phi bằng chữ Hán sơn son thếp vàng treo giữa nhà: “Liên Phương Tục Diệm”, ông bảo cái tâm thế ở đời phải hướng tới điều này, “thơm lâu sáng mãi” đó là nỗ lực làm người chân chính của ngàn đời, danh nhưng là chính danh. Sau hồi thao thao thuyết giảng, ông chấp hai bàn tay khum khum chập lại rồi run run đưa vút lên cao, mắt ông sáng rực và gọi ba tôi, người đồng chí muôn đời của ông, vị đại đội trưởng cũ của ông là Bông Sen Biển. Tôi biết ngôn ngữ thể xác của cụ già rất chân thật nhưng mấy từ “Bông Sen Biển” làm tôi ngỡ ngàng, lần đầu tiên tôi nghe đến tên một loài hoa

như vậy. Chẳng lẽ cụ lại so sánh ba tôi với một loài hoa không có thật!? Hiểu sự thắc mắc của tôi, vị lão thành cách mạng lại phải giải thích về hình ảnh bông hoa hoá thân của một thần tượng rất gần gũi với chính ông: Sen biển rất hiếm chỉ nở mùa biển động, giêng động dài, hai động tổ chính là mùa sen biển nở, tháng ba thì dây mơ, trứng chuồng đã tập bờ phủ kín mọi thứ, nên chỉ có những con dân máu thịt với biển mới biết loài bông quý này. Sen biển cánh không mỏng manh rung rung nở trong tĩnh lặng như sen ao hồ, cánh sen biển như được tạc từ đá xanh, bùng nở mạnh mẽ giữa làn sóng xoáy, giữa cơn dập dềnh giạt đập của nước, của sóng. Ngó giống sen, giống quỳnh tức là trước khi nở chuyên mình hướng thượng... Ông cụ bảo: Thực sự ông không còn đủ minh mẫn để tả hết nét đẹp của bông sen biển, “anh phải xuống biển mà tìm, tìm thành tâm sẽ gặp”, rồi ông cười khà khà đẽm mấy câu riếu mình vui vẻ: “Chữ nghĩa mớm dần con trẻ hết/ Râu ria đâm mãi cái già ra”.

Trên đường về nhà ngoại, tôi đã bước những bước chân nhẹ bỗng, im lặng nghĩ ngợi mọi điều. Tôi nhớ ba tôi, cố nói kết với ba, nhưng trong tôi ngay lập tức bị lấp tràn bởi đoạn kết của câu chuyện mà ba tôi đã kể đi kể lại cả chục lần:

... “Đường ở dưới thum thum !”

“Thum thum cũng là đường cát!”

“Đường mà sao thúí dữ?”

“Thúí cũng là đường cát!”

*Đám đông lại láo nháo như cháo trộn cơm, già trẻ lẫn lộn không còn vai vế, không còn sĩ diện, tay thồn miệng nhai cho đến khi có người đột nhiên nhào xuống lũi chạy ra thật xa, đầu cúi gằm xuống sát mặt cát, cơn sóng bạc đầu vừa trào lên lại rút ngược xuống cuốn theo cái mớ bèo nhèo bọt bóng mặt xanh mặt vàng mà anh ta vừa ọc ra giữa hai bàn chân. Ai đó la lên thẳng thót: “tóc”. Tiếng người đủ thứ giọng điệu râm ran, ồ lên, âm thanh nghẹn ứ, âm thanh hần học: “cái đầu”, “xác chết”, “đường liệm xác chết”, “góm quá”, “xác của người Tây, to lắm”... Đám người thụp xuống, dãn ra, móc, ọc, nôn thốc nôn tháo, mặt cắm xuống những cơn sóng bạc đầu. Người thanh niên độc chiếm ngát nghều trên miệng thùng đường nhảy phóc xuống vừa chạy bổ vào làng vừa ú ớ bùm miệng, bùm mặt như một thằng câm bị thương. Người đàn bà lòi vú bung mạnh hai tà áo, đường cát trắng xà đầy xuống chiếc quần đen, ruồi nhặng bu dọc theo tới tận hai bàn chân bè bè vênh móng. Bà ấy chết trân như trời trồng, hai mắt tròn tròn trắng dã, một lúc sau mới tỉnh lại thọng mạnh tay vào ngực mong cho số đường đã ực vào giờ học ra, nhưng chỉ có nước dãi vàng vàng nhều chảy kèm nhèm, lòng thòng nơi khoé miệng. Cả đám đông nam phụ lão ấu ngồi thụp xuống bãi biển, những âm thanh lạ râm ran rộ lên như đoạn cuối trong lễ tế thần của một hội tu kín. Mặt đỏ kè như tôm nướng, họ móc họng móc hầu, họ chửi rửa cái thùng đường liệm xác chết, họ chửi rửa họ, họ chửi rửa nhau, họ chỉ thật chửi thật, họ chỉ bóng chửi thật, họ chỉ thật chửi bóng, họ chỉ bóng chửi thật, họ chỉ bóng chửi bóng... và cuối cùng họ nguyên rửa chính mình. Cả khuôn mặt tập thể trên bãi biển ấy chuyển từ đỏ kè sang trắng dã, từ trắng dã sang xanh mét, rồi trở lại đỏ, đỏ bầm, tím bầm, họ run giật từng hồi, đập ngực tức tối, danh dự của họ đã chết thật. Sau, người ta cúi đầu im lặng tản mát, bãi biển còn trơ cái thùng gỗ liệm xác chết, mấy tấm gỗ thông vung vãi, đường cát trắng vung vãi trên dấu chân người, hiện trường như một bữa ăn bị trời đánh, “trời đánh tránh bữa ăn”, cái luân lý cuối cùng ấy ở đây cũng không còn nữa. Cái im lặng đáng sợ bao trùm cả làng, mọi lý lẽ để người làng không đủ can đảm nhìn mặt nhau gói gọn trong một tiếng “nhục”. Nhục hết chỗ nói, nhọn hết chỗ nói, có người ngã bệnh, có người không ăn được gì nữa kiệt sức, có người lẳng lẳng giữa khuya, tay vác lưới, tay bồng con lên thúng chai bỏ làng mà đi. Một người ra đi, nhiều người ra đi. Già thanh niên độc chiếm ngát nghều trên miệng thùng đường ra đi đầu tiên. Cái thùng gỗ đã thành một khối ruồi đen đen, dò từ trong xương cái xác chết ấy dò ra, mùi thúí bốc tràn trên bãi vắng.”*

Dư âm câu chuyện tràn lạnh qua óc tôi lần nữa, rùng mình, miệng đắng ngắt, nhòn nhọn. Giờ thì tôi hiểu sâu sắc ba tôi định nói gì, lo sợ gì, không phải đường nào cũng là đường liệm xác chết, nhưng sự tỉnh táo không bao giờ thừa.

Đầu tháng ba, sửa lửa và dây mơ bắt đầu tấp bờ, tắm biển vào những lúc này thật “không biết gì về biển”, tôi nghĩ mình có lý do riêng để gắn cặp “chân vịt” vào và nhảy tùm xuống dòng nước đục ngầu. “Thành tâm sẽ gặp”, tôi luôn lẩm nhẩm lời của ông cụ lão thành Cách mạng, cả năm nay, tôi đã bắt đầu cuộc hành trình nội tâm mới, tôi đã thật sự lọc bỏ bớt những hành vi chẳng hay hóm gì mà có một thời tôi đã quan niệm “như vậy là sành điệu, văn minh”. Công trình du lịch biển- nghỉ dưỡng của công ty chúng tôi đã gần hoàn thành xây dựng cơ bản, tôi hình dung đến những trang sách mới đầy nắng ấm. Chiều hôm qua, trong lúc ngắm hoàng hôn nhuộm đỏ con triều lên xuống, tôi đã nhớ đến ba thật nhiều, mọi điều tốt đẹp, rồi cũng bằng cách nào đó, rồi xa chúng ta như con sóng đỏ rực kia đang rút xuống tắt dần theo màn đêm. Ngay lúc ấy, trong đầu tôi loé sáng một khao khát, tôi sẽ tìm, tìm bằng được bông sen biển. Tôi lách mình qua một bầy sửa lửa như những chiếc dù lượn lơ trong làn nước đục, đợi cơn sóng rút ra, tôi nương theo, kéo kính che mắt rồi lặn xuống một hơi. Nước đã bớt đục, tôi biết mình đã ra thật xa, tôi thả ngửa mình, mũi héch lên hít thở lấy lại sức. Trong làn lặn tiếp theo tôi đã thấy được tia sáng mặt trời xuyên lóng lánh trong dòng nước. Lặn sâu, nhìn sâu vào biển, vẫn không thấy gì ngoài những ảo ảnh lấp loá, tôi cố xuống thật sát đáy cát, bầy cá mặt đá đang ùn ùn đẩy dây mơ và những hạt sạn, có lẽ chúng đang làm tổ, tôi quờ tay bò sát lại, chúng trơ ra không hề hốt hoảng như những loài cá khác. Sau tiếng “rắc” nhẹ trong màng nhĩ, bỗng tôi nghe có tiếng âm âm, rền rền, tôi giật thót người trôi lên mặt nước. Tôi hít không khí đầy lồng ngực, thở ra từ từ, những lúc mất bình tĩnh tôi thường làm vậy để cân bằng. Tôi xoay oặt người lặn thẳng xuống chỗ lúc nãy, bầy cá mặt đá đã biến mất, tôi chắc mình đã trệt đi tí chút, nơi đây, sóng nước chao đập hơn, vẩn vít hơn, giữa mịt mờ loạn cuồng bóng nước xen hoà ấy, trong khoảng khắc mông lung ấy, thật bất ngờ, tôi chợt thấy ngay trước mặt những chiếc lá tròn tròn bằng bàn tay đang xoè ra ụp vào, dưới chân một bông hoa xanh như được tạc từ cẩm thạch, mạnh mẽ, lung linh, hướng thượng, từ đây, âm thanh lúc nãy lại vang lên, tôi nằm im, lắng tai, những âm âm xáo động quy tụ dần, tôi đã nghe rõ từng tiếng thì thầm quen thuộc, thân thuộc... Tôi chỉ kịp nhận thức mình đang bị hút đi thật mạnh, cơ thể chợt tan biến và tôi rơi vào trạng thái vô thức, không lưu gì trong não. Tôi từ từ hé mắt: Bầu trời tím ngắt, cơ thể tôi nhanh chóng tụ lại đúng tư thế nằm dưới đáy nước ở thế giới bên kia. Tôi mở mắt, con người mở hết cỡ, tôi quá đỗi ngạc nhiên thấy ba mẹ tôi đang từ từ di chuyển về phía tôi. Tôi định lao lên, định há miệng kêu nhưng đành bất lực, tôi không điều khiển được tứ chi hay bất cứ phần cơ thể nào, chỉ còn tâm trí tôi là vẫn đang làm việc, đang ghi nhớ tất cả. Ba mẹ tiến đến trước mặt tôi, ánh mắt vô ưu, khuôn mặt thư thái, điều tôi chưa bao giờ thấy lúc họ còn sống. Ba trao tận tay tôi một bông sen xanh, một làn hương thơm lạnh tràn đầy lồng ngực. Tôi hít thật sâu, năng lượng sống ứ tràn trong từng tế bào và tôi từ từ nhắm mắt, một trạng thái minh mẫn sáng suốt đang ngự trị trong óc não tôi.

*Chân núi Tà Cú 8/2010*

## Hơi thở của dòng sông

Tháng chạp năm nào thầy Đen cũng về chùa Phước Xuân tọa lạc bên bờ sông Con Công này, vậy nên khóa tu thiền hàng năm dành cho Phật tử ở đây đã thành lệ. Năm nay, chùa mới thỉnh được tượng Phật Thích ca bằng đá trắng từ Non Nước về nên thầy Đen tổ chức khóa tu ngay trong chánh điện. Thầy là cư sĩ, thầy có tên quy y nhưng ai cũng thích gọi là thầy Đen đúng như tên cúng cơm.

Trong phần giải đáp sau bài giảng, có Phật tử đứng lên hỏi một câu rất ngây ngô:

-Thưa thầy, bờ giác có phải xuất phát từ một bờ sông nào có thật hay chỉ là một bờ sông tưởng tượng?

Quả thật trả lời cho rốt ráo câu hỏi ngây ngô này không phải dễ nhưng cũng không khó đến mức làm thầy Đen phải lặng người đi một lúc khá lâu. Ai cũng thấy vậy là bất thường vì thầy Đen, dù chỉ là cư sĩ nhưng về giáo lý đạo pháp thì chưa chắc mấy vị thầy trong hàng chức sắc sánh bằng...

Đến khi chuyển qua phần hướng dẫn thiền thầy Đen mới lấy lại cân bằng, đường nét tinh tấn hiện lại mồn một trên khuôn mặt thanh tú, khuôn mặt của người được ơn phước. Thầy mở đầu phần hướng dẫn rất lời cuốn:

-Chủ đề của khóa tu năm nay là gì? Một ngày an lạc. Cả năm, các vị đã quay cuồng trong đời sống, hàng xóm ra ngõ không kịp chào nhau, con cái quên cả cha mẹ, người thân quên cả mặt người thân, từng con người đã quên mất chính mình... Hỏi đến mức như vậy thì làm sao có được phút giây an lạc...

... Bắt đầu bằng tư thế kiết già. Các vị có thấy Phật Thích Ca ngồi đó không? Chân phải là dương, tay phải là dương, dương đặt trên âm, hai ngón tay cái chạm nhau. Hãy ngồi như Phật. Hãy hít vào thật sâu! Ta hình dung như mình đang đổ ánh sáng vàng ngọc vào chiếc ly vậy. Quý vị hãy cùng tôi nén thứ ánh sáng quý giá ấy xuống đan điền... Đầu óc không còn vướng bận gì cả, xả cho bằng hết. Khi người khách hư không đến nhà, chúng ta có thể dừng lại ngắm nghĩa anh ta chút đỉnh nhưng đừng cố mừng tượng ra điều gì, hãy để căn nhà ngập tràn hình bóng của người khách ấy cho đến khi người khách ấy với ta là một...

Hàng trăm Phật tử bên dưới đã bắt đầu kiểm soát được hơi thở của mình, đã nén đều đặn hơi thở xuống đan điền rồi đưa lên thùy chẩm, cả chánh điện đầy những chiếc áo xám im phắc thì chính thầy Đen lại bị một loại hơi thở khác điều khiển trở trần suốt buổi tọa thiền, có lẽ do câu hỏi ngây ngô của ai đó ở đầu buổi giảng đã vô tình đánh thức những sâu kín trong lòng thầy.

...Đò ơi!!! Tiếng gọi đò của người đàn ông chới với trong nhấp nhá chiều trên bến sông Con Cuông. Một chút nắng quái hắt thứ ánh sáng vàng chạch lên khuôn mặt người đàn ông, vừa đủ để thấy những đường hằn dóm đó nhăn queo, có nét gì rất quen thuộc.

Thầy Đen định quay đi, vào cái thời điểm ngày cùng tháng tận như thế này, con người ta không còn thời gian để dành cho những thắc mắc, nhất là người đã choàng chiếc áo cư sĩ lên người, chiếc áo không phải là thầy tu nhưng nó giúp người xuất gia tránh những phiền nhiễu không đáng có. Thầy Đen định ghé lại ngôi chùa quen tá túc qua đêm đợi con đò sớm mai, là bụng nói với dạ như vậy, chợt có một sức hút ma quái nào đó kéo bước chân ông tiến lại gần hơn, ông bàng hoàng nhận ra người này mang khuôn mặt của mình, cùng lúc ấy người đàn ông tiến tới và nhanh chóng nhập vào ông. Ông rùng mình rồi nhìn ngó quanh quất, bến sông giờ chỉ còn một hình một bóng là ông. Thầy Đen loay hoay định bụng trượt xuống sát mép nước vốc tay rửa mặt cho tỉnh táo, không ngờ cái triền bờ ấy lại xuôi dốc như triền mái nhà, ông thảng người lại, loạng choạng trong tư thế cúi soi mặt mình xuống dòng nước. Đột ngột ông lúi lại. Tiếng “đò ơi” vừa chui lên từ đáy nước, đầu tiên là tiếng thì thầm, sau thì hét lên, vọng lên thảng thốt, những vòng sóng trắng xóa nhợt nhạt tỏa lan thành những vòng tròn khổng lồ trên mặt sông khá nhem. Thầy Đen sợ hãi bật ngựa người lên nền đất ẩm ướt rồi cứ thế trượt nhanh xuống... Ông giật mình từ từ mở mắt ra khỏi cơn chập chờn mộng mị. Bên dưới, mấy trăm Phật tử trong tư thế kiết già như mấy trăm bức tượng, không biết bao nhiêu người ngồi im nhưng chưa xả được chuyện lu bu gia đình, bản thân. Ông lim dim mắt cố nhớ lại giấc mơ, ông hiểu mọi thứ trong giấc mơ thuộc về chính mình chứ không phải ai khác. Ông không cần cầm trên tay, không cần sờ mó giấc mơ vừa lấy ra từ nơi sâu thẳm ấy nhưng ông biết được sức nóng của nó, bởi thứ nhiệt lực kia đang tỏa ra chính từ nhịp đập tường như đều đặn thanh thân nơi trái tim ông. Mỗi người có một dòng sông riêng tư và bí ẩn đeo đuổi, ám ảnh không lúc nào nguôi, đó là con đường đi của anh ta, không chỉ bằng bước chân trần chai vàng dẹt gót, không chỉ bằng con đường sỏi đỏ nhựa đen trước mặt, cũng chưa hẳn là mục đích danh vọng chi chi, càng không phải là sợi tơ mảnh lụy tình tình lụy thất ruột co tim nào cả. Đó là ước mơ của một con người. Ước mơ không rạch ròi vì chưa dám thổ lộ, chỉ âm thầm mừng tượng trong đêm, chỉ ứa nước mắt mà nghĩ về nó mỗi khi sắp ngựa bầm dập đến tái tê tâm hồn, đến hư hao thân xác. Ước

mơ có lúc tưởng chừng ngủ quên đâu đó như dòng sông chui qua gầm cầu bóng tối, như dòng sông cúi mặt sát đất trườn người qua những bụi gai khuất lấp móng vuốt hiểm nguy...

Thầy Đen lại tiếp tục chìm vào những ý nghĩ về dòng sông ước mơ làm cho người ông nóng ran lên. Có một dòng sông khác đang đòi hiện diện ngoài dòng sông Con Cuông nhiều kỷ niệm, lấm xốt xa đã gắn chặt một thời niên thiếu côi cút của thầy với quê nhà.

Trước khi xuất gia, thầy Đen cũng đã thường mơ thấy dòng sông, ông thường có thói quen đứng nơi cửa sổ, tay níu vịn vào song cửa, không phải chỉ để nhìn thấy dòng sông thực đang bị lấp dần ngoài kia mà còn để hình dung ngày càng rõ dần dòng sông trong kí ức miền sâu của mình đang bị lấp dần bởi cơn áo mưu sinh, bởi những nợ nần thúc bách ngày nào, đồng ý con người là con nợ lẫn nhau, xét cho cùng là thế, nhưng vị đắng đót nợ trần gian thường trực làm cho con người ta bất an, làm cho con người ta quẫn quai, làm cho con người ta hèn mọn dần đi. Phải chăng đó là những khối đá lấp dần, lấp dần dòng sông ước mơ trong mỗi phận đời. Tu mau kéo muộn! Đó là mệnh lệnh. Đó là con thuyền bát nhã hiện ra giữa nước lụt trắng trời. Đen đã xuất gia. Thầy Đen nổi tiếng là người thầy hướng dẫn những khóa tu "Một ngày an lạc" khắp các chùa chiền quanh miền Đông nam bộ. Thầy Đen đi đến chùa nào thì Phật tử ở đó xôn xao, hồ hởi lũ lượt đến chùa, một phần vì cách giảng bài, cách trả lời những thắc mắc gọn gàng sắc sảo một cách siêu việt, một phần vì nhu cầu an lạc quá cần thiết cho họ. Thầy đến như đem đến cho họ nguồn nước mát xoa dịu những vết thương do đời sống trần tục mang lại.

Mỗi phận đời nặng trĩu ước mơ là một dòng sông luôn cố hết sức oằn mình qua những khúc quanh co định mệnh. Thầy Đen là người ít mơ trong những buổi hướng dẫn tu thiền nhưng thỉnh thoảng có những lần như vậy đều làm cho da ông sạm đi. Thầy Đen không làm sao quên những cơn ác mộng chứa đựng hình ảnh gần gũi ấy đã ám mình như thế nào, hồi trẻ có lần ông còn thấy mình ngoi lên ngụp xuống sặc sụa trong dòng nước đục ngầu, rồi hơi thở đã rời ông ra đi, ông chới với hẫng hụt, ý muốn càng ngoi lên thì thể xác lại càng chìm xuống... Chính ông đã thấy mình nằm quay đơ xanh lạnh dưới đáy nước... Ông kể giấc mơ khủng khiếp ấy cho má ông nghe. Má quay mặt đi thờ dài. Má đang rót nước mà nước cứ tràn ra đầy bàn. Má chột kể về cái năm Thìn khốn khổ. Giọng má thường mang mang chìm lắng về một nơi xa vắng nào đó trong những lúc bà nói về cái kì vượt cạn trên nóc nhà lênh láng nước. Khi bà ngoại cắt được dây nhau thì thân thể đứa bé đã dần tím bầm, bà phải phát vào đít năm bảy phát liên tiếng khóc mới oe oe cất lên. Người ta khóc để chào cuộc đời và cố gắng hết sức để cười trong ngày cuối của mình. Tiếng khóc thiêng liêng đánh dấu những cực nhọc đầu tiên của một con người. Má chỉ gắng gượng nghe được tiếng khóc ấy rồi ngất đi. Máu vượt cạn sinh con từ cơ thể má trườn theo mái tôn trộn lẫn bầm đục dòng nước lụt đang duênh lên ì oạp tận chỗ nằm của hai má con. Đứa bé được đặt tên là Đen vì hình ảnh tím đen khi chào đời, cũng vừa là do sắc màu bầu trời vẩn vù đen nghịt mấy ngày ấy. Sau, đứa bé lại hay rùng mình, trăn người, mỗi lần như vậy các đốm đỏ lại nổi lên khắp người nên má còn nựng nịu là Tắc Kè Bông của má. Má nói: Tội nghiệp con tôi! Chắc tại má lúc ấy đã quá sợ cơn nước lũ nên mới truyền cơn ác mộng ấy vào con. Đen nghe đến đó chột thấy thương má không kể xiết nên vội vàng chuyển sang chuyện khác, ông muốn má nguôi ngoai, không bị dằn vặt, ông không muốn nhìn thấy má đau buồn.

Thầy Đen cố gắng kiểm soát hơi thở của chính mình nhưng một lần nữa ông lại thất bại, ông chỉ còn nghe hơi thở của dòng sông...

...Mỗi đoạn đời của dòng sông ấy có khác nhau, nơi đầu nguồn đổ dốc thì reo vui vô tư, chỉ thấy sáng trưa cầu vồng lấp lánh; nơi quanh co nhiều hơn thì nước cũng xoáy trào nhiều hơn, cũng ngẫu đục cát đá cuộn mình; nơi đôi bờ suông thẳng thì nước phẳng phẳng tuôn đi, hã hê quên để mắt đến đôi bờ, bên này lở bên kia bồi, bên vực sâu bên bãi cạn... có gì mà đau, có gì mà nhớ, rồi chột thẳng thốt nhận ra, thẳng thốt chạnh lòng, trách giận chính mình vô tâm, trách giận con tim hững hờ, trách giận chính những niềm vui vốn nhỏ nhoi, tạm bợ ở đời đã đánh lừa, đã làm quên đi nỗi khoắc khoải trong veo của đời mình.

Chỉ một điều giống nhau như đúc của các dòng sông, dòng đời ấy là khi về hạ nguồn thì lặng lẽ thắm màu dâu bể, thì trầm ngâm gỗ mộc nâu già, thì thắm đau, thắm mệt đến như quên mất nỗi ưu tư mà kì thực nỗi ưu tư đã đến nơi gọi là bến sâu bờ quạnh.

Thầy Đen chẳng biết mình đã đến đoạn hiu hắt ấy hay chưa nhưng ông biết rõ một điều mình không có quyền thắm đau thắm mệt lúc này. Cuộc đời xuất gia, đi giảng đạo khắp nơi tưởng đã đưa ông chạm được bờ kia nhưng hơn ai hết ông biết mình vẫn còn rất trần gian... Ông từ từ mở mắt rồi đứng dậy, nói lớn thay cho lời kết thúc:

Nam mô a di đà Phật!

Tiếng hàng trăm Phật tử họa theo:

Nam mô a di đà Phật

Phương pháp tu sau khi thiền xong này gọi là “tu Nam Mô”. Một ý tưởng ngủ quên vừa được đánh thức. Ông định hướng dẫn thêm về phương pháp “tu Nam Mô” nhưng lại thôi. Thầy Đen dợm bước lui vào bên trong thì dừng sượng lại bằng hoàng khi nghe hai Phật tử trong lúc duỗi tay chân thì thắm trò chuyện với nhau về sự trải nghiệm tọa thiền vừa rồi, kể xướng người họa nối tiếp thành một bài thơ xuyên thấu lòng người thầy vốn được coi là uyên bác siêu việt:

“-Một sớm phiêu bồng qua bên sông  
-Bồng nhiên hiểu Phật cũng đau lòng  
-Phật cũng khổ như người khốn khổ  
-Cúi đầu quay lại bên này sông.”\*

*Chân núi Tà Cú, tháng chạp, Kỷ Sửu*

\*Ý thơ Nguyễn Bắc Sơn

## Bay

Vàng óng ả. Đó lại là nỗi sợ hãi trong buổi chiều buồn đời người. Hấn bước đi, đầu cúi thấp để tránh những tia nắng vàng óng xuyên rẽ quạt qua đám cây lá hai bên đường, có cái gì đó nhói lên ghen thối trong lồng ngực. Trước đây, hấn có thèm những tia nắng này thật nhưng bây giờ khác rồi. Nỗi cô đơn không thích bất cứ cái gì vàng óng chứ không riêng gì nắng, nhưng phải chịu sự trêu người của nó làm cho hấn trở nên hằn học vô cớ. Hấn luôn miệng lầm bầm: Gớm! Nắng con mẹ gì nắng dữ, chiều sụp đến nơi mà cứ như đổ lửa, đổ mật, đổ...

Hấn không còn trẻ để tô vàng phết đỏ lên hình ảnh hoa lá cành. Hấn chưa đủ già để phớt tỉnh trước cái nắng chiều đến nôn nao lòng người này. Hấn càng chưa đủ sự tĩnh lặng trong tâm hồn để tiếp nhận, để hoá giải, để rung động trước tất cả, nhất là với thiên nhiên. Cái tuổi bốn lăm của hấn ở giữa lưng trời như hạt bụi chưa đủ trĩu nặng rũ xuống mà cũng không còn đủ sức nóng để tự cháy bay lên. Vậy mà trong đầu hấn luôn có một dự lệnh: “Chuẩn bị”, hấn biết động lệnh là gì, hấn cứ đợi. Hấn chờ đợi phút giây kì diệu đôi cánh sẽ mọc ra hai bên vai hấn. Hấn tiếp tục đi về phía trước như theo dấu chân người tàng hình nào đó, đầu tiếp tục cúi thật thấp, thấp đến mức hấn thấy mồn một mười đầu ngón chân mình thò ra nhả nhúm, còng queo xấu xí thô tẻ trên hai chiếc dép giả da cứng đơ há mồm, khác xa một trời một vực với giày da đen bóng ngày nào. Hấn vừa đi vừa quan sát mười đầu ngón chân, có lúc hấn tưởng tượng đó là những hòn sỏi không dính dáng gì đến cơ thể hấn. Ngón giữa thấp hơn ngón cái là thẳng sợ đàn bà, ai đó đã nói về tướng số như thế, chắc chắn với hấn là đúng, bởi hấn tự biết mình rõ hơn ai hết, hấn còn sợ nhiều thứ lắm chứ không riêng gì sợ đàn bà. Hấn ngán sợ vì cứ nhìn thấy họ, cứ nghĩ tới họ là hấn thấy không gian xung quanh mất hết màu sắc, tất cả đều màu trắng. Có lẽ màu trắng có gì đó giống tâm tính đàn bà nên hấn mới có sự liên tưởng kì cục như

vậy? Không, hẳn có lí do của riêng mình để hình thành nên khối ám ảnh trắng, vũng ám ảnh trắng, bầu trời ám ảnh trắng, mặt đất ám ảnh trắng.

Tất cả đều trắng rợn: Bước chân ngập trong tuyết trắng xoá, ánh mắt bị bao phủ bởi tuyết trắng xoá, nhất là cái ý thức trắng mắt làm hẳn bàng hoàng. Trắng mắt và trắng tay, một đúc kết lạnh lẽo khi tuổi đời đã qua mốc bốn mươi, cái mốc mang nội dung thông báo như tiếng vỡ của kính, của chén bát ném xuống sàn nhà: Người ta khó làm lại từ đầu. Và tất cả đang rơi xuống: triệu triệu mảnh tuyết rơi tuôn trút nổi tủi thân xuống trước mặt, cắt cửa vào tai vào mũi hẳn; nước mắt cứ thế ứa đục mận xót, đầy dần từng giọt và rơi ra không dừng được. Hẳn đấy, thoát đầu hẳn cố nghĩ là tuyết bay đầy trời, nhưng sau thì rõ ràng là tuyết đang rơi. Thường, giấc mơ bay đến ảo mộng con người ở tuổi niên thiếu, nhưng với hẳn, khi ở cái tuổi không thể làm lại từ đầu, tuổi trượt qua bên kia dốc, hẳn mới ước mơ mình được bay. Hẳn bay không phải để thoả mãn cảm giác mạnh hay khao khát lãng mạn nào đó, càng không phải giấc mơ chinh phục, đơn giản hẳn muốn bay lên để thoát khỏi cuộc sống thực tại như một khối chì nặng trĩu thể xác hẳn, tâm hồn hẳn. Khi hẳn hình dung ra phút giây bỗng nhiên nhẹ yên, không còn đau khổ, không còn lo sợ, lo nghĩ, lo lắng, lo toan bất cứ chuyện gì, một buổi sáng kì diệu chợt thấy lòng mình không còn ưu phiền, đôi cánh mình mọc ra và cứ thế nhẹ nhàng bay lên, chắc chắn ngày đó hẳn đã chết. Giấc mơ bay của hẳn không có đường chân trời. Hẳn vừa nhấc từng bước chân nặng nề trong tuyết lạnh vừa miên man với giấc mơ bay. Đó là mùa đông cuối cùng của hẳn ở Cali, một tiểu bang đông đúc phía Tây, gọi Ca li là gọi tắt, lúc vui hẳn gọi trịnh trọng là Ca-li-pho-ni-a, lúc bận rộn chẳng vui chẳng buồn hẳn gọi nhanh là Ca-li-phoóc-nha. Cái thành phố hoa lệ mà mới cách đây một năm ánh mắt hẳn còn choáng ngợp như lạc vào thiên đường trần gian, giờ đây đối với hẳn chẳng còn ý nghĩa gì nữa, hẳn chẳng màng nó tên gì. Hẳn khóc hết nước mắt rồi lại cười, cười thì cứ cười mãi, chẳng có gì để hết, chỉ biết rằng càng cười càng ngập nỗi cay đắng mà thôi.

Con đường trước mặt hẳn, cả sau lưng hẳn đã biến mất. Hẳn vừa đây còn lưỡng lự, nhưng khi đưa chân ra khỏi nhà, căn nhà trở xa lạ một cách đột ngột. Có nhiều thứ biến mất trong mùa đông nhưng thứ biến mất đáng sợ hơn hết là mất tổ ấm gia đình. Vậy mà... Bàn chân hẳn cảm râm: “Thất bại, thất bại, thất bại...” sau mỗi bước đi. Hẳn sửa lại cái mũ trùm và hẳn chợt nhận biết tiếng cảm râm của đôi chân chỉ là tiếng lạo xạo phát ra từ trong tuyết. Hẳn nhấc chân thả bâng quơ để tránh cái nhịp điệu “thất bại, thất bại” quỷ quái kia. Hẳn biết rất rõ không phải tuyết rơi dày quá làm cho bước chân hẳn vô định, lạc hướng, đã có đôi lần đôi lần hẳn phăm phăm đi trên tuyết, trên con đường đã bị chôn vùi mà vẫn đi về ngon ơ, nhưng lần này thì khác. Tự dưng hẳn thêm chút nắng vàng óng ở xứ mình, thêm đến đại người, nhưng quanh hẳn chỉ những mảnh vụn lấp lánh trắng, lấp lánh xanh, lấp lánh lạnh. Hẳn ý thức những thứ lấp lánh ở đây không dành cho hẳn. Hẳn nhắm mắt trước thứ ánh sáng khó chịu đó, đêm đen ngập lòng hẳn ngay giữa ban ngày. Hẳn đưa tay lên hai má xoa xoa liên tục mà vẫn không hết lạnh bởi cái căn nguyên lạnh lẽo kia tràn ra từ trong lòng hẳn. Từ cha sinh mẹ đẻ đến nay hẳn chưa từng nếm trải cái lạnh đến héo ruột héo gan này bao giờ. Máu trong người hẳn như muốn đông cứng lại. Thân thể dường như không còn là của hẳn nữa. Hẳn nhăn nhó nhưng các cơ mặt của hẳn đã bị ướp lạnh cứ trơ ra. Hẳn muốn nhảy cuồng lên nhưng tay chân rã rời, chẳng còn chút sức lực. Nụ cười là chỉ nhảy thôi chứ không phải bay mà cũng không được. Hẳn muốn gào thét chửi bới người vợ phản bội, tráo trở, đoạn tình đoạn nghĩa khốn nạn của hẳn nhưng miệng chẳng buồn mở ra, âm thanh đã đi vắng khỏi vòm họng của hẳn. Tâm hồn hẳn cũng tê dại dường như không còn là của hẳn nữa.. Hẳn nuốt nước bọt thấy đắng miệng như vừa bệnh dậy. Hẳn thấy mình đang trôi tuột từ dốc tuyết trắng xoá, thân thể va mạnh vào các góc cây nhọn nhô lên trong tuyết. Bầm dập. Máu hẳn loang trên tuyết nhưng hẳn không hề biết đau... Tất cả đã tê dại. Hẳn bàng hoàng dụi mắt mấy lần. Khi tỉnh ra, hẳn lại cầu mình được bầm dập máu me như vậy thật cho “người ta” hài lòng.

\*\*\*

Hắn không dám nói về nỗi ám ảnh, về cơn ác mộng rơi vói người bạn thân duy nhất ở nơi xứ người này.

-Nhớ quê

-Xạo, sắt đá mà cũng nhớ sao? Vứt mẹ nó nỗi tủi thân con con ấy đi!

-Nhớ thật...

-Mày đừng qua mắt tao. Nó cố chiều chuộng mày, giả yêu thương mày để được sang đây. Toại nguyện rồi, nó đá cái phốc liền chớ gì. Tao lạ gì cái kiểu yêu thương đáng nguyên rủa đó. Ở đời, thiếu mẹ gì cái thói qua cầu rút ván, phủ tay.

-Không phải đâu, tao nhớ quê mà... Ở đây lạnh quá, đã có triệu chứng đau khớp.

-Tao không tin! Nỗi buồn vợ con của mày làm cho mày mất hết sự sang trọng của một con người.

-Gớm! Cứ tạm tin vậy đi!

-Ừ, tao hiểu mày. Được rồi. Hôn nhau trước mặt trời lặn mới là tình đích thực, phải không!?

Ghế của hắn sát cửa kính, nguyên nửa tiếng đồng hồ trôi qua, hắn chỉ nhìn chăm chăm ra một góc cánh máy bay rung rung. Sau, tia mắt của hắn lại đưa xa bắt gặp những đám mây trắng xấp bông bênh. Không phải lần đầu tiên hắn nhìn những đám mây từ bên trên, mới ngày nào đây hắn còn xúc động, còn bật thốt lên trong lòng "Trời ơi, đẹp!" nhưng quả thật lần này hắn nhìn đàn đàn mây lặng lẽ vói một thái độ vô cảm lạ lùng. Chính hắn cũng phải ngạc nhiên sao lòng mình quá trở lạnh. Cũng có vài lúc hắn loáng thoáng nghe một thôi thúc nào đó bên trong, nhưng là gì thì hắn chưa rõ lắm.

\*\*\*

Khi trở về, cuộc đời hắn tiếp tục thả trôi theo bước chân vô định. Nỗi buồn trong sâu thẳm lòng hắn đang gặm nhấm lần hồi sức lực còn lại của hắn. Chưa tin, tức có lúc sẽ tin. Còn tin, nghĩa là còn chút gì để trông đợi, để hy vọng. Không tin là không bao giờ tin được. Cứ sốc gia đình tan vỡ đã dội một núi tuyết lạnh giá vào tâm hồn hắn. Cả năm sau hắn chưa hoàn hồn, nhưng cuộc sống vẫn không dễ dàng gì. Ai cũng gọi hắn là ông Vô Liêm Sĩ, thằng Vô Liêm Sĩ, có người vừa gọi vừa cười tùm tùm, có người cười đắc thắng hả hê vói kiểu nửa đùa nửa thật của mình làm cho đối phương bầm gan tím ruột vẫn phải nở nụ cười chịu đựng. Cái tên Vô Liêm Sĩ xuất phát từ một cuộc nhậu, gọi là "rửa" cặp loa lớn khi hắn mua bỗ sung vào dàn âm thanh phục vụ đám cưới, tiệc tùng, cái cần câu cơm của hắn. Gã nhạc công hay lý sự nhất trong đoàn vui miệng đùa: "Người làm thơ giỏi gọi là Thi sĩ, người sáng tác nhạc giỏi gọi là Nhạc sĩ... Còn người chỉnh âm thanh, vận vô- liêm giỏi gọi là gì? Gọi là Vô Liêm Sĩ chớ còn gì nữa". Cả đám nhạc công cười rần rần. Hắn cũng cười theo, tưởng vui chốc lát đâu biết cái câu đùa ác ôn hành hắn lâu dài. Không ai dại gì lại chấp nhận kiểu gọi thẳng mặt bằng cái tên xấu xa ghê gớm như vậy, hắn biết thế và cũng biết thêm cái tên vận vào đời người chớ không phải chuyện đùa. Nhưng xung quanh hắn, ai cũng đùa dai như vậy thì hắn biết làm sao được. Gớm! "mac-ke-no"! Có lẽ sau khi bị một cú đau chí mạng, con người ta trở nên dễ dàng bỏ qua mọi chuyện, mà có thứ gì đau hơn nỗi đau hắn đã hứng chịu. Bán nhà bán đất chạy lo thủ tục giấy tờ ra đi. Sang bên kia, bao nhiêu sức lực, lòng nhiệt huyết trút hết vào việc xây dựng một cuộc sống mới. Thế rồi dừng cái, vợ hắn đi làm "neo" về dất theo một gã Tây cao lớn. Ván bài ỡm ờ "đi làm đêm" lâu nay được lật ngược. Hắn mất sạch. Đương nhiên hắn phải là người ra đi. Gớm! đồng tiền làm người ta mù loà và ác độc. Trong thâm tâm, hắn cũng chưa chắc lắm là do màu sắc đồng tiền mê hoặc hay là do sức vóc như ngựa giống của gã Tây. Mà dù là gì hắn cũng khinh bỉ con đàn bà đó... Gớm! Vô liêm sĩ thì đã sao? Cứ gọi bất cứ tên gì các người muốn. Cứ gọi... Chẳng có gì ghê gớm cả... Hãy đợi đấy! Hắn vẫn âm thầm chờ đợi, hồi hộp chờ đợi một động lệnh cho cuộc đời hắn. Hắn hiểu thấu loại mệnh lệnh này nhưng vẫn chờ đợi giờ G, giờ H và cái động lệnh sau cuối ấy sẽ vang lên sang sảng, dứt khoát.



Mỗi lần gã nhạc công nhiều chuyện ấy lên tiếng chọc ghẹo, hắn thường nghĩ: Thời buổi này thật khó nhìn ra xung quanh bằng một cặp mắt trong sáng, một trí tưởng tượng trong sáng. Một lần rệu rã ngà ngà, hắn hỏi tay nhạc công: “Sao anh thích chọc tôi dữ vậy?” Tay nhạc công vừa quay mặt đi vừa nói: “Nói thật nha, tôi phịa ra mọi chuyện chọc anh “tới bến” như vậy để anh tức tối mà tỉnh lại. Bị đàn bà cắm sừng, đá đít mà đau dữ vậy sao? Chỉ vì sự phản bội của một con người không đáng gì ấy mà anh bước tới miệng vực sao? Tôi nói anh đừng rầy tôi: Bao nhiêu người đang mang những nỗi buồn lớn lao trong người mà vẫn cố cười, cố sống, anh nhìn ra xung quanh đi, chịu khó nhìn, chịu khó lắng nghe tí xíu đi! Có bao nhiêu thân phận bị đẩy tới miệng vực thật sự. Anh không thấy sao? Không thấy thật sao?”

Hắn mang máng hiểu ra ý tứ sâu xa trong lời bộc bạch của gã nhạc công. Hắn nhượng bộ bằng cách vào đám cưới cứ nhìn lên trên trời né tránh ánh mắt mọi người. Lẫn thân. Vô vị. Thất bại, cuộc đời hắn là một cuộc đời thất bại, ngay cả nỗi buồn của hắn cũng chẳng hơi hướm gì. Có sự khác biệt lớn lao giữa thất bại và nỗi ám ảnh cuộc đời mình thất bại. Hắn lại mang cả hai thứ đó trong người. Chẳng còn gì để mất, chẳng còn gì để bám víu đứng dậy. Bơ vơ. Lạc lõng. Một đám cưới nào đó gọi hắn phục vụ, tất cả đồ đoàn lại lên đường như một guồng máy khởi động, kê khiêng trống, người vác loa, rồi ráp, rồi nối dây, rồi làm cái công việc phục vụ quần chúng. Ai hát đúng nhịp, giọng ấm áp thì cho vô-liêm lớn, ai hát thường rớt nhịp, lạc giọng, nhạc bản một đằng rỗng la một nẻo thì vặn vô-liêm nhỏ lại, cho nhạc át đi. Hắn làm việc như máy, thờ ơ với tất cả. Âm nhạc là món ăn tinh thần không thể thiếu, hắn nói với mọi người như vậy nhưng hắn lại không nghĩ vậy. Hắn chỉ còn đôi cánh vô hình, đôi cánh chưa mọc của mình. Hắn tìm khoái lạc từ sự chờ đợi đôi cánh vô hình ấy mà thôi. Hắn âm thầm núp bóng trong hy vọng đôi cánh vô hình để cố sống qua ngày đoạn tháng. Hắn tiếp tục đợi cái động lệnh ấy.

\*\*\*

Một đám cưới mới lại hợp đồng với hắn. Chú rể là một cán bộ quản giáo. Đám cưới diễn ra trong khu trại cải tạo. Hắn và đồ đoàn lại lên đường ngay buổi sáng. Hắn sững lại ngắm nghía cảnh cỏ hoa xen đều tăm tắp. Tất cả cây trồng đều thẳng hàng thẳng lối, kể cả các hòn đá xếp đường cũng vuông vức nằm bẹp ép theo những đường cong thô thiển. Những tội nhân mặc áo quần kẻ sọc càng giống nhau như đúc. Một tội nhân say sưa quét sơn trắng lên bức tường. Có lẽ đây là hình ảnh riêng biệt duy nhất ở đây. Hắn đang hồ hởi một cách máy móc chợt sa sầm nét mặt. Sự hiện diện của bức tường trắng làm hắn khó chịu, vết thương trắng lại thức dậy nhức buốt lòng hắn. Hình ảnh bầu trời tuyết rơi lại hiện lên hành hạ hắn. Nhưng đến đêm thì đám cưới mới bắt đầu, hắn buộc phải ngồi đợi gần bức tường ấy. Người ta đã nghĩ ra việc xây một bức tường cao lớn bao quanh khu vực giữa vườn này để làm gì thì có trời mới hiểu nổi. Nước sông công tù mà, làm gì chẳng được, xét cho cùng mọi thứ đều có ích lợi với người sử dụng nó.

Sang buổi chiều, bức tường đã được phủ dần sang màu xanh, có lẽ gã này đang cố vẽ da trời thì đúng hơn, bởi hắn thấy trong mảng xanh ấy có những gợn mây. Hắn bắt đầu thấy cảm tình với bức tường xanh, hắn mon men tới làm quen với tội nhân. Gã này có vàng trán rộng, với mái tóc húi cua càng trông gã quắc thước đĩnh đạc, nhưng sao đôi mắt chất chứa điều gì mà thăm thẳm ghê quá. Gớm! Chắc cũng thuộc loại người tàn phá cuộc đời mình. Đúng lý ra làm quen với tội nhân là phạm luật, không ai cho phép, nhưng phần vì tội nhân này đã được chuyển sang giai đoạn tự giác, khi làm việc không cần người giám sát, phần vì hôm nay là đám cưới tay quản giáo nên mọi chuyện có dễ dãi hơn.

-Tôi không được phép nói chuyện

Gã trả lời cộc lốc. Hắn chợt nghĩ có lẽ vì ở lâu trong trại nên khả năng dính kết với mọi người của gã này đã kém đi. Hắn cố lần nữa:

-Xây bức tường này để làm gì vậy?

-Không biết à?

-Có phải bức tường ngăn khu bên cạnh?

-Anh nghĩ đây là bức tường? Gã quay lại trợn mắt rồi lại tiếp tay cọ. Gã nhúng ngập sơn, từ từ áp cọ vào tường rồi chú tâm, cẩn thận quệt lên quệt xuống, ém qua ém lại, dường như gã sợ không đủ sơn cho bức tường. Gã làm việc say sưa đến mức hẳn tưởng gã đã quên mất có hẳn bên cạnh. Hẳn đứng lặng quan sát: rõ ràng gã này cũng đang có nỗi buồn ngập lòng, nhưng chắc là không yếu ớt bé mọn như nỗi buồn của hẳn. Cứ nhìn đôi mắt gã thì biết. Từ cuộc rượt với tay nhạc công, hẳn suy nghĩ nhiều về nỗi buồn của mình nhưng hẳn cũng hơi trách: làm như những giọt nước mắt của hẳn là khóc theo những cuộc phiêu lưu tưởng tượng nào đó vậy. Chợt gã quay lại quắc mắt, giận dữ: “Tường à? Đó đó, không thấy bầy chim bay qua sao?”, “Đâu? Chim sao bay qua bức tường được?”, “Đợi ăn được trái tim của loài chim mới chịu hiểu sao?” Hẳn còn đang bần thần chưa kịp hiểu những lời ấy nghĩa là gì thì gã kia lại quắc mắt: “Tường à? Xem đây!” Gã ném cây cọ vẽ vào bụi cây, không cần lấy trớn, đột ngột lao mạnh xuyên qua bức tường, bay mất. Sau một hồi mắt tròn căng, hẳn cũng phồng mang trợn má hô lớn một động lệnh cả đời hẳn dồn nén chờ đợi: Bay! Hẳn cũng lấy trớn lao lên, hai tay hai chân hẳn đánh lạng nhanh dần nhanh dần rồi vút vút xé gió, nhưng đến gần bức tường thì hẳn chúi chân thẳng lại. Hẳn không hiểu tại sao. Hẳn ngã quỵ xuống cạnh luống cỏ cắt xén thẳng tắp, nằm thõ hõn hển, tim đập thình thịch trong lồng ngực. Hẳn đảo mắt nhìn quanh. Trong phút giây ấy, hẳn biết đôi cánh của hẳn vĩnh viễn không bao giờ mọc ra, không bao giờ.

Chân núi Tà Cú, tháng 6/ 2009

## Thùng lủng đáy

Chưa khi nào Tết miền Nam lại lạnh lẽo như năm nay. Ông Thực pha thêm một bình nước ấm xịt lên quanh chậu mai lần nữa mới tạm yên lòng thả người ngồi phịch xuống chiếc ghế mây. Lẽ ra ngày đưa ông Táo về trời, mai rớt vỏ trấu, phân chi, đặng này mãi hai lăm tháng chạp, chút màu xanh trông đợi ấy mới nhu nhú, lại nghiền nghiền không rõ đều. Kinh nghiệm chơi hoa mai già đời đã nói với ông: “Năm nay chẳng ra sao”. Ông chỉ tiếc là mấy năm nay, con gái ông mới được ăn Tết tại quê nhà, ông muốn cho nó xem cảnh mai vàng rực, ông muốn nó hít được làn hương mai thơm nồng vào sáng mừng một Tết... để sang lại xứ người có cái để mà nhớ.

Ông vuốt đầu con chó beç-giê to lớn đang phủ phục bên cạnh: “Vận đã xuống thì xuống đến tới mất, chơi cũng chẳng như ý nữa là, phải không Ki!?” Con chó tên Ki tuồng như hiểu đưa lưỡi liếm tay chủ mấy bận. Mỗi khi có những suy tư buồn rầu gì ông thường trò chuyện chia sẻ cùng con Ki, đó là thói quen của ông. Cả đời ông công minh liêm chính chí công vô tư, luôn sống giản dị, chỉ việc ông nuôi con chó beç-giê bầu bạn là hành vi sa sỉ nhất vốn xa lạ với hai từ “giản dị” trong phương châm sống của mình. Con Ki càng lớn càng đẹp! Bao nhiêu cán bộ cấp dưới ông trước đây đã luôn miệng tấm tắc khen con Ki làm ông cũng thấy tự hào về nó. Mỗi lần có người khen con Ki, ông lại đưa tay vuốt mớ lông vàng pha nâu bõm xõm trước ngực nó và nói, giọng tự hào: “Nhìn chỗ này mà xem, như chiếc yếm sư tử”. Đưa con Ki từ tỉnh về, ông vẫn giữ thói quen tâm sự với nó và luôn coi con Ki là người bạn trung thành duy nhất của mình. Cho đến giờ này, chỉ duy một lần ông đánh cây lên đầu nó, cũng chỉ vì tức quá không chịu nổi...

Vào những ngày về hưu đầu tiên, ông đạp xe lặn lội mãi tận xóm trên mua về cặp thỏ lông trắng như hai búi tơ, hai đôi mắt hồng hồng vô ưu nhìn đến xao xuyến lòng người. Ông hí hục suốt với khoanh lưới sắt và những thanh tre. Ông có ý định gầy cặp giống này thành bầy đàn gọi là góp chút thu nhập cho bà Thực. Bà Thực luôn miệng nói: “Chán, nghề của ông là cái nghề mà khi bùng ra chẳng còn biết làm gì nữa”.

Sau hai ngày lụng đấm mò hôi thì công trình chuồng thỏ của ông đã thi công xong. Ông thả cặp thỏ từ cái thùng giấy ra, bỏ vào mấy cọng rau lang, chỉ hai cái búi tơ trắng ấy mà vợ chồng ông

hết sẫm soi bên này lại ngấm nghĩa bên kia suốt mấy tiếng đồng hồ, bà Thực cũng tí mắt cười với niềm vui nho nhỏ. Chạng vạng, ông vừa vào nhà thì nghe tiếng hực hực gầm gừ của con Ki. Ông nhào ra nộ cho nó một trận. Con Ki cụp đuôi thui thủi về góc nhà nằm bẹp xuống. Buổi sáng, đang còn mơ màng ngủ thì ông nghe bà Thực rú lên ngoài sân. Ông vừa dụi mắt vừa hỏi “chuyện gì?”, “Ra coi này ông ơi!”. Bà Thực có lệ dậy từ mờ sớm quét sân, thấy cục gì tròn tròn trắng trắng nằm bên hiên, bà lấy chổi đưa qua đưa lại, ngồi xuống nhìn chọt bà thất kinh hồn vía. Vợ chồng ông tiến tới chuồng thỏ, ông không còn tin vào mắt mình nữa, một chiếc đầu thỏ kẹt trên những thanh tre, chút lông da kéo dài xuống dưới đáy chuồng vừa đủ cho ông bà hình dung ra cảnh tượng tởn công và hai cái chết thê thảm đến mức nào. Ông điên tiết quơ vội cây cài cửa quật mạnh lên đầu con Ki. Xong, ông cứ ân hận mãi, “Lỗi tại mình, nó là chó mà, sao trách nó được”. Đã quen với cảm giác trước những chuyện đại sự lúc đương chức nên chuyện nhỏ nhặt cũng chóng qua trong lòng ông Thực. Nhưng sau sự cố đó, ông để tâm dạy dỗ con Ki nhiều hơn, bởi khi chọn loại chó này để nuôi ông nghe nói nó là loài chó thông minh hơn hết các loài chó. Ông nghĩ: Ấu cũng là niềm vui tuổi già. Ông gọi con Ki nằm xuống bên cạnh rồi vừa gãi gãi quanh cổ nó vừa giảng giải phải biết tôn trọng sự sống. “Đời sống của mỗi cá thể tuy ngắn ngủi, vô thường nhưng rất đáng quý trọng. Vì sao con biết không? Vì nó biểu hiện sự thường hằng, miên viễn của vũ trụ.” Con Ki nghe tới đây thì ngáp dài một cái, đưa đầu mẹp xuống bàn chân ông. Ông cúi mình thấp hơn, các ngón tay tiếp tục gãi gãi lên đỉnh đầu nó. “Ki, có khi nào con nghe tiếng ếch nhảy vào trong nước chưa?” Ông bụm tay lên miệng, đánh lưỡi nhái tiếng nước động. Một tiếng “tôm” vừa đủ cho con Ki nghe, nó ngước lên liếm vào bàn tay ông làm cho ông thêm hứng khởi: “Ừ đúng, tiếng ếch nhảy hay gió trăng một buổi sáng sớm, hoặc cặp mắt thỏ long lanh là những sát na hiện thành, con phải biết tôn trọng”. Nhân nói chuyện ếch nhảy, ông Thực còn ngâm nga cho con Ki nghe một bài thơ nổi tiếng mà ông đọc được trong sách:

“Vắng vẻ ao hồ cũ

Tiếng ếch nhảy vào giữa hồ

Dội ra một tiếng bì bõm.”

Đó, con nghe thấy không, đó là sát na hiện thành... Đang nói ông chọt nhìn xuống chân, con Ki đã ngủ tự lúc nào, ngủ mà hai tai vẫn nhúc nhích làm ông cứ lầm tưởng nó đang nghe giảng. Ông thở đánh thượt rồi rút cho mình ly trà đầy. Rót mà không uống. Suốt đời ông chẳng hiểu sao sự ăn sự uống lại ít làm cho ông hứng thú. Ông ngồi nghĩ về cuộc đời mình, đúng là có “sát- na- hiện- thành”, nhưng đối diện với chính mình, ông chưa một lần vừa ý.

\*\*\*

Về làm dân. Ông đã tự nhắm đi nhắm lại hàng trăm hàng ngàn lần cái vé câu “Dân vạn đại” nhưng vẫn không thể phủ nhận bao nhiêu là bở ngỡ khó khăn khi xách túi về chấp nhận sự thay đổi vốn không thể khác được ấy. Tết này, ông đã về làm dân thiệt rồi sao? Chưa kể bao nhiêu lần ông Thực lằm cằm ôm cặp da bước ra khỏi cổng nhà rồi mới ớ ra, bà Thực còn hơn một lần cười ra nước mắt khi ông cứ mãi lằm bằm: “Giờ này, sao chẳng đưa nào đến chúc Tết?”. “Ông ơi là ông ơi! Về làm dân rồi sao còn...” “Ừ, về làm dân...” Ông lại cười tẽn tò với bà Thực, mặt cứ chín hồng lên, rồi đỏ kè, rồi tím tái. Ông Thực lại quay mặt, lác đầu qua phải, lác đầu qua trái, xong lại quật xuống xoay vòng mấy cái trước khi bước đi né tránh tia nhìn thương hại qua lưng trông nước mắt của vợ. Thật ra ông cũng chẳng biết mình làm những động tác ấy với ý nghĩa gì.

Ai cũng biết ông Thực là người chịu khó nghiên ngẫm sách vở, nhớ hồi ông đưa ra sáng kiến xây thêm một hòm thư âm dưới chân tượng đài lớn nhất tỉnh nhà, rồi cũng chính ông là người viết bức thư gửi thể kỷ sau đặt vào đấy, khoá lại. Dù hầu hết cán bộ trong tỉnh đều kính nể ông nhưng việc đã tới nước đó, nhiều người buộc phải tỏ thái độ phản đối, họ cho rằng ông chưa xứng tầm, nhiều người quá khích bụm miệng trốn vào nhà vệ sinh. Nhưng ai cũng thừa nhận

lời lẽ bức thư gửi thế kỷ sau ấy quả là thống thiết, điển tích có chọn lọc, từ ngữ hàm súc, vang vang. Ngay nhiệm kỳ sau, người ta đã lảng lảng vứt bức thư rồi trét kín xi-măng chỗ ấy, nhưng nhắc điều đó để thấy rằng ông Thực là người chịu khó và cũng văn hoa bóng bẩy như ai. Chính ông đôi lần cũng tự thừa nhận mình là người chịu khó, không đến nỗi thốt lên cái câu “Tôi phục tôi quá!” như những kẻ ganh ăn ghét ở đồn đãi, nhưng ông có tự biết ưu điểm lớn nhất ấy của mình. “Một sách nhưng có tính mục đích rõ ràng, chưa đọc được ngàn cuốn sách thì có gì để nói phải không Kì?” Ông lại xoa đầu con Kì phân trần.

Đề tài ông theo đuổi lớn nhất, nhất quán nhất, xuyên suốt nhất, nhiều lần trở nhất chính là đề tài bất tử, là cải lão hoàn đồng. Các loại sách khác ông cũng có đọc nhưng ít lưu lại trong óc. Chỉ hai cái từ “bất tử” là cuốn hút hết tâm trí ông. Có lần ông còn có giấc mơ kỳ quặc là chẳng biết bằng cách nào ông lại giáp mặt với những thuộc hạ của Tần Thủy Hoàng, đó là những thuộc hạ nhận sứ mệnh đặc biệt đi khắp chân trời góc biển để tìm thuốc trường sinh về cho vị hoàng đế quyền uy tốt đỉnh này. Ông hỏi họ: “Có không?” Tất cả họ đều im lặng cụp mắt lại và biến đi rất nhanh. Có lẽ họ sợ đánh mất sự bình an của mình khi nhắc lại tham vọng kỳ quặc có một không hai ấy, cũng có thể bởi họ chỉ còn là những bóng ma. Riêng ông, ông lại tin là có, con người có thể bất tử nhưng không phải cái cách thức thực tế mà Tần Thủy Hoàng cố tìm, càng không phải cái cách thần Jupiter ở phương Tây ban cho bà vợ Junon nguồn suối cải lão hoàn đồng chỉ có trong truyền thuyết. Ông Thực tin có một cách duy nhất để con người bất tử là danh tiếng người đó để lại cho đời sau. (Đối diện với chính mình ông cũng thừa nhận mình viết bức thư gửi thế kỷ sau ấy là có chút mơ tưởng về danh tiếng để lại cho hậu thế). Ông bà mình dạy điều gì cũng chí lý, học đâu cho xa: “Cọp chết để da, người ta chết để tiếng”. Cái tiếng tăm truyền từ đời này sang đời khác ấy chẳng phải bất tử là gì!? Hơn một lần ông đã thuyết giảng cho con cháu mình điều đó. “Ờ đời, tham vọng ai cũng có, nhưng phải hiểu đúng tham vọng của mình”. Chẳng biết có phải đám cháu ông đã uống từng lời vàng ngọc của ông không nhưng hầu hết đều ra sức lấy bằng đại học chuyên tu, tại chức, đa phần đều bằng cấp căng phồng cặp da, có đứa còn đổ ra đầy mặt bàn rồi day day bàn tay trải ra như cách nhà nông phơi nông sản. Lúc còn đương chức, ông luôn cười rạo rờ mỗi lần về dự giỗ chạp và nghe kết quả con cháu báo cáo, ông không cần biết chúng lấy mớ chứng chỉ ấy bằng cách thức nào nhưng như vậy là ông đã có một lực lượng hùng hậu đủ mạnh để nổi dài cánh tay hoài bão của mình. Ông cũng dựa vào cái sự hanh thông lẽ ấy của từng đứa để cất nhắc gửi gắm vào những cơ quan gọi là “sống được”. Chẳng phải ông chủ trương cho con cháu trèo cao chui sâu, củng cố quyền lực cho mình gì gì, nhưng ông cho rằng lũ cháu ấy xứng đáng khi biết nghe lời ông. Tuy nhiên ông cũng thường nhắc chừng chúng: Các cháu là sướng nhất trên đời. Từ xưa đến nay, con người ta đều cơm cha áo mẹ, ăn học thành tài mới làm quan, còn các cháu làm quan rồi mới đi học, mà lại cơm áo nhà nước lo.

Chỉ con gái ông là tội nghiệp, đứa con gái duy nhất, ở nhà được cưng như cưng trứng hứng như hứng hoa, mà đành phải rút ruột rời ba rời má đi học ở tận trời Tây lạnh lẽo. “Ờ đời, muốn làm được chuyện lớn phải có đức hy sinh.” Nhớ ngày đầu đưa con ra sân bay, ông đã ân cần nói với con như vậy, nói cứng với con vậy thôi nhưng máy bay cất cánh là nước mắt ông cứ tuôn tràn. Tết này, nó về lại mang theo một thằng bé mới sinh. Dù gì thì cũng là cháu ngoại, sao ông không thương. Nhìn đôi mắt tròn xoe với cái miệng chu chu bằng hột bắp cái của nó, ông muốn bế ấm trên tay mà nựng nịu, nhưng buộc ông phải sượng lại đóng mặt lạnh. Có kiểu gì thì ông cũng phản đối cái kiểu sống thử của bọn trẻ bây giờ. Quốc gia có pháp luật, gia đình có kỷ cương, có nề nếp chớ không phải muốn gì tùy thích, lộn tung phèo hết gia phong như vậy. Rồi ông sẽ nói hết những điều này với nó khi thuận tiện, còn bây giờ, con nó mới về, lại Tết nhứt đến nơi, làm cha làm mẹ ai nở mở miệng lúc này.

Tết này, phần cũng vì buồn con gái sự nghiệp chưa thành lại sinh con đẻ cái không giá thú như vậy tự dựng cái đề tài bất tử lại nổi lên hành hạ ông. Cũng có thể vì đây là Tết đầu tiên ông làm dân, cái ngổ cụt của chốn quan trường đã hiện ra sừng sững trước mặt. Hôm qua, ông mơ thấy

mình trở lại thời tuổi nhỏ, quảy hai thùng nước gánh mướn trên vai, ông nhanh nhẹn sang hết vai này rồi vai kia như cái thò làm mướn đầy túi nhục. Chỉ lạ một điều là hai thùng nước cứ chảy rờn rờn dọc đường, ông càng chạy, nước càng chảy nhanh, ông càng lao như bay, nước dưới đáy thùng càng tuôn tủa ào ào, đến nơi thì không còn nước nữa. Ông gục mặt ngời khóc... Thật khó giải thích tại sao cái cảnh đổ nước vào thùng mãi mà chẳng còn lại gì trong chỗ lẽ ra phải chứa đựng ấy. Giác mơ quay về thời niên thiếu này cứ lấn át mọi suy nghĩ từ những ngày cuối năm nay.

Ông Thực mãi nghiêng bình trà, nước tràn đầy ly rồi tràn ra mặt bàn mà ông vẫn còn rót. Tết, đương nhiên bông hoa, cây cảnh chiếm ưu thế nhưng có gì đó đau đáu trong tâm hồn lại đòi ông hướng ra khỏi các xô xao, rục rờ đời thường. Tết, quay nhìn lại cũng là lẽ tự nhiên. Thời đại ông Thực sinh ra và lớn lên, nguyên cái gọi “niên thiếu- lưu đạ- truyền đơn” ấy là một thời đại chết bầm. Làng xóm là một trại gia binh khổng lồ. Đất nước là một chiến trường tang thương. Nơi điêu linh. Nơi kiệt quệ. Nơi suối máu, sông hồng. Nơi suối sọ, sông tóc. Nơi suối cẳng tay, sông cẳng chân... Cơ sớng dữ của vận mệnh đã lùi xa nhưng những phút giây Giao thừa của ông khó mà trở thành một loại ảnh đơn sắc phẳng lì, bởi tâm hồn thời đại luôn chông chông lớp lớp máu bùn và những chuyện ba dớ bi kịch. Có người ác ý châm chọc: Ông chỉ là người “Cách mạng 30 tháng tư” là muốn ám chỉ sự nửa mùa trong sự nghiệp cách mạng của ông, nhưng cũng có cái lẽ đời là người nào uống nước người đó biết nước ấm lạnh, nội cái thành tích tuyên truyền rầm rộ cho “khoán mướn”, rồi sau đó là giai đoạn cổ phần hoá các doanh nghiệp quốc doanh đầy cam go đã đủ đưa ông lên hàng “cách mạng tiên phong” của tỉnh nhà, dẫu cho đó chỉ là việc triển khai công văn ở trên gửi xuống. Đầu óc ông luôn rền rền vang động những lý lẽ nước ấm nước lạnh chỉ mình mình biết và tự thấy yên lòng phần nào với những gì mình làm được cho đời. Có chăng chỉ là giác mơ bắt tử làm ông bất an, nhưng chỉ mình ông im lặng ngẫm nghĩ nuôi dưỡng, chắc là im lặng cho đến ngày bước xuống tuyến đài. Cho đến giờ này, ông vẫn hy vọng về bức thư gửi thể kỷ sau của mình. Cứ nghĩ tới đó là ông muốn hát lên nghêu ngao hay là ngâm một bài thơ vui nào đó.

\*\*\*

Hoa nở rồi tàn. Xuân đến xuân đi xuân trở lại. Giao thừa chỉ là cái mốc tạm thời. Ngày xuân cũng chỉ là khoảnh khắc thời tiết. Giác mơ Tết, mơ xuân của ông phải được tắm rửa hàng kỳ trong những chiều ba mươi nhang khói ngút tràn, ngút tràn từ bàn thờ cha mẹ trong nhà cho đến bàn thờ chung của làng xóm- dấu vết còn lại của một thời chiến tranh. Bao nhiêu thăm cảnh đã từng đập vào mắt một đứa bé sống qua thời cuộc đông bão như ông. Tắm sạch giác mơ được không? Còn cái đầu gối ông cứ nhô nhô trên chiếc ghế mây, hai tay choàng quanh một vòng nửa tròn nửa méo. Nghĩ. Còn mái tóc ông dài ra rũ xuống rã rời lúc nào không hay. Ngẫm. Còn đôi mắt ông thao láo nhìn vào đêm đen, còn tâm tư ông luôn quay vào bên trong miệt mài lý giải “giác mơ không ngủ” của mình. Giác mơ ông cũng như hình hài ông, là một phần của ông, thậm chí bên trong ông nữa, sao không thể tắm sạch được? Có một tú thư về cái sự tắm tấp ấy vừa chảy tràn trong ông. Lúc còn đương chức, ít ai dám làm thơ vì sợ ý tứ không chặt chẽ dễ bị suy diễn mất ghé như chơi. Nhưng nay, ông chẳng còn gì để mất sao lại không làm thơ được, ông nghĩ vậy rồi vừa vuốt đầu con Ki vừa đắc ý ngâm nga:

*CON TR ẬU GI Ậ TẮM VÀO CHIỀU BA MƯƠI TẾT  
NHÚNG GIÁC MƠ VÀO NƯỚC MÁT SÌNH LẦY  
TÚM GIÁC MƠ LẶN ĐÁY CÁT CÙNG MÂY  
CHÀ CHO N ỒI BỌT XẢ BÔNG DANH LỢI.  
CỐI ÁCH RỒI...i...i...i  
RỬA SẠCH...i...i... i...i...i...i...  
CÁT GIÁC MƠ VÀO TẬN NƠI KHÔNG TIẾNG NÓI,  
ĐUÔI THÔI QUẦY NƯỚC  
MI ỆNG THÔI NHAI LƯỖI CỦA MÌNH...*

*CON TRÂU GIÀ  
TẮM TẮM TẮM.*

Đón xuân Con trâu bằng một tứ thơ tâm trạng, hình ảnh ví von rất phù hợp như vậy làm ông Thực thấy vui nhẹ buồn phiền trong lòng. Còn đi tắm giờ này thì ông thật không dám nghĩ tới. Chưa có năm nào Tết miền Nam lại lạnh như năm nay.

Lại chuyện tắm tấp, ông chợt nhớ miên man: Một lần đi nghỉ mát, tắm ngoài khơi với một người sang trọng mới quen.

Ông bơi ra thật xa rồi nằm ngửa, bất động, duy trì hơi thở theo nhịp lên xuống của con sóng (kiểu tắm này ông đã tập được trong thời lặn hụp cùng với bầy trâu trong thời tóc hớt ba phân đi chăn trâu mướn). Bỗng người ấy hét lên: “Âm nhạc. Âm nhạc nói được nhiều hơn hết. Hồi học nước ngoài mình đã nghĩ, giờ biết thật thế”. Ông Thực hơi trở người gật đầu. Ông đồng tình với người kia vì từ lâu việc tắm biển xa bờ đã đem lại cho ông hứng thú đặc biệt, ngoài làn nước sạch, sóng duềnh êm, ông còn được nghe một loại âm nhạc rất lạ, những âm thanh nửa khơi nửa lộng, nửa trên không nửa dưới nước, ông chẳng biết lấy một chút nhạc lý nhưng những âm thanh ấy đã nói lên cả những điều ngôn ngữ trong lòng ông bất lực, chắc đó là những âm thanh vi tế mà ông thường nghe nhắc đến trong sách. Sau này, ông mới biết anh bạn tắm biển xa bờ ấy là một ca sĩ opera lừng danh, được đào tạo bài bản từ nhạc viện Trai-cốp-xki, người ấy cũng bị nhập loại âm nhạc này. Cứ sáng sớm là hai người hẹn nhau bơi ra “khu vườn âm nhạc” ngoài khơi ấy. Họ lại nằm ngửa, lắng nghe, lắng nghe cho đến khi lông trong tai mọc dài (ông cảm giác vậy), da ở các đầu ngón tay quăn queo, đến khi cơ thể có nguy cơ bị “vộp bộp”, tâm hồn bị “ao lờ” nhận nhủi xuống lòng sâu biển mặn. Vậy mà hôm nào họ bơi vào bờ cũng trong trạng thái lưu luyến, tiếc nuối.

Những ngày ấy ông Thực rất hạnh phúc, ông thật sự thấy cái tầm văn hoá của mình là xứng với địa vị hiện tại, nhưng khuya cứ chìm vào giấc ngủ là lại thấy mình dắt con Ki và một chú cá chép khó nhọc lê lét trên đường. Những âm thanh vi diệu vi tế vi vu gì gì của nhận thức, của cảm nhận, của trí tuệ, trí huệ ấy nhanh chóng bị cắt đứt khỏi dòng chảy am ám miên man trong đầu. (Có lẽ chú cá chép này không vượt vũ môn được nên lê lét trên đường sỏi đỏ trầy da tróc vảy nứt môi nứt miệng, nứt nẻ cả linh hồn). Chẳng biết bằng cách tập luyện theo phương pháp hữu hiệu, tuyệt kỹ, tuyệt diệu nào mà chú cá chép đã phi phò thò được trên bờ, trên không, trên chỗ không phải nước. Khi ngang qua cầu, một chiếc cầu nhỏ bắt qua dòng suối sọ hay dòng sông máu gì đó, chú cá chép đột ngột mất tích. Quá đổi kinh hoàng ông vò tai vò tóc treo mình thò đầu tìm kiếm. Một bọt khí đột ngột nổi lên. Tội nghiệp! Chú cá chép giấc mơ của ông Thực đã chết đuối ngay chính nơi quê hương ruột rà, nơi chôn nhau cắt rốn, nơi tổ tiên sinh sống tạo dựng vô thức cộng đồng, nơi văn hiến giống nòi đời đời bền vững. Chết đuối trong vũng nước nghĩa mẹ công cha ấy quả là tội nghiệp. Khốn nạn. Trong giấc mơ của ông luôn có những giấc mơ khốn nạn.

Ông Thực kể cho người bạn là ca sĩ opera vừa mới quen nghe, người ấy trầm ngâm một hồi rồi nói: “Đã từng đọc một câu chuyện như thế khi học ở nước ngoài”. Ông Thực gật đầu mặc dù hơi buồn cười vì ông này nói gì cũng có hai tiếng “nước ngoài” kèm vào. Có thể có vô vàn giấc mơ bị trầy da tróc vảy như thế trong kho chuyện thể thái nhân tình. Cứ đọc, cứ ngẫm nghiệm, sống qua. Ông Thực vuốt đầu con Ki và nói chuyện với nó: “Kí ức nhân loại sống động đến mức ai cũng có thể thấy, nhận ra một phần mình trong đó, phải không Ki?!”. Ông muốn dừng lại dạy cho nó cách nghe loại âm nhạc đặc biệt là sự tương tác của thiên nhiên với con người nhưng dòng suy tư của ông đã tuôn tràn, mạnh mẽ đến mức trong ông không còn dòng suy tư nào khác. Ông đang chìm đắm trong ý nghĩa những giấc mơ. Vì có sự thật nên có giấc mơ. Vì có giấc mơ nên sự thật thành vết thương không ngủ, cả trong giấc mơ cũng không ngủ được, cả trong giấc mơ cũng không liền da lành lặn được, cả trong giấc mơ cũng có những giấc mơ, ông luôn ướt mồ hôi lạnh mỗi khi chạm mặt với giấc mơ bất tử.

\*\*\*

Sáng mừng một Tết, áo quần tươm tất, thấp nhang giáp hết bàn thờ trong ngoài xong, ông Thực kể cho con gái nghe giấc mơ bắt tử của mình. Ông hy vọng đó là bài thuyết pháp đầu năm cho con cái cả năm phần đầu “dắt cá chép tiếp tục lặn lội” trên con đường sỏi gai phía trước. (Hoàn cảnh tay xách nách mang của nó bây giờ sỏi gai càng nhiều hơn). Ông kết thúc như đóng đinh vào cột: Cá chép có thể tróc da trầy vảy nhưng nó vẫn là cá chép. Vị ngôn sứ là ông vừa dứt lời vàng, lời ngọc, ít ra là ông nghĩ thế, con gái ông đã nước mắt sơi vãi sơi dài. Nó bị “sốc” vì những lời lẽ nặng nề cao đạo của ông hay trong nó đang nặng nề một bi kịch khác? Mà có thể thiệt trăm phần trăm, nó có thể chết đuối trong môi trường thanh sạch của gia đình, của góc gác chôn nhau cắt rốn, của suối nguồn, sông nguồn lắm chứ. Con người ta khi đã quen với những trò ba dớ bi kịch quay trở về bình thường đâu có dễ.

Đang sinh viên du học ngon lành, đang thời gian bài vở sao con bé bỗng dưng bỏ về nước ăn Tết. Ông nhìn sâu vào mắt con gái rồi hỏi: “Ừa, Năm nay con được về ăn Tết?” “Sao ba má chưa gửi tiền cho con?” Con bé ráo hoảnh đôi mắt, hỏi lại trống trống. Bà Thực như đã nín thở đè nén mấy ngày nay chợt nhào tới ôm nó bù lu bù loa “Ba mày về hưu rồi”. “Sao không nói để biết đường mà sống. Thằng bé cứng cáp, con định gửi cho ba má chăm sóc. Con sang lại bên đó”. “Không có tiền, mày định làm gì bên đó?” “Gái sang”, nó nói gọn tron không chút mắc cỡ, không chút sợ sệt. “Mặt dày mày dạn, mày đừng để tao coi không có đũa con gái như mày. Chỉ còn nước chui xuống chỗ nào đất nứt mà dẫu cái mặt nhục nhã. Trời ơi là trời!”. Bà Thực giá giá bàn tay trước mặt con gái, môi run giật từng hồi, mặt bà tím tái. “Không làm dĩ sao tồn tại được, có điều làm gái sang là khó chứ không dễ như ba má tưởng. Xét cho cùng thì...”. “Trời đất, hết chỗ nói!” Bà Thực ròi con bé nhào qua ôm lấy ông Thực đang ngã quy: “Cha mẹ sinh con, trời sinh tính mà, tôi còn biết làm gì nữa hả trời?” “Ba hy sinh tất cả, giờ con phải làm dĩ để tồn tại sao con?” Ông Thực thều thào mếu máo. “Ba hy sinh gì?” Đưa con gái mà vợ chồng ông chăm chăm chút chút, nâng niu chịu đựng giờ lại hất tóc ngược mặt nhìn thẳng vào mắt ông mà buông một câu phũ phàng bất ngờ như vậy, thì hỏi ông còn gì để nói. Ông Thực ở ra, cứng lười.

Ông ngã sớt mê man đúng ba ngày Tết, trong cơn mê man đó ông cứ thấy mình nặng nhọc kéo lê từng gàu nước dưới giếng sâu lên đổ mãi, đổ mãi vào thùng mà cái thùng chết tiệt ấy vẫn cứ trống rỗng, chẳng một giọt nào đọng lại. Ông chẳng biết vì sao lại như vậy. Hoạ vô đơn chí... Hoạ vô đơn chí... Hoạ vô đơn chí...

Cơn mê man sớt của ông bị đánh thức bởi một tiếng rú thất thanh. Ông nhồm người chạy vào cửa buồng con gái, nơi tiếng rú vừa phát ra. Con gái ông đang nằm bất động dưới nền nhà. Bà Thực đứng như trời trồng, thấy ông vội nhào tới ôm quàng quàng, bà lắp bắp: Nó đi vệ sinh... thằng bé nằm một mình trên giường... Ông dần người tới, nhìn về phía giường. Toàn thân ông chợt cứng lạnh, hai mắt như muốn phọt ra ngoài. Con Ki đang đứng trên giường, miệng và “chiếc yếm sư tử” trước ngực nó bết dính đầy chất nhầy màu đỏ...

Chợt ông nghe tiếng khóc oe oe bên tai và choàng thức giấc. Ông muốn bật mạnh dậy chạy vào buồng con gái để xác nhận lại cơn ác mộng vừa rồi trăm phần trăm chỉ là cơn ác mộng hay là..., nhưng rồi tuổi già buộc ông phải từ từ trở mình bên trái rồi trở mình qua phải, có đến ba bận như vậy ông mới ngồi dậy được. Tự nhiên hai ngón tay ông lại véo mạnh vào má mình một cái. Đau. Đau thật. Rõ lắm cảm. Ông rất sợ hai tiếng “lủ lủ” đi kèm với tuổi già, nhưng rõ ràng vừa rồi ông đã không phân biệt được cái cảnh thằng bé bị... là mơ hay chính việc trở mình choàng dậy của ông là mơ. Ông bước xuống giường rón rén đi qua sát buồng con gái, ông nín thở xem thử có nghe tiếng trở mình của má con nó không. Đợi mãi khi tiếng ru khe khẽ của con gái ông mồn một sau bức vách yên tĩnh ấy ông mới yên tâm thả người xuống chiếc ghế mây. Tay ông nhắc bình trà lên nhưng đầu ông vang vang lời thảm trách cái thứ nhân cách kếp đề nén chết bầm suốt thời gian dài ông làm quan đã ăn sâu vào máu mắt rồi. Đập vào mắt ông lúc này là một chậu mai điệp nghẹn, chưa một nụ bung vàng, ngay cả điều ấy cũng không tạo cho

ông mảy may cảm xúc nào. Ông chột hất ra thườn thượt một hơi thở dài trong đêm khuya lạnh lẽo.

Núi Tà Cú, khai bút Tết Kỷ Sửu- 2009

## Cái quẹt tim gòn

Từ căn nhà nhỏ ngang qua căn nhà lớn là tới cây gòn, vậy mà ông Đổ tưởng chừng đoạn đường dài ngoằn ngoèo như sông. Ông dò dẫm từng bước, mấy tháng nay, ngủ dậy ông còn không dám động mạnh tay chân, cơ thể ông như một cỗ máy rệu rã, mỗi cử động là mỗi khó khăn, huống là đi. Ai đó nói với ông rằng: “Một già một trẻ bằng nhau, cả hai đều cùng một cố gắng sao cho đá khỏi ướt quần”. Nghe thì dễ òm mà với ông, thật đúng như vậy, đứng tựa vào gốc gòn, vén ống quần bằng cả hai bàn tay mà không hiểu sao quần vẫn ướt vài giọt. Thôi thì cũng xong, ông khom người, ghé đít ngồi bệt xuống cục gạch mà thợ xây vứt lẫn lốc trong sân.

Khí lạnh làm ông Đổ muốn hắt xì nhưng sợ đánh thức hàng xóm, ông đưa tay bịt mũi thật chặt, ông cố chặn, làn hơi rất mạnh chạy ngược vào trong làm hai tai ông Đổ ù đặc. Ông cảm thấy bơ vơ như dáng dấp chính mình giữa đêm vắng, thật chua chát, đắng cay cho mình quá. Tuy tự thấy, tự vẽ lên một hình ảnh già nua ngậm ngùi trong lòng nhưng ông vẫn tự hào là đầu óc mình còn minh mẫn lắm, ông thường ví mình như cây gòn này, mùa nó rụng lá là mùa nó để lộ tuổi già của mình, ông không trách cơn gió lùa từng đám lá rơi xào xạc trên sân, ông cũng không trách mình, càng không nên trách cứ ông Tạo, bởi nhắm đi nhắm lại ông cũng sống quá lâu rồi còn gì, từ thời trai tráng đến nay, số rượu ông đã uống chắc cũng được vài chục phuy, số thuốc ông đã hút chắc phải chát vài căn nhà lớn, số cơm ông đã ăn chắc phải vun được ngọn đồi... Lắm lắm! Ông thầm trách mình rồi cắt đứt dòng suy tưởng miên man. “Dù sao cũng là phúc phần quá rồi”. Ông tự an ủi để dứt hẳn dòng suy tưởng rồi lại đứng lên lê chân loanh quanh xem có trái gòn rụng nào không. Nhưng rồi cái đầu người già đã nghĩ gì là nghĩ miên man, ông lại nhớ đến cuộc nói chuyện “đổi mặt” với con rể Việt kiều của mình trước ngày cưới...

Nhà ông có cái thói quen truyền đời là dọn cơm chiều trên mảnh chiếu trước sân, dù tiếp khách cũng vậy. Hôm ấy, ông nhớ như in “lão ấy” ngồi đối diện với ông, ánh tà vàng sáng từ trần xuống tóc, xuống triền vai, tư thế ngồi của “lão ấy” tạo thành một đường cong vàng sậm. Đã lâu rồi, sống một mình với con gái, ông cũng lúng túng trong việc tiếp khách, thời còn đi loa, còn làm cán bộ văn hoá thôn, hành vi ứng xử chính của ông là phát biểu trong các cuộc họp Ban thôn, nên ông mở đầu hơi có vẻ kể cả:

- Sao anh lại về?
- Xứ ấy lạnh lắm người mình hễ lớn tuổi là không... chịu nổi.

Thấy bộ dạng xúng xính trong bộ vét- tông, cứ tưởng “lão ấy” làm bộ làm tịch như mình trẻ lắm, té ra cũng biết mình lớn tuổi. Ông Đổ thầm nhận xét rồi bồi thêm:

- Bên đó, người ta hay sắm vai trẻ lắm hả?
- Chưa hẳn đâu ạ!
- Vậy hoá ra tại bên ta thích sắm vai già chớ gì?
- Vì bên ta trọng người già.
- Cái ấy thì đúng quá. Thêm vài cút rượu, ông già cha vợ và ông già con rể đã không còn là già Tây già Ta nữa, câu chuyện chuyển sang thân mật từ lúc nào. Dù vậy ông Đổ luôn giữ được vai chủ nhà, ông thường “nổ” những phát văn hoa bay bướm kiểu cán bộ văn hoá thôn:
- Ngựa hồng mời vó hả?



- Chưa hẳn đâu ạ! Cũng có hoang mang, hụt hẫng, khổ sở vì tự thấy tiếng nói của mình không còn nặng ký với con cái, với mọi người, nhưng rồi mọi chuyện cũng qua đi.

-Thăng bằng rồi, lá rụng về cội chớ gì.

-...

“Kể ra “lão ấy” cũng thành thật. Hôm đó, sao mình tấn công dữ vậy cà?”... Ông Đồ thầm trách mình “hơi quá”, dù gì “lão ấy” cũng lấy con gái mình, thương con thì phải thương rể... “Thần cây đa, ma cây gòn”. Đang lui cui mò mẫm dưới gốc gòn, ông Đồ rùng mình chợt nhớ lại câu nói của ai đó, da gà nổi rân khắp người. Cơ thể ông lạnh lạnh lằng lằng, nhẹ bồng, cảm giác y như cái hồi thiếu thời chơi trò chơi khiêng ma, ông nằm thẳng đơ bồng bênh trên mấy ngón tay trở của bọn bạn thân của ông.

...Khuya rồi, làng xóm đã yên ắng, cứ này ông Đồ thường thèm thuốc, ông quán một điếu chỉ nhỏ thua ngón tay út một tẹo, cái miệng móm xòm rụng hết hàm răng trên của ông bập bập thành tiếng, điếu thuốc chạy lòng vòng quanh miệng như muốn nhảy nhót hát ca, nhưng thật xui xẻo, cái hộp quẹt chẳng còn chút tim nào, ít nhũn đen cuối cùng rệu ra trong hai ngón tay về về của ông, vậy là ông phải lần dò từng bước ra đây. Một xẹt loa loá từ trên trời lao xuống, tim ông Đồ như ngừng đập vì sợ, ông liên tưởng đến những gì ghê gớm thường ẩn náu nơi cây gòn, nó không sáng hẳn như sao xẹt, nó hơi mờ đục, ảo trắng như một hồn ma vừa bay vừa ngủ. Cho tới khi trái gòn đánh đập xuống đất ông Đồ mới hoàn hồn, ông háp tấp chộp lấy trái gòn vừa rụng, líu quíu chân, đá cả mấy cục gạch mà đi, ông vào nhà khép cửa thật nhanh. Ông se hai ngón tay, một sợi bông từ chỗ nứt toác của trái gòn bám dài ra thành một sợi tim trắng, xỏ một đầu vào cái lỗ nhôm toe loe, còn lại ông thồn hết vào hộp nhôm bên dưới. Ông lại lọ mọ đi lấy chai dầu lửa để dưới góc tủ, mở cái nút lá chuối, rút bọc nhôm châm dầu. Quẹt rồi lại tắt, lại quẹt, ngón tay cái của ông đã chai vàng vì quẹt, mà phải quẹt “xoẹt xoẹt” vài lần theo đúng thói quen, cũng như điếu thuốc rê phải chạy qua chạy lại hai bên mép miệng giáp vòng ba lần ông mới chịu châm lửa.

Nói đến thói quen ông chợt nhớ... (Tuổi của ông lẽ ra mọi chuyện bỏ ngoài tai nhưng ông lại cái tật thấy gì cũng gọi, cũng liên tưởng, cũng nhớ lại), vì cái thói quen “xoẹt xoẹt” mấy lần khốn nạn ấy mà có lần ông làm cho nhiều người đứng tim, vợ ôm chồng nói lời vĩnh biệt, cha ôm con trần trối đủ điều. Buổi ấy, khoảng sáu giờ chiều, trời chập choạng, đang là bữa cơm gia đình ở miền quê. Quê hương vừa giải phóng chưa được tuần. Lúc ông còn tay cầm cái loa gò tôn loe đầu đi loa loa thông báo hàng ngày cho Ban thôn- lâm- thời, ai cũng gọi ông là cán bộ văn hoá thôn, nghe thật oai, thật sừng rợn trong bụng, cái tướng ông đi cũng có khác mọi khi. Ông đang đọc tờ giấy cầm tay cán bộ cấp trên vừa đưa: “Loa loa... Ngày mai, lúc bảy giờ sáng, các thành phần ngụy quân ngụy quyền phải tập trung về trụ sở thôn! Khi đi không được mặc... áo...” Cơn gió giật mạnh, ngọn lửa vốn yếu ớt chập chờn lại bị bật đi, tim quẹt cháy cùn nóng rất cả tay nhưng ông vẫn ráng đánh vắn thêm từ “quần” rồi mới im. Cả làng dừng thở lắng nghe. Ai đó rụng rời buông đũa xuống mâm cơm, nói: “Tập trung không cho mặc áo quần thì đúng là đem đi giết chớ còn gì. Sao nghe nói... khoan hồng?”. Cửa sổ các nhà đồng loạt khép lại. Tiếng khóc lan từ nhà này sang nhà khác, râm râm cả cái thôn vốn cách đây mấy ngày là đất Chi khu, nhà nào không có người đi lính cho chế độ Cộng hoà cũng có người làm ở sở Mỹ.

Ông Đồ mò mẫm vè vè cho đoạn tim gòn nhô lên, ngậm miệng vào đáy quẹt thổi phù phù cho dầu bốc thấm tim, rồi mới “xoẹt... xoẹt... xoẹt” đúng ba cái, hắng giọng “ừm ừm” ba tiếng nữa ông đọc tiếp từ cuối cùng của câu thông báo: “...ngụy”. Cả thôn, sau mấy phút chết lặng, giờ lại ò lên, cửa sổ các nhà lại mở ra: “Không được mặc quần áo... ngụy, trời ạ!” “Bữa sau, thôn này phải đấu tiên lại mua cho cán bộ Đồ cây đèn bão; kéo có ngày đứt tim mà lăn ra chết hết thôi.” Mấy đứa con nít nhại lại làm cha mẹ chúng sợ hết hồn nhưng bùm miệng không kịp: “không được mặc áo quần... xoẹt... xoẹt... xoẹt... ngụy... hahaha”. Chuyện đó mọi người trách ông

nhưng cũng coi như chuyện cười... ra nước mắt một thời, bởi lẽ lúc đó họ còn sợ ông cán bộ văn hoá thôn, chớ như giờ thì ông toi mạng với họ.

Thời chiến tranh ác liệt, ông chỉ là “cơ sở cách mạng”, thỉnh thoảng ông mới phải nhận nhiệm vụ giao liên, và trong một lần dẫn đường cho một cán bộ trên tinh đội về, ông đã nhận được món quà tặng ý nghĩa là cái quẹt tim gòn, nó trở thành vật bất ly thân, tận giờ ông vẫn còn giữ, còn xài. (Con rể ông có tặng cái zip- pô vô sáng trưng nhưng nào ông thêm ngó tới). Mà chuyện ông đến với cách mạng cũng là cái duyên của con người ta. Đêm đó, tiếng kèn đồng thổi vang từ phía động cát, ngay lập tức tiếng súng rộ lên. Cả nhà ông nhanh chóng nhảy xuống căn hầm chôn bao cát xung quanh. Ông áp tai vào bao cát nghe tiếng chân chạy huỳnh huỵch sát bên hè. Thời đó, ở vùng “xôi đậu” này hai bên đánh nhau hà rầm nên dân chúng cũng quen. Mọi chuyện chắc sẽ trôi xuôi theo ngày tháng nếu đứa con gái của ông không quên lấy quần áo phơi cả ngày ngoài sợi dây phơi.

Vừa rạng sáng, con bé Giêng đã hét lên thất thần, ông lao người tới, mắt ông còn tròn hơn cả đôi mắt tròn tròn lác hồn của nó. Một vết máu lớn quẹt ngang bộ đồ bông mới toanh của con bé. “Hình như mấy “ổng” bị thương công nhau ngang đây nên mới để lại dấu vết như vậy. Ông Đổ thăm nghĩ rồi hấp tấp lôi con bé vào nhà, đưa tay che ngang miệng. Bộ đồ giặt đi giặt lại ba lần, con bé vẫn chưa dám mặc. Đêm sau, có bước chân nhè nhẹ, rồi có tiếng gõ cửa sau, tim ông đập nhanh nhưng vẫn đứng dậy vặn ngọn đèn to hơn, ra mở cửa. Một người mặc bộ bà ba đen bước vào, khum tay nói nhỏ mấy lời vào tai ông, ông hốt hải bươn ra bụi chuối gần chỗ dây phơi áo quần, quả nhiên, ông thấy một khẩu súng lục. Ông Đổ cầm khẩu súng lạnh ngắt trên tay mà hồn bay phách lạc. Từ khi người lạ nhận khẩu súng ra đi, cuộc đời ông bắt đầu chuyển sang một hướng khác. Ông trở thành “cơ sở” và thỉnh thoảng được tin tưởng mời làm giao liên; giải phóng về lại được giao trọng trách làm văn hoá thôn. Giờ nghĩ lại, ông cứ thấy cuộc đời mình như một giấc mơ, thật đủ mùi trần ai... Gần lửa cũng có khi rất mát, nhưng trong thâm tâm ông cũng còn biết nhận ra đâu là chuyện lẻ tẻ, đâu là vấn đề lớn, có lần, trong cuộc “tề gian diệt ác”, ông nhận nhiệm vụ tháp tùng một nhóm du kích dẫn bọn Xã trưởng, Hội đồng lên “Xanh”, thật ra, họ chỉ đi lên động cát rồi dừng lại. Ông có nhiệm vụ đứng canh từ xa, khi có lệnh rút về làng, ông ngạc nhiên không thấy hai người kia đâu nữa. Tò mò và chạo rạo trong lòng, trước khi quay về, ông sinh nghi nên lén bật quẹt quẹt qua quét lại xem thử thì thấy cái nà đất mới dưới chân động đây. Mặt ông cắt không còn chút máu, chân ông sải như bay trong đêm. Một du kích nói nhỏ vào tai ông: “Sống để bụng, chết mang theo! Thời chiến mà!” Ông sợ đến mức mãi sau, cứ ngồi một mình, cứ bật quẹt lên đốt thuốc là ông nhìn kỹ xuống mặt đất, mồ hôi lạnh rịn ướt hai bên thái dương, người ngẩn ngơ như bị ma ám. Nghe nói mấy ngày sau người tiểu đội trưởng làm việc ấy đã bị phục kích, lết về tới mặt khu thì trút hơi thở cuối cùng.

\*\*\*

Kể từ khi ông bị chết lâm sàng, người ta chuyển ông vào bệnh viện Chợ Rẫy, họ đục sọ, họ làm sao ấy mà cuối cùng ông được cứu sống. Ông đưa ánh mắt đầu tiên nhìn tấm màn trắng dợn sóng bên cửa sổ, trong lòng ông lâng lâng một nỗi niềm khó tả, sao mà tấm vải ấy đẹp quá chừng. Sáng hôm xuất viện về nhà, nhìn thấy mặt trời đỏ đỏ nhú lên phía bên kia sông, ông chợt bật khóc như trẻ nhỏ, những giọt nước mắt ít oi nhưng nóng bỏng lan dần xuống má ông. Chiếc lá bàng vàng nâu sẫm xia rách mép cũng làm mê mẩn tâm hồn ông, ông ngắm say sưa như ngắm một người đẹp trong mộng tưởng vừa xuất hiện. Mấy đợt gió rít giật phen nhà phía tây như có gã nào đang nấc cụt vậy mà ông nghe như tiếng âm nhạc kì diệu từ đâu vọng lại, ông dòng tai, mắt lim dim thường thức. Cũng từ ngày thoát chết, ông không còn cầm điều thuốc giữa tay, không còn nhả sợi khói mỏng đậm xuống nữa mà khói cứ thông thả qua mũi, qua miệng chênh chếch lên cao. Cái hộp quẹt tim gòn, vật bất ly thân của ông cũng không còn bị đập lốc cốc liên hồi xuống bàn đến móp méo cả vỏ nhôm nữa. Ông thấy mình chợt thương mến tất cả, quý trọng tất cả, thuốc thơm con gái mua cho ông cả cây cất kỹ trong tủ vậy mà ông vẫn

chung thủy với điều thuốc rê bập bập ướt nhèm nửa điều. Những tàn thuốc rê ông phun dính đầu trên vách đất, xếp hàng hàng chồng chéo năm này qua tháng nọ, cũng được gỡ xuống chất chiu những mụn thuốc còn lại cho vào bịch nylon, mẩu nào đã mốc xanh, ông cứ tiếc hùi hụi. Ông yêu thương chất chiu từng đồ vật vô tri quanh mình, những người xung quanh ác ý và tinh ý thường nháy nhau: “Người sắp nghe mùi đất đều vậy hết”.

Ông lại “xoẹt xoẹt xoẹt”, bập bập, đầu thuốc đỏ hừng lên, trong khi đang mơ màng, ông chợt nhìn quanh căn nhà vách ván của mình mà mũi lòng, cả căn nhà mái như mấy cái bánh ú chồng nhau đỏ choét, to như biệt thự bên cạnh cửa con rể ông xây cho cũng không người ở, vắng tanh vắng lạnh. Cả năm nay, nhà ông chồng chất bao nhiêu chuyện lộn xộn. Đưa con gái duy nhất đã bỏ ông ra đi và để lại cho ông một câu chuyện buồn thảm thiết. Con bé hát như khóc vậy, mà lại thường hát mới một chớ, mỗi lần nó hát là tim ông như nhũn ra rã rời, mà cũng lạ, hễ lúc nào ông ngồi một mình tiếng hát của nó lại vắng bên tai: “Thà như giọt mưa vỡ trên tượng đá. Thà như mưa rơi... Có còn hơn không! Có còn hơn không!...”. Má nó sinh lúc sáng sớm tháng giêng nên mới đặt tên là Giêng, vậy mà cuộc đời nó chẳng có gì là mùa xuân cả. Gọi là bé nhưng thật ra nó đã quá bốn mươi, cứ ở nhà với ba, cứ hát như khóc suốt ngày. Có thằng trai quê thương nó lắm vậy mà “dùng một cái” nó đi lấy chồng. Chuyện nó nghe như truyện thêu dệt, không có thực. Mọi sự cũng do cái “lão ấy” thấy ông dùng cái hộp quẹt tim gòn cũ kỹ, liền móc cái zip- pô sáng trưng tặng ông nên thành ra chuyện. Tội nghiệp cái thằng lẻo đẹo theo con Giêng mấy năm liền!

\*\*\*

... -Anh đi đi! Giêng gào lên, hất mặt ngang qua trái, tóc tai dán chặt trên khuôn mặt đầm đìa nước mắt.

-Tôi chỉ nói lại lời người ta đồn: Con cái lão bên Mỹ đông lắm, lão về xứ này vì không chịu lạnh nổi nữa. Cô chỉ là người giữ vàng không công cho lão, chẳng xơ múi nhiều nhận gì đâu mà ham hố, mà đành đoạn bỏ tôi.

- Anh đi đi!... Giêng gào lần nữa rồi úp mặt vào hai bàn tay.

- Thì thôi, cô không giữ vàng cho lão già khốn kiếp ấy thì cô là người giữ ... trái tim tôi, trái tim tôi mới là vàng thật đây này. Ủ, mà tôi đâu có tiền mua cho ba cô cái quẹt zip- pô, người ta là Việt kiều mà... Ông Đồ nghe tiếng đập mạnh vào ngực mình của thằng trai. Rồi ông nghe tiếng lạch bạch của chiếc xe Cha- li, tiếng rồ ga uất hận. Thằng trai ấy lên xuống mãi, phải đợi ba tháng nay, (từ ngày xảy ra cái đám cưới như là đám tang ấy), mới có cuộc gặp này. Giêng lên xe hoa đi rồi, bao nhiêu uất ức dồn chặt trong lòng, nay nó mới được dịp trút ra cho bằng hết. Lễ lại mặt của các đám cưới khác chỉ sau ba ngày, đằng này phải đến ba tháng, chính ông Đồ đã yêu cầu như vậy, “phải chờ dư luận lắng đi chớ”. Thời gian ba tháng chuẩn bị cho một lời trách móc tưởng chừng sẽ sâu cay, ghê gớm biết chừng nào, có lẽ thằng trai ấy muốn nói nhiều, muốn hành hạ cho Giêng phải gục xuống, muốn chì chiết cho Giêng phải chịu không nổi mà gục xuống mới hả lòng hả dạ. Vậy mà khi gặp Giêng nó chỉ nói được chừng ấy, chỉ là lời trách móc vu vơ và thú nhận tình yêu của mình...

Ông Đồ ngồi trong nhà nghe hết những lời trách móc của thằng trai đáng thương. Lời trách móc con gái mình nhưng ông lại trúng đòn. Kì thực ông có nhận cái hộp quẹt sáng trưng đó nhưng đã xài lần nào đâu, ông vẫn gắn bó với cái quẹt tim gòn của mình. Nghĩ lại đúng là ông đã sai lầm khi nhận quà biếu khốn nạn kia để tiếng đời truyền tụng, con gái ông không hiểu có phải mũi lòng vì có người quan tâm tới cha nó, hay chỉ đơn giản là nó nghe lời người bà con bên ngoại mai mối mà thuận tình với lão kia, mà cũng có thể ông tuổi già lắm cẩm mà nghĩ quẩn thế thôi, nhận một cái quẹt không xài thì đáng xá gì.

Ngay trong lễ lại mặt, Giêng về mượn tất cả thợ xây ở làng lại đào móng, đổ trụ xây cho ba mình một ngôi biệt thự khổng lồ gần hai chục trụ bê- tông bao giáp hết đất. Người làng xì xầm:

"Xây mộ chi mà lớn dữ vậy?!" Ông Đồ nghe được bắt nhẩn, điếng tê cõi lòng.

Ông Đồ rùng mình, ông thật sự không biết cái rùng mình ấy dự báo điều gì, nhưng chắc là bất an.

...Mới giao thừa năm rồi, Giêng rủ thằng trai ấy đi hái lộc, Giêng hái đúng một nhánh cây chín lá. Cả hai đưa cầm vào cho ông Đồ coi giúp, ông nói cứng: -Cứu cứu càn khôn dĩ định, năm nay sẽ là năm đem lại sự đủ đầy, hết nghèo rồi. Thằng trai cười tít mắt, đưa ra nhánh lộc của mình cũng chín lá, ông Đồ cặp hai nhánh lộc lại, tay gõ gõ cái quẹt nhôm xuống bàn: hai lần chín mười tám, một là càn, tám là khôn. Cuộc đời viên mãn, các con xem cưới nhau là tốt nhất... Không ngờ mọi sự lại trở trêu chuyển qua một hướng bày đặt khác. Cái đám cưới bất hạnh của Giêng chính ông Đồ nghĩ mà cũng cười chua chát: Ông Đồ cha của cô dâu là bậc cao niên nhất thôn Vi Hoà này đột ngột bị hạ bệ, vị trí cao trọng ấy bị nhường cho con rể của mình. Sau khi gã MC đầu trọc thời thượng giá năm trăm ngàn một buổi ấy tuyên bố khai mạc hết sức trang nghiêm, cô dâu dìu vôi vàng chú rể lên xe hoa, đám cưới ấy không có người đi chào bàn. Những người dự tiệc ồ lên, tổn thương, họ mang máng hiểu ra mình bị lôi kéo vào một việc bất bình thường và thức ăn ngon ngon trên bàn và bia bọt tràn trề miệng ly chỉ làm cho họ cảm thấy mình bé mọn rẻ tiền. Chiếc xe con màu đen vừa hồi hải rịn ga vù đi, mấy người đàn bà trong tộc bu lại khóc hu hu. Ai đó khe khẽ: "Đám cưới mà sao giống đám ...ấy... quá chừng". Cái tiếng "ấy" ác khẩu muốn hiểu sao cũng được kia như hòn đá ném vào bày kiến, tất cả nhao nhao lên, trật tự trang nghiêm của hôn trường do gã MC công sức tạo ra nãy giờ bị thay bằng cảnh hỗn loạn chưa từng có: Một người say rượu khệnh khạng bước lên giật mi-crô: Hát hay không bằng hay hát... Tôi xin hát tặng cô dâu chú rể bài hát: "Đời Thông Hai Mộ. Vỗ tay!" Mọi người lại phì cười, tiếng huýt sáo rít vang át cả khúc in- trô của bài hát. Người ta khui bia xịt ướt cả trần vải bên trên, vỏ chai kín đất không còn chỗ mà đi. Ông Đồ là người hiểu biết tâm hồn đám đông, ông thâm nghĩ giờ này thì không có một ấn tượng nào có thể lôi kéo đám đông ấy hơn thế nữa. Phần ông cũng quá mệt mỏi nên rút êm vào nhà, để mặc ra sao thì ra, "cuộc vui nào cũng tàn".

Ngay sau lễ tân gia ngôi biệt thự, người làng bàng hoàng hay tin: Giêng đã qua đời vì ung thư. Người đời xuýt xoa: "Con nhỏ khôn thiệt, nó biết mình bệnh không qua được nên đổi phần đời còn lại, đổi trái tim mình báo hiếu cho cha".

Ông Đồ lại rùng mình, ông thật sự biết cái rùng mình ấy dự báo điều gì. Ông ngồi bàn thần, bập bập điều thuốc, điều thuốc ướt nhèm chậm chạp chạy vòng quanh cái miệng móm xòm của ông, tay ông cầm cái quẹt tim gòn gõ cục cục cộc cộc xuống mặt bàn, mắt ông nhìn trơ dại, nhìn mà chẳng thấy gì cả, cứ thế cả người ông, hồn ông trĩu xuống, chìm dần trong buổi chạng vạng mịt mờ.

Ngày cuối, chỉ vài người trong tộc đến liệm, đưa ông về nơi chín suối, không ngờ chuyện bỏ theo cái quẹt nào cho ông có cái bật lửa ở thế giới bên kia lại gây ra cuộc tranh cãi dữ dội. Cái quẹt zip- pô sáng trưng của ông về Việt kiều hay cái quẹt tim gòn? Cái kia để lại còn dùng được, có lợi lộc, cái nọ mang đi thì ý nghĩa thiêng liêng, chung thủy. Cái kia theo ý người sống, cái này chịu lòng người chết... Ý nọ xọ ý kia, cuối cùng, người ta cũng đồng ý đặt cái quẹt tim gòn vào tay ông. Người liệm xác phun phù phù mấy ngụm rượu trắng, bóp bóp mấy ngón tay xương xẩu cứng đơ của ông mềm lại rồi cho vào chiếc găng tay trắng, buộc dây cẩn thận, lại đặt vào lòng tay ấy chiếc quẹt tim gòn. Đã đứng dậy rồi ông ta còn ngồi thụp xuống lại, lắc đầu, thì thào: "Cái quẹt cũ mòn quá rồi, cũng ra lửa nhưng..." Tiếng trống chiêng chợt vang động át đi mọi tiếng nói khác, mọi âm thanh khác xung quanh.

Dưới chân núi Tà Cú, tháng 7, 2007

## Những người đàn bà gánh tro

Con người có khả năng vượt thời gian không? Có lẽ có! Bằng chứng là mình đang ngồi trên chiếc xe về lại nơi của quá khứ, một thứ gì đó chọt kéo trào lên, nấc nghẹn nơi cổ, nơi tim, cả cơ thể cứ dờn dợn từng hồi làm như có những cơn sóng điện nổi nhau trườn trên da thịt; rồi mình lại trộn lẫn những mơ ước, lo lắng cho tương lai, tất cả như đang hiện hữu theo thứ tự một chương trình cuộc đời giản đơn mà kì bí. Quá khứ! Quê hương! Lễ mơ màng nghĩ về những điều thiêng liêng đó, anh phân vân chẳng biết chuyển về thăm này ra sao: có sự quay về, cái chạm tay làm những sợi dây đàn tâm hồn rung ngân giai điệu hạnh phúc nhưng cũng có cái chạm tay làm cây đàn ấy im tiếng vĩnh viễn... Lễ miên man trong dòng suy tư từ lúc xe chuyển bánh rời bến Miền Đông. Lễ là người bỏ quê nhà mà đi, trước kia anh đã từng mang một lời hứa: không bao giờ trở về quê hương khi chưa thành đạt; sống lâu rồi anh mới thấu hiểu: tiền bạc nhiều, danh phận cao mà trở ra như đá chưa chắc là thành đạt, pho dân bình dị mà thấu lễ đau đời cũng chưa chắc là thất bại.

Anh đọc trong sách của vua Trần Nhân Tông có nói: “Người quay đầu liền đến quê nhà”, anh lấy bút gạch dưới câu đó; đêm, ngủ mơ lại nghe tiếng nói từ trời vọng xuống: “Ngàn năm nữa mọi chuyện vẫn thế!”. Lễ chưa hiểu hết ý câu đó ám chỉ điều gì, có lẽ trong vô thức của anh có tiếng nói của quy luật chuyển biến, chứ không phải là phát triển, nhất là chuyện nhân tình thế thái... Nhưng sao sáng ngủ dậy lại thấy bản thân cả người làm như có ai dần xương dần cốt anh vậy? Qua hai ngày nghỉ việc, Lễ quyết định về quê. Những hàng cây chạy ngược về phía sau, những căn nhà lợp lá lấp ló trong lùm cây xanh giúp Lễ hình dung rõ mồn một nơi ấy, nơi thời gian không thay đổi, nơi chôn nhao cất rồn của anh, vùng đất tam giác trước núi thiêng liêng và đầy kỉ niệm, nơi ấy là con đường hai chiều: lối xanh xuôi hạnh phúc, nẻo nâu ngược thương đau. Núi Tà Cú, Mũi điện Kê Gà, Hòn Bà đã tạo một tam giác hữu hình: núi non, cát cháy, biển bờ và một tam giác vô hình: ngoại, má và em; hai tam giác đó là kỉ niệm, Lễ không thể giết chết được kỉ niệm, nhưng hai vành tam giác lồng thành một đó là nỗi dằn vặt, buồn tủi, thương đau thường nhật quật ngã Lễ, chiếm trọn Lễ, anh như bị hút bởi một thứ thần lực không cưỡng được. Con người ta có thể tách mình ra khỏi đất mẹ nhưng không thể tách đất mẹ ra khỏi mình được. Ngoại ơi, Má ơi và em nữa! Chẳng có ai còn sống mà đón thẳng Lễ bạc tình, vô đạo trở về! Chẳng ai còn trên cõi đời này để Lễ về đứng yên trên đầu cầu Khóm Một mà lặng lẽ nhìn hình ảnh thân thuộc: dáng cò ngoại, dáng cò mẹ, dáng cò em... tựa câu hát ru thấm đẫm cái chất một nắng hai sương, oằn lưng, tối mặt gánh tro bán cho làng “lagim” trồng rau cải? Những gánh tro trâu đen đũi, những gánh tro tinh duyên mang nặng từ đời này qua đời khác, như hậu quả bí ẩn của một việc làm vô tâm động đến quỷ thần. Làm sao để hạnh phúc muộn màng buông cánh đậu xuống vai những người đàn bà đã ra đi vĩnh viễn của Lễ? ... Nỗi buồn từ trong máu buồn ra, từ khởi nguyên lòng mẹ đắng cay, vùi dập, từ à ơi câu hát ru êm êm, não nề, nhoi nhói tim can suốt cả đời người.

Xe đã dừng lại ở ngã ba Ba Tuy. Rác rến theo những con trốt vừa xoáy vừa chạy cuốn lên cao như đang rướn mình đè đầu, cười cổ những con người lằm lũi, da khói hun, sạm cháy. Núi Tà Cú mờ rệt hơi sương như khuôn mặt người khổng lồ đang ngửa lên trời được nhìn qua làn nước mắt, Lễ ngược tìm nơi góc sườn phân thủy quen thuộc một dòng suối trườn trên đá, ngày xưa, xa trông chỉ thấy ánh bạc loang dài như nước mắt tràn ra gò má núi. Nay, nước mắt đã khô rồi sao, đã lặn vào trong rồi sao, hay niềm vui mới mẻ nào làm lạnh lặn vết thương hạnh phúc, hay một thoáng lạc đường, yếu đuối mà thờ ơ, chai lạnh tính người? Chiếc xe ôm đưa Lễ rẽ vào một ngõ nhỏ đắp đất sỏi đỏ badan. Trời chạng vạng, cái thời khắc chuyển tiếp, đêm cũng chưa hẳn đêm mà đèn đốt lên cũng leo loét, mờ mờ, dân quê gọi đây là lúc “mắt quáng

gà”. Tất cả màu sắc nhạt nhòa rồi nhanh chóng chuyển qua sắc độ tương phản rõ rệt: mặt sông lượn ngoằn ngoèo rẽ vô vàn nhánh nhóc là những con kênh dẫn thủy nhập điền, chúng ẩn hiện như những đoạn dây rời rạc cạnh sợi dây thừng lớn, tất cả dát chì đông cứng, bàng bạc. Vườn tược rậm rịt, quện quện, cảnh vật như một đoạn phim âm bản: nhìn đen ra trắng, nhìn trắng sao thấy đen quá, ấy vậy mà rất thật, thật như trong những giấc mơ của anh: trần ngập mà trống rỗng, sờ thấy đó mà ảo đó, mong tìm gặp đến cháy khát nhưng khi đến gần lại sợ, lại thôi, lại lo mình làm lộ ra cái sự thật ba chiều mà tội nghiệp trái tim.

Chiếc xe ôm hiệu Mink thô kệch lộn vào con đường đất sét trơn lầy, đôi lần chiếc xe đảo mạnh, anh chàng tài xế phải chạng chân làm càng chống, lết dưới sinh để vượt qua. Lễ ngồi phía sau, chợt nhớ những bước chân bé bỏng của mình từng bấm quạp các ngón chân tí tẹo xuống nền đường đất sét lồi lõm này, lấm đẫm, run rẩy đi qua cả đoạn đường trơn trượt, cả chiếc cầu ván bốn nhịp xẹo xọ nửa để được dự lớp khai tâm mà ông thầy là cậu Hai vừa mãn hạn tù Côn Đảo, má Lễ mới đi đón về. Má ơi, thật ra giờ đây, mái đầu đã hai màu tóc rồi, con cũng chưa xong lớp khai tâm của cuộc đời. Lễ bản thân nhớ đến má, một trong ba người đàn bà gánh tro mà dù không còn ở trần gian này nữa, nơi tìm anh, họ vẫn sống một đời sống không có thời gian.

Má Lễ quay lại nghề gánh tro trấu đi bán cho mấy nhà trồng lagim từ khi ông Bảy Nhung ở cạnh nhà mở máy xay lúa, chiếc máy to kèn càng có rất nhiều học gõ và những sợi dây cơ-roa tổ bố, quay tít. Ngày đó, đi theo má hốt trấu về un, Lễ thường lén nhìn cái chỗ nối của bệ dây ấy, một con vật đen sì sì chạy cà giạt, vòng vòng như bị ai rượt đuổi, Lễ thích chí cười một mình, đó là trò giải trí hấp dẫn nhất của một đứa bé nghèo khó tận cùng như Lễ, một đứa bé mà trong đầu không có khái niệm “đồ chơi”, một đứa bé không có tuổi thơ. Ba Lễ chết năm Giáp Thìn- 1964, má gánh anh em Lễ trên hai chiếc thúng vừa chạy vừa khum người tránh những làn đạn lửa đạn chéo đỏ bầu trời của đợt dồn dân cuối cùng về áp chiến lược Văn Mỹ. Má kể cho Lễ nghe: Hồi má đang mang bầu Lễ đến tháng thứ tám thì bị bà nội và bà cô cởi lên bụng mà đánh đến ngất sùi, đến lòi con ra rồi bỏ cả lên võng cho người khiêng trả về nhà ngoại. Cũng may ngoại là một thầy thuốc giỏi nên mới cứu nổi hai mẹ con Lễ. Đứa bé đẻ non là Lễ ra đời trong mưa dầm nước mắt của má vậy đó! Được mười ngày, má Lễ vừa đi đứng lại được, thậm chí ăn uống chưa bình thường, ngoại lại thúc con gái về nhà chồng vì sợ chữ bất tín. Má Lễ liền bị bắt đi gánh tro cho người ta kịp bón lót vụ rau cải bán Tết, Lễ ở nhà khát sữa khóc thét hết hơi, người đệt lét như thân con cò hương, è ọt, đỏ hồng, còng queo như dáng con chuột con tưỡng không sống nổi. Má Lễ thì bị sửa căng vú đau đớn, nhức nhối, đầu óc căng buốt; trong những lúc nghỉ chân phải vắt bồ bốt, ngồi nhìn trần trần cái khum bàn tay mình hứng dòng sữa thừa nóng bỏng ấy mà mắt dại đi như kẻ mất hồn. “ Nghe tiếng con khóc vắng vắng, bịt tai, nhắm mắt lại cũng nghe, nhắc gánh tro trên vai chạy như điên cũng nghe, gục xuống ngồi khóc càng nghe rõ hơn, nghe cho đến lúc trời đứng bóng, đến lúc mặt trời lặn, mờ mịt, về đến nhà nhìn thấy con ôm vú bú chùn chụt mới hết...” Sau này Lễ lớn đã nghe má kể như vậy. Hơn mười hai năm, từ ngày ba Lễ qua đời, mẹ con đùm túm chạy trốn khỏi nhà nội, một mình tàn tảo nuôi năm đứa con, cho ăn cho học đầy đủ, má Lễ mới đi bước nữa với một người đàn ông bước ra từ một gia đình đồ nát, vợ trước ông ta phải tự tử mà chết vì tính tham lam và lưu manh ngang ngược của chồng. Hồi đó, Lễ đang học lớp tám phải về ở với ngoại. Một ông anh, gọi má Lễ là cô ruột, sau giải phóng làm Bí thư xã, ông này rất thích những tấm tôn dài của Mĩ trên mái nhà Lễ nên buộc gia đình Lễ vào diện đi kinh tế mới, sau lại thỏa thuận với má Lễ: sẽ giúp ở lại nếu chịu dỡ nhà để mái tôn lại cho ông ta. Má bán đất, dỡ nhà, chấp nhận mọi điều kiện, nhưng sau vẫn bị trở mặt. Má Lễ buồn lắm bỏ làng đi cùng với người đàn ông mới. Gã này sống với má Lễ được hai năm, khi những đồng tiền bán nhà cuối cùng được vét sạch gã cũng cao chạy xa bay như một thằng lừa đảo hạng bét: hèn hạ và nhẫn tâm.

Lễ nghe kể lại: Ngày má Lễ chết, bà ngoại lặn ra than: \_ Lá vàng khóc lá xanh có lạ không hờ trời, bịnh ung thư của con tôi là do buồn quá, do đau khổ quá, do tủi nhục, đắng cay quá mà sinh bịnh... Ông trời có thấu không?! Tro với trấu cả đời con tôi, cả đời con tro với trấu không vậy con!?...Bà ngoại Lễ không phải người gánh tro bán cho làng lagim, nhưng cả đời gánh tro tình duyên, tro tàn đổ vỡ của gia đình người khác. Lúc Lễ ở với bà hay nghe bà nói: \_ Cái nòi tình nó vậy! Là ý ám chỉ cả má Lễ và cuộc đời bà cùng lụy tình, đau vì tình và cũng sẽ chết vì tình. Lễ nhớ nhất bà ngoại có cặp vú “bị” to dài như hai trái mướp trâu, hòi nhỏ có lần má gọi Lễ cho ngoại, Lễ ngồi kéo vú ra phía sau lưng ngoại mà múm vú da. Lễ nghe đâu những người có vú như vậy theo sách tướng là khổ một đời vì tình. Tính ra ngoại tới bốn đời chồng đầy thôi: Người thứ nhất là một lí trưởng điển trai nhưng đoản mệnh, mất năm ba mươi tuổi vì bị cộp vồ mang xác lên ăn trên dốc Chùa, dân làng xách thùng thiết đập, gõ vang trời mới lấy lại được nửa thân trên. Người thứ hai tục huyền với ngoại lúc đã bước sang tuổi năm mươi cũng nhanh chóng qua đời. Người thứ ba là ông ngoại ruột của Lễ, mọi người gọi là ông Hương, bây giờ gọi là thôn trưởng, ở nhà ngói năm gian, ruộng lúa cò bay thẳng cánh. Mới sáu mươi ba tuổi, sau một lần vác cuốc đi dạo hết các sở ruộng về, ông cho gọi con cháu lớn nhỏ lại, dặn dò cách ăn ở với tá điền, cách quản lí ruộng vườn, rồi thay bộ đồ bà ba trắng tinh nằm ngủ và đôi mắt an nhiên đó không mở ra lần nào nữa. Đời chồng thứ tư : ngoại phải làm bé trong một gia đình buồn nước mắt tìm, bà vợ lớn đau tim, suốt ngày cằn nhằn không ai chịu nổi. Con cái quá đông, tối ngủ xếp lớp như cá, sau hàng thứ mười rồi không biết bao nhiêu đứa út: Ut Nửa, Ut Cuối, Ut Rớt, Ut Rán, Ut Thôi... Người nào cũng choắt lại như cây tăm, tay chân lòng không loè khoè, tanh khoắm mùi nước mắm; ngày đầu, ngoại thấy bày con lem luốt ấy mà phát bệnh. Ngoại hay nói với Lễ: \_ Ngôi mộ của ông cố chôn ở thế đất dữ có trùng bạch hổ nước chảy xuyên bên trong nên đường tình duyên con cháu gái không an toàn, phải hai ba lần goá bụa trở lên mới ổn. Lễ hỏi: \_ Sao ngoại không dời đi chôn chỗ khác? Ngoại nói: \_ Đâu có đơn giản như vậy, phải giải chớ, hơn nữa chiến tranh tán loạn, bom Mĩ cày xéo, đâu còn biết chỗ nào mà hốt cốt. Ông ngoại đầu của cháu rất giỏi địa lí, âm trạch vì chết bất đắc không làm được điều đó. Hòi còn sống, ông nhìn mả nói: \_ Người coi đất, táng huyết mộ này không biết gì về thủy tán, sa phi, chôn không chú ý thanh long, bạch hổ để thủy hung vào hải cốt báo hại con cháu phải hứng chịu cái nạn “trùng hổ hoá phu đồ”. Những câu chuyện tâm tình của ngoại, Lễ nghe chưa hiểu gì cả, nhưng cuộc đời nhần tiền của ngoại, của má mỗi khi nghĩ đến là Lễ rùng mình lo sợ. Vậy đó mà ngoại vẫn là người được trọng vọng của cả hai làng : Làng cũ và Ap chiến lược. Một tay ngoại đỡ đỡ cho biết bao con người ở đây, rồi bệnh đau của dân làng, ngoại kết hợp các bài thuốc Đông y với lòng tin mà chữa chạy lành bệnh cho mọi người. Hòi Tổ Hữu Đức, (người trị hết bệnh cho bà Từ Dũ, mẹ vua Tự Đức và có công khai sơn Linh Sơn Trường Thọ Tự), còn ở Bưng Thị, một khu làng hẻo lánh, để trị bệnh cho dân nghèo, ông cố ngoại Lễ nghe tin đã vượt rừng sâu nguy hiểm tìm xin học nghề thuốc, sau, truyền cho con gái. Ngoại sống đến chín mươi tám tuổi vẫn minh mẫn, mỗi bữa ăn cả chén cơm đầy và một trái chuối sứ tráng miệng, sau, do nửa đêm trở dậy lọ mọ đi thắp nhang cho ông ngoại bị té rồi qua đời.

Và người con gái yêu thương của Lễ nữa, con người có đôi mắt biết nói đo, cũng đã ra đi vội vàng ở tuổi hai lăm, tuổi đẹp nhất đời người. Họ đã yêu lẫn yêu lóc trên những đồi cỏ xanh, yêu vùi mình nhau trong những cây rơm, yêu đến đau đớn nghẹn ngào trong lén lút sương khuya. Quả thật Đến có bà con xa với Lễ, gọi là bà con chứ cũng sáu bảy đời rồi, cơn bão mạnh thổi đây qua đó chỉ còn những sợi gió mong manh. Mẹ Đến vin vào cái cớ bà con để cấm tuyệt sự qua lại của hai người, nhưng sự thật là như bà ta nói thẳng vào mặt Lễ: \_ Đũa mốc mà bày đặt chòi mâm sơn, mày nghèo mạt như thế mà không biết phận! Lễ uất quá, nhục quá nên bỏ làng mà đi. Đến theo mẹ lên lạy Phật trên chùa núi về bị bọn lục lâm trên Dốc Đá xuống chặn lại hiếp đến chết đi sống lại, ba ngày mùi tinh dịch vẫn còn nồng nặc cơ thể. Mẹ Đến dấu nhem chuyện này rồi tìm cách ép gả con gái cho một người đàn ông vợ chết nhưng giàu có nhờ nghề giết heo, gã đáng tuổi cha của Đến. Vì chữ hiếu, Đến nghe lời mẹ, nhưng trong đêm động

phòng, lại bị gã đàn ông nọ cởi hết quần áo, hành hạ thân xác đến rã rượi, ê chề; khi gã nọ đã no đủ, thoả mãn lăn ra ngủ say, Đến đã dùng dao lam cắt động mạch tay, thông tay ra mép giường cho máu phun tủa đến giọt cuối cùng. Nghe đâu sau đó vài năm gã đồ tể heo ấy cũng bệnh mà chết, chẳng ai biết bệnh gì mà gã cứ thông đầu ra khỏi giường, lấy hơi lên khè khè rồi ộc ộc như heo bị chọc tiết cho đến khi trút hơi thở cuối cùng. Dân làng xầm xì : \_ Quả báo!

Đêm đó, ở lại nhà người anh (khi xưa là nhà cũ của ngoại), Lễ thao thức cả đêm, cứ nhắm mắt lại, vừa thiu thiu là thấy những người đàn bà gánh tro lằm lũi, những đôi mắt trĩu nặng nỗi đau, những đôi vai oằn xuống nhưng vẫn chạy như điên về cuối chân trời, mồ hôi, máu và nước mắt của họ tuôn tủa về phía sau, va vào mặt Lễ những âm thanh ướt đẫm mặn chát như tiếng khóc trẻ thơ. Rồi những con trốt cuốn tro từ đôi gánh của họ tung lên trời, quần tụ lại thành những dấu hỏi khổng lồ, xám xịt bay lờ lờ khắp nẻo. Anh giật mình sờ tay lên mặt thấy da mặt ráo khô, biết mình nằm mơ, rồi anh không sao chớp mắt được nữa. Sáng, Lễ đi thật sớm ra thăm mộ ba người đàn bà của mình. Chín cây nhang thấp cho ba ngôi mộ đều có tàn cong xoắn lại như hình những dấu hỏi làm bằng tàn tro trong cơn gió xoáy. Những dấu hỏi làm bằng tro- tàn- trong- cơn -gió- xoáy!

Núi Tà Cú . Tháng 8. 2002